BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21/ QĐ -ĐHKTYTHD

Hải Dương, ngày 22 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xử lý học vụ, đợt xét tháng 02 năm 2021
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

Căn cứ quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 12/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương.

Căn cứ Nghị quyết số 194/NQ-HĐT-ĐHKTYTHD ngày 02/4/2021 của Hội đồng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 578/QĐ – ĐHKTYTHD ngày 06/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương ban hành Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét học vụ cho sinh viên hệ đại học, cao đẳng ngày 17/02/2021.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận kết quả xét học vụ, đợt xét tháng 02 năm 2022 cho 78 sinh viên hệ đại học chính quy thuộc diện hạng yếu:

(Có danh sách sinh viên hạng yếu kèm theo)

Điều 2: Sinh viên thuộc diện hạng yếu phải giảm khối lượng tín chỉ học tập trong học kỳ kế tiếp theo đúng các Quy chế, Quy định hiện hành của Trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các Cố vấn học tập kiểm soát khối lượng đăng ký của sinh viên thuộc diện hạng yếu và báo cáo Trưởng khoa, bộ môn. Các khoa, bộ môn báo cáo tình trạng đăng ký tín chỉ của sinh viên về phòng Quản lý Đào tạo.

Điều 3: Phòng Công tác quản lý sinh viên có trách nhiệm gửi thông báo tình hình học tập của sinh viên có tên trong Điều 1 về gia đình.

Điều 4. Các ông bà Trưởng phòng Quản lý đào tạo, phòng Khảo thí – bảo đảm chất lượng giáo dục, phòng Tổ chức cán bộ, phòng Công tác quản lý sinh viên, phòng QLKHCN & HTQT, phòng Hành chính quản trị, phòng Trang thiết bị, phòng Tài chính kế toán, phòng Công nghệ thông tin, các khoa, bộ môn và các sinh viên có tên trong điều 1 căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận
- Như trên
- Lưu VT, QLĐT

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

PGS.TS. Đinh Thị Diệu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN THUỘC DIỆN HẠNG YẾU THÁNG 2 NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 21/QĐ-ĐHKTYTHD ngày 22/02/2022
của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương)

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	TBC học tập	Năm đào tạo
1	3110821002	Đặng Việt Anh	18/07/2003	01ĐH21PHCN	4.3	1
2	3110821019	Nguyễn Minh Đức	03/11/2003	01ĐH21PHCN	4.6	1
3	3110821043	Phạm Thu Huệ	07/06/2002	01ĐH21PHCN	4.7	1
4	3110821061	Lê Hoàng Long	06/04/2003	01ĐH21PHCN	4.7	1
5	3110821062	Nguyễn Thị Lụa	19/07/2003	01ĐH21PHCN	4.6	1
6	3110821074	Nguyễn Đình Ngọc	26/09/2003	01ĐH21PHCN	4.2	1
7	3110821076	Hoàng Thùy Nguyên	13/07/2001	01ĐH21PHCN	3.9	1
8	3110821092	Hoàng Văn Quyết	14/05/2003	01ĐH21PHCN	4.7	1
9	3110821109	La Hồng Tiến	22/07/2003	01ĐH21PHCN	4.6	1
10	3110821121	Nguyễn Anh Tuấn	05/01/2003	01ĐH21PHCN	4.2	1
11	3110821127	Nguyễn Trần Thu Uyên	06/12/2003	01ĐH21PHCN	4.9	1
12	3110821134	Lê Thanh Hòa	20/10/2002	01ĐH21PHCN	4.7	1
13	3110221010	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	14/01/2003	01ĐH21ĐD	4.3	1
14	3110221054	Nguyễn Huy Hoàng	25/03/2003	01ĐH21ĐD	4.3	1
15	3110221072	Lê Quốc Huynh	08/04/2003	01ĐH21ĐD	4.9	1
16	3110221102	Nguyễn Bình Minh	11/06/2003	01ĐH21ĐD	4.7	1
17	3110221103	Trần Quang Minh	09/01/2003	01ĐH21ĐD	4.8	1
18	3110221112	Nguyễn Kim Ngọc	10/12/2003	01ĐH21ĐD	4.9	1
19	3110221147	Nguyễn Phương Thảo	28/05/2003	01ĐH21ĐD	4.7	1
20	3110221177	Triệu Thu Trang	14/11/2003	01ĐH21ĐD	4.9	1
21	3110221187	Hoàng Xuân Vũ	14/09/2003	01ĐH21ĐD	4.6	1
22	3110221206	Nguyễn Diệu Anh	18/08/2003	02ĐH21ĐD	4.6	1
23	3110221223	Nguyễn Thị Lan Chinh	17/07/2003	02ĐH21ĐD	4.9	1
24	3110221244	Phan Thị Thu Hằng	11/11/2003	02ĐH21ĐD	4.9	1
25	3110221268	Nguyễn Thị Khánh Huyền	24/11/2003	02ĐH21ĐD	4.9	1
26	3110221279	Lê Diệu Linh	02/05/2003	02ĐH21ĐD	4.7	1
27	3110221284	Nguyễn Thùy Linh	18/05/2003	02ĐH21ĐD	4.6	1
28	3110221294	Đào Thị Cẩm Ly	09/10/2003	02ĐH21ĐD	4.8	1
29	3110221341	Nguyễn Thị Thanh	20/02/2003	02ĐH21ĐD	4.8	1
30	3110221366	Hồ Thị Huyền Trang	27/11/2003	02ĐH21ĐD	4.9	1
31	3110221027	Nguyễn Hữu Đức	01/05/2002	03ĐH21ĐD	4.9	1
32	3110221134	Phạm Thị Thuý Quỳnh	14/12/2003	03ĐH21ĐD	4.4	1
33	3110221139	Hoàng Minh Tâm	06/10/2003	03ĐH21ĐD	4.5	1
34	3110221180	Dương Văn Tươi	12/10/2003	03ĐH21ĐD	4.7	1
35	3110221252	Phạm Thị Khánh Hòa	21/12/2003	03ĐH21ĐD	4.6	1
36	3110221259	Nguyễn Mạnh Hùng	22/07/2003	03ĐH21ĐD	4.5	1
37	3110221360	Nguyễn Thanh Trà	23/12/2003	03ĐH21ĐD	4.8	1
38	3110720030	Phạm Thành Danh	09/12/2002	01ĐH21KTHA	4.8	1
39	3110720130	Trần Văn Quân	03/07/2002	01ĐH21KTHA	4.2	1
40	3110720144	Phạm Đức Thành	26/11/2002	01ĐH21KTHA	4.5	1
41	3110721087	Hàng Bảo Yên	09/06/2003	01ĐH21KTHA	4.4	1

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	TBC học tập	Năm đào tạo
42	3110720117	Nguyễn Hải Nguyên	02/06/2002	02ĐH21KTHA	4.6	1
43	3110721110	Nguyễn Văn Bằng	17/10/2003	02ĐH21KTHA	4.7	1
44	3110721164	Phạm Xuân Phái	07/07/2003	02ĐH21KTHA	4.9	1
45	3110721176	Phan Thu Trang	28/08/2003	02ĐH21KTHA	4.8	1
46	3110721179	Nguyễn Ngọc Tú	29/09/2003	02ĐH21KTHA	4.9	1
47	3111121007	Đặng Viết Bình	30/12/2001	01ĐH21YK	4.8	1
48	3111121059	Ngô Quang Long	14/10/2003	01ĐH21YK	4.9	1
49	3111121087	Trần Phương Thảo	23/02/2003	01ĐH21YK	4.9	1
50	3110720035	Phạm Thái Duy	31/01/2002	01ĐH20KTHA	4.8	2
51	3110720055	Đinh Hồng Hạnh	18/01/2002	01ĐH20KTHA	4.7	2
52	3110720101	Mạc Hoàng Minh	28/01/2002	01ĐH20KTHA	4.6	2
53	3110720107	Đỗ Ngọc Nam	10/07/2002	01ĐH20KTHA	4.8	2
54	3110720123	Nguyễn Thành Phương	22/04/2002	01ĐH20KTHA	4.9	2
55	3110720141	Mai Tiến Thành	01/12/2002	01ĐH20KTHA	4.5	2
56	3110720155	Phạm Đức Tiến	27/01/2002	01ĐH20KTHA	4.9	2
57	3110720165	Nguyễn Văn Trưởng	21/12/2002	01ĐH20KTHA	4.8	2
58	3110720012	Trần Đào Việt Anh	26/05/2002	02ĐH20KTHA	4.4	2
59	3110720024	Trung Quang Chuyên	01/11/2002	02ĐH20KTHA	4.7	2
60	3110720038	Tô Huy Dũng	09/08/2002	02ĐH20KTHA	4.9	2
61	3110720050	Hoàng Trường Giang	28/12/2002	02ĐH20KTHA	4.5	2
62	3110720054	Nguyễn Đức Hà	13/11/2002	02ĐH20KTHA	4.6	2
63	3110720058	Đặng Thành Hiếu	24/06/2002	02ĐH20KTHA	4	2
64	3110720062	Nguyễn Trung Hiếu	31/10/2002	02ĐH20KTHA	4.9	2
65	3110720084	Phạm Bá Hưng	01/01/2002	02ĐH20KTHA	4.2	2
66	3110720102	Nguyễn Danh Tuấn Minh	23/08/2002	02ĐH20KTHA	4.8	2
67	3110720142	Nguyễn Đình Thành	25/11/2001	02ĐH20KTHA	4.7	2
68	3110720158	Nguyễn Lương Toàn	02/03/2002	02ĐH20KTHA	4.6	2
69	3110720172	Bùi Quang Tú	20/10/2002	02ĐH20KTHA	4.1	2
70	3110820055	Phạm Thành Nam	21/12/2002	01ĐH20VL	4.9	2
71	3110520002	Bùi Hoàng Việt Anh	15/08/2002	01ĐH20XN	4.7	2
72	3110520017	Tống Việt Chinh	01/03/2002	01ĐH20XN	4.9	2
73	3110520056	Nguyễn Thụ Tuấn Khang	27/08/2002	01ĐH20XN	4.8	2
74	3110520102	Nguyễn Việt Thành	08/02/2002	01ĐH20XN	4.9	2
75	3110520263	Nguyễn Thị Thùy Linh	08/01/2002	02ĐH20XN	4.8	2
76	3111120025	Mạc Nam Dương	26/07/2002	01ĐH20YK	4.9	2
77	3111120035	Nguyễn Đình Hiếu	16/12/2002	01ĐH20YK	4.7	2
78	3110518075	Nguyễn Hải Nam	19/02/1999	01ĐH19XN	4.9	3

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

PGS.TS. Đinh Thị Diệu Hằng

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22/ QĐ -ĐHKTYTHD

Hải Dương, ngày 22 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xử lý học vụ, đợt xét tháng 02 năm 2022
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

Căn cứ quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 12/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương.

Căn cứ Nghị quyết số 194/NQ-HĐT-ĐHKTYTHD ngày 02/4/2021 của Hội đồng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 578/QĐ – ĐHKTYTHD ngày 06/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương ban hành Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét học vụ cho sinh viên hệ đại học, cao đẳng ngày 17/02/2021.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận kết quả xét học vụ, đợt xét tháng 02 năm 2021 cho 65 sinh viên hệ đại học chính quy thuộc diện cảnh báo học tập như sau:

TT	Số lần cảnh báo học tập	Số lượng	Ghi chú
1	Cảnh báo học tập lần thứ nhất	64	
2	Cảnh báo học tập lần thứ hai liên tiếp	01	

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2: Sinh viên thuộc diện cảnh báo học tập phải giảm khối lượng tín chỉ học tập học đi và đăng ký các học phần chưa đạt trong học kỳ kế tiếp theo đúng các Quy chế, Quy định hiện hành của Trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các Cố vấn học tập kiểm soát khối lượng đăng ký của sinh viện thuộc diện cảnh báo học tập và báo cáo Trưởng khoa, bộ môn. Các khoa, bộ môn báo cáo tình trạng đăng ký tín chỉ của sinh viên về phòng Quản lý Đào tạo.

Điều 3: Phòng Công tác quản lý sinh viên có trách nhiệm gửi thông báo tình hình học tập của sinh viên có tên trong Điều 1 về gia đình.

Điều 4. Các ông bà Trưởng phòng Quản lý đào tạo, phòng Khảo thí – bảo đảm chất lượng giáo dục, phòng Tổ chức cán bộ, phòng Công tác quản lý sinh viên, phòng QLKHCN & HTQT, phòng Hành chính quản trị, phòng Trang thiết bị, phòng Tài chính kế toán, phòng Công nghệ thông tin, các khoa, bộ môn và các sinh viên có tên trong điều 1 căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận
- Như trên
- Lưu VT, QLĐT

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

PGS.TS. Đinh Thị Diệu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN THUỘC DIỆN CẢNH BÁO HỌC TẬP THÁNG 2 NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 22/QĐ-ĐHKTYTHD ngày 22/02/2022

của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương)

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng số TC nợ	Lý do cảnh báo	Ghi chú
1	3111118009	Phạm Việt Cường	11/12/2000	01ĐH18YK	34	Nợ quá 24TC	lần 2 liên tiếp
2	3110519101	Nguyễn Bảo Ngọc	05/12/2001	01ĐH19XN	27	Nợ quá 24TC	
3	3110720152	Nguyễn Đăng Thuận	12/10/2002	02ĐH20KTHA	17	Điểm TBC là 0.8 đạt dưới 2.5	
4	3110720186	Nguyễn Văn Như Ý	07/09/2002	02ĐH20KTHA	25	Nợ quá 24TC	
5	3111120012	Phạm Ngọc Ánh	06/11/2002	01ĐH20YK	32	Nợ quá 24TC	
6	3111120090	Hoàng Thị Thanh Tú	09/02/2002	01ĐH20YK	25	Nợ quá 24TC	
7	3110821011	Nguyễn Danh Gia Bảo	16/10/2002	01ĐH21PHCN	9	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
8	3110821018	Nguyễn Mạnh Đức	12/01/2003	01ĐH21PHCN	12	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
9	3110821024	Phạm Nguyễn Ngọc Hải	12/11/2003	01ĐH21PHCN	14	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
10	3110821030	Nguyễn Thu Hiền	15/10/2003	01ĐH21PHCN	8	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
11	3110821033	Nguyễn Trung Hiếu	06/11/2003	01ĐH21PHCN	11	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
12	3110821036	Phan Phúc Hoàng	01/08/2002	01ĐH21PHCN	11	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
13	3110821044	Lại Thế Hùng	23/07/2003	01ĐH21PHCN	8	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
14	3110821068	Hoàng Nguyễn Nam	04/04/2001	01ĐH21PHCN	8	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
15	3110821069	Vương Chu Ngọc Nam	28/03/2003	01ĐH21PHCN	14	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
16	3110821072	Mùi Thu Ngân	02/03/2003	01ĐH21PHCN	9	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
17	3110821083	Nguyễn Đình Phúc	20/08/2003	01ĐH21PHCN	9	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
18	3110821100	Đèo Phạm Nhật Thành	12/03/2003	01ĐH21PHCN	12	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
19	3110821114	Lâm Thị Trang	18/08/2003	01ĐH21PHCN	11	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
20	3110821117	Phạm Thu Trang	05/12/2003	01ĐH21PHCN	12	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
21	3110821129	Nguyễn Thành Vinh	13/01/2003	01ĐH21PHCN	10	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
22	3110821130	Hồ Anh Vũ	31/10/2003	01ĐH21PHCN	14	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
23	3110221006	Ngô Thị Phương Anh	09/10/2003	01ĐH21ĐD	9	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
24	3110221041	Trần Thị Thu Hà	30/06/2002	01ĐH21ĐD	9	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
25	3110221074	Vi Mạnh Kiên	28/07/2003	01ĐH21ĐD	9	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
26	3110221126	Bùi Thị Minh Phương	20/10/2003	01ĐH21ĐD	9	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng số TC nợ	Lý do cảnh báo	Ghi chú
27	3110221129	Cao Thị Hà Quyên	27/09/2003	01ĐH21ĐD	9	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
28	3110221160	Hoàng Thị Thu Trà	08/08/2003	01ĐH21ĐD	9	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
29	3110221184	Nguyễn Phong Vân	11/05/2003	01ĐH21ĐD	9	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
30	3110221057	Đặng Thu Huệ	31/05/2003	02ĐH21ĐD	9	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
31	3110221059	Nguyễn Đình Hùng	14/11/2003	02ĐH21ĐD	10	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
32	3110221207	Nguyễn Thị Lan Anh	23/06/2003	02ĐH21ĐD	11	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
33	3110221233	Phạm Nguyễn Tuấn Dương	20/11/2003	02ĐH21ĐD	9	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
34	3110221234	Lê Văn Duy	11/04/2003	02ĐH21ĐD	9	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
35	3110221251	Vũ Thúy Hoa	24/04/2003	02ĐH21ĐD	9	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
36	3110221256	Phạm Thị Huế	19/02/2003	02ĐH21ĐD	9	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
37	3110221277	Phan Mỹ Lệ	29/11/2003	02ĐH21ĐD	9	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
38	3110221287	Phan Ngọc Linh	09/09/2003	02ĐH21ĐD	9	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
39	3110221297	Phạm Thị Khánh Ly	04/11/2003	02ĐH21ĐD	9	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
40	3110221316	Hoàng Long Nhật	23/07/2003	02ĐH21ĐD	11	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
41	3110221354	Hà Thị Hoài Thương	18/02/2003	02ĐH21ĐD	9	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
42	3110221364	Đỗ Thu Trang	28/12/2002	02ĐH21ĐD	9	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
43	3110221212	Phạm Thị Ngọc Anh	13/10/2003	03ĐH21ĐD	9	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
44	3110221230	Tống Hoàng Dũng	14/09/2003	03ĐH21ĐD	9	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
45	3110721001	Mạc Minh An	20/10/2003	01ĐH21KTHA	13	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
46	3110721015	Hà Hải Đăng	28/08/2003	01ĐH21KTHA	12	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
47	3110721026	Lê Tuấn Hà	08/09/2003	01ĐH21KTHA	8	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
48	3110721053	Lê Xuân Lộc	22/09/2003	01ĐH21KTHA	8	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
49	3110721069	Lại Nhật Tân	10/02/2003	01ĐH21KTHA	14	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
50	3110721074	Trần Văn Thư	09/02/2003	01ĐH21KTHA	8	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
51	3110721084	Vũ Thanh Tùng	07/08/2003	01ĐH21KTHA	10	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
52	3110721103	Hứa Vũ Hải Anh	03/12/2003	02ĐH21KTHA	8	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
53	3110721107	Trần Đức Anh	25/01/2003	02ĐH21KTHA	8	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
54	3110721128	Nguyễn Tuấn Hiệp	08/10/2003	02ĐH21KTHA	13	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
55	3110721170	Phạm Văn Thanh	27/08/2003	02ĐH21KTHA	10	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng số TC nợ	Lý do cảnh báo	Ghi chú
56	3110520008	Lê Khánh Hoàng Anh	16/12/2002	01ĐH21XN	16	Điểm TBC là 1.6 đạt dưới 2	
57	3110521034	Nguyễn Hoan	12/01/2002	01ĐH21XN	8	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
58	3111121002	Nguyễn Thị Hoàng Anh	07/07/2003	01ĐH21YK	9	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
59	3111121011	Đào Quốc Chung	18/07/2003	01ĐH21YK	7	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
60	3111121013	Lê Minh Đức	24/08/2002	01ĐH21YK	7	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
61	3111121014	Bạch Thùy Dương	27/08/2003	01ĐH21YK	7	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
62	3111121017	Trần Đăng Dương	29/01/2003	01ĐH21YK	9	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
63	3111121028	Trương Hồng Hạnh	15/02/2002	01ĐH21YK	7	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
64	3111121044	Nguyễn Quang Huy	03/05/2003	01ĐH21YK	7	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	
65	3111121081	Trần Việt Thắng	19/07/2003	01ĐH21YK	9	Nợ quá 50% số TC đăng ký HK1	

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

PGS.TS. Đinh Thị Diệu Hằng

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23/ QĐ -ĐHKTYTHD

Hải Dương, ngày 22 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xử lý học vụ, đợt xét tháng 02 năm 2022
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

Căn cứ quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 12/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương.

Căn cứ Nghị quyết số 194/NQ-HĐT-ĐHKTYTHD ngày 02/4/2021 của Hội đồng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 578/QĐ – ĐHKTYTHD ngày 06/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương ban hành Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét học vụ cho sinh viên hệ đại học, cao đẳng ngày 17/02/2021.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận kết quả xét học vụ, đợt xét tháng 02 năm 2021 cho 2773 sinh viên hệ đại học chính quy thuộc diện học tiếp:

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2: Sinh viên thuộc diện học tiếp phải đăng ký khối lượng tín chỉ học tập trong học kỳ kế tiếp theo đúng các Quy chế, Quy định hiện hành của Trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Các ông bà Trưởng phòng Quản lý đào tạo, phòng Khảo thí – bảo đảm chất lượng giáo dục, phòng Tổ chức cán bộ, phòng Công tác quản lý sinh viên, phòng QLKHCN & HTQT, phòng Hành chính quản trị, phòng Trang thiết bị, phòng Tài chính kế toán, phòng Công nghệ thông tin, các khoa, bộ môn và các sinh viên có tên trong điều 1 căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận
- Như trên
- Lưu VT, QLĐT

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

PGS.TS. Đinh Thị Diệu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HỌC TIẾP THÁNG 2 NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 23/QĐ-ĐHKTYTHD ngày 22/02/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương)

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
1	3110821001	Bùi Thị Bảo An	01ĐH21PHCN	15	6.4	1
2	3110821002	Đặng Việt Anh	01ĐH21PHCN	8	4.3	1
3	3110821004	Lê Đức Anh	01ĐH21PHCN	10	5.4	1
4	3110821005	Nguyễn Bá Hải Anh	01ĐH21PHCN	10	5	1
5	3110821006	Nguyễn Thị Phương Anh	01ĐH21PHCN	14	5.4	1
6	3110821007	Phạm Kim Anh	01ĐH21PHCN	15	5.8	1
7	3110821009	Vũ Thị Quỳnh Anh	01ĐH21PHCN	15	5.9	1
8	3110821010	Hà Thị Ngọc Ánh	01ĐH21PHCN	15	6.9	1
9	3110821011	Nguyễn Danh Gia Bảo	01ĐH21PHCN	6	4.6	1
10	3110821013	Bùi Thị Phương Châm	01ĐH21PHCN	19	6.6	1
11	3110821014	Lê Thị Phương Chi	01ĐH21PHCN	15	6.2	1
12	3110821016	Trần Thanh Chúc	01ĐH21PHCN	15	6.2	1
13	3110821017	Hà Trung Đức	01ĐH21PHCN	15	6	1
14	3110821018	Nguyễn Mạnh Đức	01ĐH21PHCN	7	4.4	1
15	3110821019	Nguyễn Minh Đức	01ĐH21PHCN	12	4.6	1
16	3110821020	Vũ Ngọc Duy	01ĐH21PHCN	19	7.6	1
17	3110821021	Đỗ Thị Ngọc Hà	01ĐH21PHCN	19	6.8	1
18	3110821022	Phạm Thị Thu Hà	01ĐH21PHCN	10	5.6	1
19	3110821023	Lê Tuấn Hải	01ĐH21PHCN	10	5.3	1
20	3110821024	Phạm Nguyễn Ngọc Hải	01ĐH21PHCN	3	3.8	1
21	3110821025	Đỗ Thị Hằng	01ĐH21PHCN	15	7.3	1
22	3110821026	Đoàn Thị Hồng Hạnh	01ĐH21PHCN	8	5.2	1
23	3110821028	Trần Thị Thúy Hậu	01ĐH21PHCN	15	7.6	1
24	3110821029	Nguyễn Thị Thu Hiền	01ĐH21PHCN	19	6.5	1
25	3110821030	Nguyễn Thu Hiền	01ĐH21PHCN	7	4.6	1
26	3110821031	Mai Đình Hiếu	01ĐH21PHCN	15	6.5	1
27	3110821032	Nguyễn Thị Thu Hiếu	01ĐH21PHCN	10	6.4	1
28	3110821033	Nguyễn Trung Hiếu	01ĐH21PHCN	3	3.6	1
29	3110821034	Hoàng Thanh Hoa	01ĐH21PHCN	15	6.1	1
30	3110821036	Phan Phúc Hoàng	01ĐH21PHCN	6	3.7	1
31	3110821037	Trần Huy Hoàng	01ĐH21PHCN	10	5.2	1
32	3110821038	Vũ Đức Hoàng	01ĐH21PHCN	19	6.3	1
33	3110821039	Đoàn Văn Học	01ĐH21PHCN	8	5.6	1
34	3110821041	Phạm Thị Huế	01ĐH21PHCN	15	7.1	1
35	3110821042	Nguyễn Thị Huệ	01ĐH21PHCN	15	8	1
36	3110821043	Phạm Thu Huệ	01ĐH21PHCN	12	4.7	1
37	3110821044	Lại Thế Hùng	01ĐH21PHCN	7	4.3	1
38	3110821045	Cao Thị Lan Hương	01ĐH21PHCN	15	6.8	1
39	3110821048	Phạm Thị Thúy Hường	01ĐH21PHCN	10	5.6	1
40	3110821049	Nguyễn Quang Huy	01ĐH21PHCN	19	6.6	1
41	3110821050	Nguyễn Khánh Huyền	01ĐH21PHCN	15	6.9	1
42	3110821051	Nguyễn Duy Kiên	01ĐH21PHCN	15	6.8	1
43	3110821052	Bùi Thủy Linh	01ĐH21PHCN	14	5.6	1

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
44	3110821053	Đoàn Kim Hải Linh	01ĐH21PHCN	15	6.4	1
45	3110821055	Hoàng Thị Loan	01ĐH21PHCN	10	6.1	1
46	3110821056	Ngô Đặng Thảo Loan	01ĐH21PHCN	12	5	1
47	3110821057	Nguyễn Thị Mai Loan	01ĐH21PHCN	15	6.4	1
48	3110821058	Ngô Thành Lộc	01ĐH21PHCN	14	5.6	1
49	3110821060	Nguyễn Thành Lợi	01ĐH21PHCN	19	7.8	1
50	3110821061	Lê Hoàng Long	01ĐH21PHCN	12	4.7	1
51	3110821062	Nguyễn Thị Lụa	01ĐH21PHCN	10	4.6	1
52	3110821063	Trần Khánh Ly	01ĐH21PHCN	15	5.7	1
53	3110821064	Nguyễn Phương Mai	01ĐH21PHCN	15	6.4	1
54	3110821066	Đỗ Thị Mơ	01ĐH21PHCN	15	7.3	1
55	3110821068	Hoàng Nguyễn Nam	01ĐH21PHCN	7	4.4	1
56	3110821069	Vương Chu Ngọc Nam	01ĐH21PHCN	1	3.7	1
57	3110821070	Mông Thị Thúy Nga	01ĐH21PHCN	10	5.1	1
58	3110821071	Nguyễn Thiên Nga	01ĐH21PHCN	14	5	1
59	3110821072	Mùi Thu Ngân	01ĐH21PHCN	6	4.5	1
60	3110821073	Nguyễn Bảo Ngọc	01ĐH21PHCN	15	6.3	1
61	3110821074	Nguyễn Đình Ngọc	01ĐH21PHCN	8	4.2	1
62	3110821075	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	01ĐH21PHCN	14	5.1	1
63	3110821076	Hoàng Thùy Nguyên	01ĐH21PHCN	8	3.9	1
64	3110821077	Lê Thị Nhật	01ĐH21PHCN	14	5.6	1
65	3110821078	Đỗ Thị Tuyết Nhi	01ĐH21PHCN	10	5.4	1
66	3110821080	Bùi Cẩm Nhung	01ĐH21PHCN	15	6.2	1
67	3110821081	Đỗ Thị Trang Nhung	01ĐH21PHCN	15	6.7	1
68	3110821082	Đỗ Hồng Phúc	01ĐH21PHCN	15	7.6	1
69	3110821083	Nguyễn Đình Phúc	01ĐH21PHCN	5	5	1
70	3110821084	Nguyễn Minh Phương	01ĐH21PHCN	10	5.4	1
71	3110821085	Nguyễn Minh Phương	01ĐH21PHCN	15	6.4	1
72	3110821086	Nguyễn Thị Phương	01ĐH21PHCN	19	6.5	1
73	3110821087	Nguyễn Thị Thanh Phương	01ĐH21PHCN	15	6.8	1
74	3110821088	Đồng Kim Phượng	01ĐH21PHCN	14	5.6	1
75	3110821089	Lê Hồng Quân	01ĐH21PHCN	19	6	1
76	3110821090	Phùng Hồng Quân	01ĐH21PHCN	10	5.3	1
77	3110821091	Nguyễn Thị Quyên	01ĐH21PHCN	19	6.9	1
78	3110821092	Hoàng Văn Quyết	01ĐH21PHCN	10	4.7	1
79	3110821093	Phạm Tiến Quyết	01ĐH21PHCN	15	5.8	1
80	3110821095	Hoàng Thị Diễm Quỳnh	01ĐH21PHCN	10	6.4	1
81	3110821097	Tôn Thị Tâm	01ĐH21PHCN	15	6.9	1
82	3110821098	Trần Thị Mỹ Tâm	01ĐH21PHCN	13	6	1
83	3110821099	Dương Quang Thắng	01ĐH21PHCN	14	5.1	1
84	3110821100	Đèo Phạm Nhật Thành	01ĐH21PHCN	3	4.1	1
85	3110821101	Bùi Thanh Thảo	01ĐH21PHCN	10	5.2	1
86	3110821102	Hoàng Thị Thu Thảo	01ĐH21PHCN	15	5.9	1
87	3110821103	Lê Thị Phương Thảo	01ĐH21PHCN	14	5.8	1
88	3110821104	Ngô Phương Thảo	01ĐH21PHCN	15	6.8	1
89	3110821105	Nguyễn Phúc Hưng Thịnh	01ĐH21PHCN	15	7	1
90	3110821106	Vũ Đình Thọ	01ĐH21PHCN	10	5.6	1

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
91	3110821108	Lại Thị Thúy	01ĐH21PHCN	15	6.3	1
92	3110821109	La Hồng Tiến	01ĐH21PHCN	8	4.6	1
93	3110821112	Cao Thị Thùy Trang	01ĐH21PHCN	19	7.1	1
94	3110821113	Đỗ Thị Huyền Trang	01ĐH21PHCN	13	5.8	1
95	3110821114	Lâm Thị Trang	01ĐH21PHCN	8	4.3	1
96	3110821115	Nguyễn Phương Trang	01ĐH21PHCN	15	6.4	1
97	3110821116	Nguyễn Vũ Kiều Trang	01ĐH21PHCN	15	7.1	1
98	3110821117	Phạm Thu Trang	01ĐH21PHCN	5	4.4	1
99	3110821119	Vũ Thanh Trúc	01ĐH21PHCN	10	6	1
100	3110821120	Triệu Thị Tú	01ĐH21PHCN	15	6.4	1
101	3110821121	Nguyễn Anh Tuấn	01ĐH21PHCN	10	4.2	1
102	3110821122	Nguyễn Đình Tuấn	01ĐH21PHCN	15	7.2	1
103	3110821124	Nguyễn Thanh Tùng	01ĐH21PHCN	15	6.7	1
104	3110821125	Nguyễn Vũ Tùng	01ĐH21PHCN	17	6	1
105	3110821126	Phạm Thị Hồng Tươi	01ĐH21PHCN	15	7	1
106	3110821127	Nguyễn Trần Thu Uyên	01ĐH21PHCN	10	4.9	1
107	3110821128	Trương Thu Uyên	01ĐH21PHCN	15	7	1
108	3110821129	Nguyễn Thành Vinh	01ĐH21PHCN	7	4.6	1
109	3110821130	Hồ Anh Vũ	01ĐH21PHCN	1	3.4	1
110	3110821131	Vũ Đình Vương	01ĐH21PHCN	15	6.2	1
111	3110821132	Lê Hải Yến	01ĐH21PHCN	13	6.4	1
112	3110821133	Nguyễn Thị Ngọc Yến	01ĐH21PHCN	15	6.3	1
113	3110821134	Lê Thanh Hòa	01ĐH21PHCN	8	4.7	1
114	3110821135	Trần Hồng Sơn	01ĐH21PHCN	19	6.8	1
115	3110221002	Bùi Thị Tú Anh	01ĐH21ĐD	11	5.9	1
116	3110221003	Đặng Thị Lan Anh	01ĐH21ĐD	15	5.9	1
117	3110221004	Lê Tuấn Anh	01ĐH21ĐD	13	5.4	1
118	3110221006	Ngô Thị Phương Anh	01ĐH21ĐD	8	5.7	1
119	3110221008	Nguyễn Thị Lan Anh	01ĐH21ĐD	11	5.6	1
120	3110221010	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	01ĐH21ĐD	9	4.3	1
121	3110221014	Trần Thị Lan Anh	01ĐH21ĐD	13	5.5	1
122	3110221015	Trịnh Thị Mai Anh	01ĐH21ĐD	13	5.8	1
123	3110221023	Trần Đăng Chiến	01ĐH21ĐD	11	5.4	1
124	3110221024	Tăng Văn Công	01ĐH21ĐD	15	5.7	1
125	3110221025	Nguyễn Hải Đăng	01ĐH21ĐD	11	5.7	1
126	3110221028	Lê Thị Ngọc Dung	01ĐH21ĐD	11	5.9	1
127	3110221031	Đặng Thị Ánh Dương	01ĐH21ĐD	15	6.5	1
128	3110221036	Đỗ Thị Hương Giang	01ĐH21ĐD	17	7.5	1
129	3110221038	Lưu Thanh Hà	01ĐH21ĐD	17	7.2	1
130	3110221040	Nguyễn Thị Thu Hà	01ĐH21ĐD	17	7.9	1
131	3110221041	Trần Thị Thu Hà	01ĐH21ĐD	8	4.5	1
132	3110221042	Vũ Thị Hà	01ĐH21ĐD	11	5.2	1
133	3110221043	Nguyễn Thu Hằng	01ĐH21ĐD	13	6.2	1
134	3110221044	Phạm Thu Hằng	01ĐH21ĐD	17	7.2	1
135	3110221047	Dương Thanh Hiền	01ĐH21ĐD	17	6.5	1
136	3110221051	Nguyễn Mỹ Hoa	01ĐH21ĐD	11	5.4	1
137	3110221053	Lê Thị Hoài	01ĐH21ĐD	17	6.9	1

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
138	3110221054	Nguyễn Huy Hoàng	01ĐH21ĐD	9	4.3	1
139	3110221055	Nguyễn Thị Tuyết Hồng	01ĐH21ĐD	17	6.1	1
140	3110221058	Nguyễn Thị Huệ	01ĐH21ĐD	17	6.5	1
141	3110221061	Phạm Thị Thu Hương	01ĐH21ĐD	17	6.7	1
142	3110221062	Trần Thị Thu Hương	01ĐH21ĐD	15	5.9	1
143	3110221064	Cù Thị Thanh Huyền	01ĐH21ĐD	13	5.3	1
144	3110221066	Đồng Lâm Huyền	01ĐH21ĐD	11	5.8	1
145	3110221069	Quản Thị Thu Huyền	01ĐH21ĐD	15	6.1	1
146	3110221072	Lê Quốc Huynh	01ĐH21ĐD	11	4.9	1
147	3110221073	Lò Văn Khoa	01ĐH21ĐD	17	6.5	1
148	3110221074	Vi Mạnh Kiên	01ĐH21ĐD	8	5.1	1
149	3110221076	Vũ Ngọc Lan	01ĐH21ĐD	11	5.8	1
150	3110221077	Vũ Thị Thu Làn	01ĐH21ĐD	17	6.1	1
151	3110221078	Nguyễn Thị Bích Liên	01ĐH21ĐD	15	6	1
152	3110221081	Nguyễn Diệu Linh	01ĐH21ĐD	15	6.2	1
153	3110221087	Phạm Khánh Linh	01ĐH21ĐD	15	5.8	1
154	3110221089	Trương Thùy Linh	01ĐH21ĐD	11	5.8	1
155	3110221090	Vũ Thị Kiều Linh	01ĐH21ĐD	11	5.7	1
156	3110221091	Phạm Thị Loan	01ĐH21ĐD	17	6.9	1
157	3110221092	Trần Thị Lụa	01ĐH21ĐD	13	5.2	1
158	3110221093	Lao Thị Lương	01ĐH21ĐD	17	7	1
159	3110221095	Nguyễn Khánh Ly	01ĐH21ĐD	13	6.1	1
160	3110221096	Nguyễn Thị Ly	01ĐH21ĐD	17	6.7	1
161	3110221099	Lê Thị Mai	01ĐH21ĐD	11	5.4	1
162	3110221100	Nguyễn Thị Tuyết Mai	01ĐH21ĐD	17	6.6	1
163	3110221101	Nguyễn Thị Trà Mi	01ĐH21ĐD	17	6.4	1
164	3110221102	Nguyễn Bình Minh	01ĐH21ĐD	13	4.7	1
165	3110221103	Trần Quang Minh	01ĐH21ĐD	10	4.8	1
166	3110221106	Lê Thị Quỳnh Nga	01ĐH21ĐD	17	6.7	1
167	3110221108	Trần Thị Thúy Ngân	01ĐH21ĐD	13	5.5	1
168	3110221109	Vũ Thị Kim Ngân	01ĐH21ĐD	14	5.6	1
169	3110221112	Nguyễn Kim Ngọc	01ĐH21ĐD	11	4.9	1
170	3110221113	Phạm Thị Ngọc	01ĐH21ĐD	17	8.2	1
171	3110221118	Phạm Yến Nhi	01ĐH21ĐD	17	6.8	1
172	3110221121	Nguyễn Thị Hồng Nhung	01ĐH21ĐD	17	7	1
173	3110221122	Nguyễn Trang Nhung	01ĐH21ĐD	17	5.9	1
174	3110221124	Lương Thị Minh Phúc	01ĐH21ĐD	13	6	1
175	3110221126	Bùi Thị Minh Phương	01ĐH21ĐD	8	4.6	1
176	3110221129	Cao Thị Hà Quyên	01ĐH21ĐD	8	4.4	1
177	3110221130	Nguyễn Thị Tú Quyên	01ĐH21ĐD	11	5	1
178	3110221131	Hà Thị Thúy Quỳnh	01ĐH21ĐD	15	6.7	1
179	3110221133	Nguyễn Thị Quỳnh	01ĐH21ĐD	17	7.4	1
180	3110221135	Trần Thị Quỳnh	01ĐH21ĐD	15	6.2	1
181	3110221137	Vũ Thị Quỳnh	01ĐH21ĐD	17	6.8	1
182	3110221141	NgọC ĐứC Thanh	01ĐH21ĐD	15	5.3	1
183	3110221146	Hoàng Thanh Thảo	01ĐH21ĐD	17	7.1	1
184	3110221147	Nguyễn Phương Thảo	01ĐH21ĐD	11	4.7	1

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
185	3110221149	Nguyễn Thị Thu Thảo	01ĐH21ĐD	12	5.4	1
186	3110221151	Hoàng Thị Minh Thơm	01ĐH21ĐD	17	6.2	1
187	3110221153	Đặng Minh Thư	01ĐH21ĐD	17	7.5	1
188	3110221156	Nguyễn Thị Thúy	01ĐH21ĐD	15	5.8	1
189	3110221158	Nguyễn Thị Thủy	01ĐH21ĐD	17	7.6	1
190	3110221160	Hoàng Thị Thu Trà	01ĐH21ĐD	8	4.6	1
191	3110221163	Bùi Thị Quỳnh Trang	01ĐH21ĐD	13	5.7	1
192	3110221164	Đào Huyền Trang	01ĐH21ĐD	17	6.5	1
193	3110221166	Dương Kiều Trang	01ĐH21ĐD	17	6.6	1
194	3110221167	Hoàng Thị Trang	01ĐH21ĐD	17	7.5	1
195	3110221168	Lương Thị Kiều Trang	01ĐH21ĐD	17	7	1
196	3110221169	Ngô Thị Huyền Trang	01ĐH21ĐD	17	6.8	1
197	3110221170	Nguyễn Quỳnh Trang	01ĐH21ĐD	11	5	1
198	3110221172	Nguyễn Thị Huyền Trang	01ĐH21ĐD	17	6.2	1
199	3110221173	Nguyễn Thị Trang	01ĐH21ĐD	17	7	1
200	3110221175	Phạm Thị Trang	01ĐH21ĐD	11	5	1
201	3110221177	Triệu Thu Trang	01ĐH21ĐD	11	4.9	1
202	3110221179	Vũ Cẩm Tú	01ĐH21ĐD	12	5.1	1
203	3110221181	Đỗ Thị Tuyền	01ĐH21ĐD	11	5.3	1
204	3110221182	Bùi Thị Tuyết	01ĐH21ĐD	17	7.5	1
205	3110221184	Nguyễn Phong Vân	01ĐH21ĐD	8	5.1	1
206	3110221187	Hoàng Xuân Vũ	01ĐH21ĐD	11	4.6	1
207	3110221189	Quàng Thị Xuân	01ĐH21ĐD	17	6.2	1
208	3110221191	Nguyễn Thị Yến	01ĐH21ĐD	15	6.1	1
209	3110221257	Đoàn Thị Huệ	01ĐH21ĐD	13	6.2	1
210	3110221283	Nguyễn Thị Linh	01ĐH21ĐD	11	5.5	1
211	3110221321	Nguyễn Trang Nhung	01ĐH21ĐD	10	5.1	1
212	3110221030	Phan Thị Thúy Dung	02ĐH21ĐD	13	5.5	1
213	3110221057	Đặng Thu Huệ	02ĐH21ĐD	8	4.5	1
214	3110221059	Nguyễn Đình Hùng	02ĐH21ĐD	7	4.9	1
215	3110221157	Nguyễn Thị Thùy	02ĐH21ĐD	17	6.8	1
216	3110221204	Lê Tuấn Anh	02ĐH21ĐD	10	5.2	1
217	3110221206	Nguyễn Diệu Anh	02ĐH21ĐD	11	4.6	1
218	3110221207	Nguyễn Thị Lan Anh	02ĐH21ĐD	6	4.3	1
219	3110221208	Nguyễn Thị Mai Anh	02ĐH21ĐD	17	7.1	1
220	3110221209	Nguyễn Thị Phương Anh	02ĐH21ĐD	17	6.3	1
221	3110221210	Nguyễn Thị Vân Anh	02ĐH21ĐD	11	5.9	1
222	3110221213	Phạm Tường Anh	02ĐH21ĐD	11	5.9	1
223	3110221216	Đặng Ngọc Ánh	02ĐH21ĐD	17	6.9	1
224	3110221219	Vũ Thị Ngọc Bích	02ĐH21ĐD	17	6.2	1
225	3110221220	Nguyễn Ngọc Châm	02ĐH21ĐD	17	7.2	1
226	3110221221	Nguyễn Thảo Chi	02ĐH21ĐD	15	5.5	1
227	3110221223	Nguyễn Thị Lan Chinh	02ĐH21ĐD	11	4.9	1
228	3110221224	Đỗ Hồng Cương	02ĐH21ĐD	15	5.7	1
229	3110221225	Nguyễn Thị Diễm	02ĐH21ĐD	17	6.3	1
230	3110221227	Đặng Thùy Dung	02ĐH21ĐD	11	5.1	1
231	3110221229	Nguyễn Thị Dung	02ĐH21ĐD	17	6.8	1

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
232	3110221231	Đinh Sĩ Dương	02ĐH21ĐD	15	6.1	1
233	3110221232	Nguyễn Thị Thùy Dương	02ĐH21ĐD	17	7.8	1
234	3110221233	Phạm Nguyễn Tuấn Dương	02ĐH21ĐD	8	3.8	1
235	3110221234	Lê Văn Duy	02ĐH21ĐD	8	4	1
236	3110221235	Đặng Thị Trà Giang	02ĐH21ĐD	15	6.7	1
237	3110221236	Tạ Thị Trà Giang	02ĐH21ĐD	11	5.9	1
238	3110221237	Cao Thu Hà	02ĐH21ĐD	17	6.7	1
239	3110221239	Nguyễn Thị Nguyệt Hà	02ĐH21ĐD	17	7.2	1
240	3110221243	Phạm Thị Hằng	02ĐH21ĐD	11	5.1	1
241	3110221244	Phan Thị Thu Hằng	02ĐH21ĐD	9	4.9	1
242	3110221245	Phan Thị Hạnh	02ĐH21ĐD	17	7	1
243	3110221251	Vũ Thúy Hoa	02ĐH21ĐD	8	4.6	1
244	3110221254	Nguyễn Thế Hoạt	02ĐH21ĐD	17	6.9	1
245	3110221255	Nguyễn Thu Hồng	02ĐH21ĐD	17	6.7	1
246	3110221256	Phạm Thị Huế	02ĐH21ĐD	8	4.7	1
247	3110221258	Nguyễn Thị Thu Huệ	02ĐH21ĐD	17	6.2	1
248	3110221260	Nguyễn Thu Hương	02ĐH21ĐD	11	5.5	1
249	3110221262	Trần Thu Hương	02ĐH21ĐD	15	5.6	1
250	3110221263	Bùi Trần Khánh Huyền	02ĐH21ĐD	11	5.2	1
251	3110221266	Giang Phương Ngọc Huyền	02ĐH21ĐD	11	5.1	1
252	3110221268	Nguyễn Thị Khánh Huyền	02ĐH21ĐD	11	4.9	1
253	3110221269	Trần Ánh Huyền	02ĐH21ĐD	13	5.4	1
254	3110221271	Vũ Thị Huyền	02ĐH21ĐD	13	5.7	1
255	3110221277	Phan Mỹ Lệ	02ĐH21ĐD	8	4.6	1
256	3110221279	Lê Diệu Linh	02ĐH21ĐD	11	4.7	1
257	3110221282	Nguyễn Phương Linh	02ĐH21ĐD	17	6.4	1
258	3110221284	Nguyễn Thùy Linh	02ĐH21ĐD	11	4.6	1
259	3110221287	Phan Ngọc Linh	02ĐH21ĐD	8	4.6	1
260	3110221293	Nguyễn Thị Lương	02ĐH21ĐD	15	6.1	1
261	3110221294	Đào Thị Cẩm Ly	02ĐH21ĐD	11	4.8	1
262	3110221295	Nguyễn Thị Khánh Ly	02ĐH21ĐD	13	5.6	1
263	3110221297	Phạm Thị Khánh Ly	02ĐH21ĐD	8	4.6	1
264	3110221299	Nguyễn Thị Ngọc Mai	02ĐH21ĐD	17	6.3	1
265	3110221300	Lê Thị Trà Mi	02ĐH21ĐD	17	6.5	1
266	3110221303	Trần Quang Minh	02ĐH21ĐD	15	5.7	1
267	3110221305	Dương Thị Nga	02ĐH21ĐD	17	6.8	1
268	3110221306	Vũ Thị Nga	02ĐH21ĐD	17	6.7	1
269	3110221307	Hoàng Thanh Ngân	02ĐH21ĐD	17	6.5	1
270	3110221310	Lê Thị Ngoãn	02ĐH21ĐD	15	5.3	1
271	3110221311	Nguyễn Hoàng Ngọc	02ĐH21ĐD	17	5.9	1
272	3110221312	Phạm Thị Hồng Ngọc	02ĐH21ĐD	11	5.8	1
273	3110221316	Hoàng Long Nhật	02ĐH21ĐD	6	3.5	1
274	3110221322	Đào Hoàng Oanh	02ĐH21ĐD	15	6.3	1
275	3110221323	Đào Trung Phong	02ĐH21ĐD	9	5.1	1
276	3110221324	Nguyễn Lâm Phúc	02ĐH21ĐD	11	5.1	1
277	3110221327	Vương Thị Phượng	02ĐH21ĐD	17	6.3	1
278	3110221329	Đinh Đỗ Quyên	02ĐH21ĐD	17	6.7	1

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
279	3110221331	Nguyễn Như Quỳnh	02ĐH21ĐD	13	6.2	1
280	3110221332	Nguyễn Thị Quỳnh	02ĐH21ĐD	15	6.1	1
281	3110221337	Hoàng Văn Sáng	02ĐH21ĐD	12	5.3	1
282	3110221339	Lại Thị Thanh Tâm	02ĐH21ĐD	14	5.9	1
283	3110221341	Nguyễn Thị Thanh	02ĐH21ĐD	11	4.8	1
284	3110221343	Bùi Lê Minh Thảo	02ĐH21ĐD	17	6.5	1
285	3110221344	Bùi Thị Phương Thảo	02ĐH21ĐD	15	6.1	1
286	3110221345	Đinh Thị Thảo	02ĐH21ĐD	17	6.8	1
287	3110221346	Nguyễn Phương Thảo	02ĐH21ĐD	11	5.4	1
288	3110221347	Nguyễn Thị Phương Thảo	02ĐH21ĐD	13	6.3	1
289	3110221348	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02ĐH21ĐD	17	6.7	1
290	3110221350	Vũ Thị Thêu	02ĐH21ĐD	17	6.5	1
291	3110221351	Nguyễn Thị Thu	02ĐH21ĐD	17	7	1
292	3110221353	Khổng Thị Minh Thư	02ĐH21ĐD	15	6.6	1
293	3110221354	Hà Thị Hoài Thương	02ĐH21ĐD	8	4.6	1
294	3110221356	Đặng Thu Thủy	02ĐH21ĐD	15	6.6	1
295	3110221358	Phùng Thị Thanh Thủy	02ĐH21ĐD	15	6.2	1
296	3110221359	Hồ Minh Toàn	02ĐH21ĐD	17	6.6	1
297	3110221362	Trần Thị Trâm	02ĐH21ĐD	9	5	1
298	3110221363	Đàm Ngọc Trang	02ĐH21ĐD	17	6.8	1
299	3110221364	Đỗ Thu Trang	02ĐH21ĐD	8	4.4	1
300	3110221366	Hồ Thị Huyền Trang	02ĐH21ĐD	11	4.9	1
301	3110221368	Lưu Thùy Trang	02ĐH21ĐD	17	7.7	1
302	3110221369	Nguyễn Hà Trang	02ĐH21ĐD	13	5.5	1
303	3110221370	Nguyễn Quỳnh Trang	02ĐH21ĐD	17	6.2	1
304	3110221372	Nguyễn Thị Thu Trang	02ĐH21ĐD	13	6.4	1
305	3110221373	Nguyễn Thu Trang	02ĐH21ĐD	11	5.6	1
306	3110221376	Trần Thu Trang	02ĐH21ĐD	17	6.7	1
307	3110221377	Vũ Thị Thu Trang	02ĐH21ĐD	15	6.8	1
308	3110221382	Nguyễn Thu Uyên	02ĐH21ĐD	17	6.6	1
309	3110221384	Nguyễn Thị Vân	02ĐH21ĐD	17	6.1	1
310	3110221388	Nguyễn Thị Xuân	02ĐH21ĐD	17	6.5	1
311	3110221389	Đỗ Thị Hải Yến	02ĐH21ĐD	15	5.9	1
312	3110221005	Lữ Thị Vân Anh	03ĐH21ĐD	13	5.6	1
313	3110221007	Nguyễn Minh Anh	03ĐH21ĐD	17	6.7	1
314	3110221009	Nguyễn Thị Minh Anh	03ĐH21ĐD	17	7.1	1
315	3110221013	Phạm Thị Phương Anh	03ĐH21ĐD	17	6.1	1
316	3110221016	Đặng Ngọc Ánh	03ĐH21ĐD	11	5.3	1
317	3110221018	Nguyễn Ngọc Ánh	03ĐH21ĐD	17	7.3	1
318	3110221019	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	03ĐH21ĐD	13	6.1	1
319	3110221026	Nguyễn Ngọc Diệp	03ĐH21ĐD	17	7.4	1
320	3110221027	Nguyễn Hữu Đức	03ĐH21ĐD	11	4.9	1
321	3110221029	Nguyễn Phương Dung	03ĐH21ĐD	17	6.3	1
322	3110221034	Vũ Thùy Dương	03ĐH21ĐD	13	5.4	1
323	3110221035	Lương Minh Duyên	03ĐH21ĐD	17	6.7	1
324	3110221039	Nguyễn Thị Ngọc Hà	03ĐH21ĐD	17	7	1
325	3110221045	Trần Thu Hằng	03ĐH21ĐD	17	6.2	1

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
326	3110221046	Chử Quang Hào	03ĐH21ĐD	17	7.2	1
327	3110221048	Trần Thị Thu Hiền	03ĐH21ĐD	17	6.2	1
328	3110221049	Phan Minh Hiếu	03ĐH21ĐD	17	6.9	1
329	3110221050	Đặng Thị Hoa	03ĐH21ĐD	11	6.8	1
330	3110221056	Nguyễn Thị Huế	03ĐH21ĐD	13	5.5	1
331	3110221063	Phùng Thị Hường	03ĐH21ĐD	17	7	1
332	3110221067	Hoàng Thị Ngọc Huyền	03ĐH21ĐD	11	6.3	1
333	3110221068	Nguyễn Thanh Huyền	03ĐH21ĐD	17	6.2	1
334	3110221071	Trần Thị Ngọc Huyền	03ĐH21ĐD	17	7.4	1
335	3110221080	Lê Hà Linh	03ĐH21ĐD	17	6.2	1
336	3110221083	Nguyễn Thị Hoài Linh	03ĐH21ĐD	17	7	1
337	3110221084	Nguyễn Thị Thùy Linh	03ĐH21ĐD	11	5.2	1
338	3110221085	Nguyễn Thùy Linh	03ĐH21ĐD	17	5.9	1
339	3110221086	Nguyễn Thùy Linh	03ĐH21ĐD	12	5.5	1
340	3110221088	Trần Phương Linh	03ĐH21ĐD	14	5.8	1
341	3110221098	Trịnh Cẩm Ly	03ĐH21ĐD	13	5.8	1
342	3110221105	Trần Hải Nam	03ĐH21ĐD	11	5.5	1
343	3110221107	Bùi Thị Tuyết Ngân	03ĐH21ĐD	13	5.6	1
344	3110221110	Nguyễn Thị Hồng Nghĩa	03ĐH21ĐD	17	7.1	1
345	3110221111	Nguyễn Bảo Ngọc	03ĐH21ĐD	11	5.5	1
346	3110221114	Vũ Minh Ngọc	03ĐH21ĐD	15	6.5	1
347	3110221115	Phạm Thu Nguyệt	03ĐH21ĐD	11	5.7	1
348	3110221117	Nguyễn Đức Nhật	03ĐH21ĐD	13	5.6	1
349	3110221120	Phạm Quỳnh Như	03ĐH21ĐD	17	6.4	1
350	3110221123	Đinh Kim Oanh	03ĐH21ĐD	13	5.7	1
351	3110221125	Phạm Quang Phúc	03ĐH21ĐD	15	6	1
352	3110221127	Đỗ Hoài Phương	03ĐH21ĐD	15	6.5	1
353	3110221128	Nguyễn Mạnh Quân	03ĐH21ĐD	13	5.4	1
354	3110221132	Nguyễn Thị Như Quỳnh	03ĐH21ĐD	17	6.9	1
355	3110221134	Phạm Thị Thuý Quỳnh	03ĐH21ĐD	9	4.4	1
356	3110221136	Vũ Phương Quỳnh	03ĐH21ĐD	17	6.6	1
357	3110221138	Lê Thị Sao	03ĐH21ĐD	17	6.9	1
358	3110221139	Hoàng Minh Tâm	03ĐH21ĐD	11	4.5	1
359	3110221143	Nguyễn Đăng Thành	03ĐH21ĐD	13	5	1
360	3110221144	Bùi Ngọc Phương Thảo	03ĐH21ĐD	17	6.6	1
361	3110221148	Nguyễn Thị Phương Thảo	03ĐH21ĐD	17	6.8	1
362	3110221152	Nguyễn Thị Thu	03ĐH21ĐD	17	6.7	1
363	3110221154	Nguyễn Vân Thư	03ĐH21ĐD	17	7.1	1
364	3110221171	Nguyễn Quỳnh Trang	03ĐH21ĐD	11	5.9	1
365	3110221176	Trần Thu Trang	03ĐH21ĐD	13	5.7	1
366	3110221180	Dương Văn Tươi	03ĐH21ĐD	11	4.7	1
367	3110221211	Nguyễn Việt Kiều Anh	03ĐH21ĐD	15	5.8	1
368	3110221212	Phạm Thị Ngọc Anh	03ĐH21ĐD	8	4.6	1
369	3110221214	Trịnh Mai Anh	03ĐH21ĐD	10	5.7	1
370	3110221217	Lê Thị Ngọc Ánh	03ĐH21ĐD	17	6.7	1
371	3110221218	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	03ĐH21ĐD	17	6.9	1
372	3110221228	Nguyễn Ngọc Dung	03ĐH21ĐD	17	6.3	1

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
373	3110221230	Tống Hoàng Dũng	03ĐH21ĐD	8	4.3	1
374	3110221238	Nguyễn Thị Hà	03ĐH21ĐD	11	5.1	1
375	3110221240	Nguyễn Thu Hà	03ĐH21ĐD	17	7.1	1
376	3110221242	Vũ Thu Hà	03ĐH21ĐD	17	6	1
377	3110221246	Nguyễn Thị Hậu	03ĐH21ĐD	13	5.7	1
378	3110221249	Trần Duy Hiếu	03ĐH21ĐD	15	5.6	1
379	3110221250	Lê Vương Thiệu Hoa	03ĐH21ĐD	17	6.3	1
380	3110221252	Phạm Thị Khánh Hòa	03ĐH21ĐD	9	4.6	1
381	3110221259	Nguyễn Mạnh Hùng	03ĐH21ĐD	9	4.5	1
382	3110221265	Đinh Thị Thu Huyền	03ĐH21ĐD	17	6.8	1
383	3110221267	Ngô Thu Huyền	03ĐH21ĐD	13	5.3	1
384	3110221270	Trần Thị Ngọc Huyền	03ĐH21ĐD	17	6.5	1
385	3110221272	Tống Hoàng Khánh	03ĐH21ĐD	15	5.5	1
386	3110221273	Trần Duy Kiên	03ĐH21ĐD	17	5.8	1
387	3110221275	Đỗ Thị Mai Lan	03ĐH21ĐD	17	7.1	1
388	3110221278	Đỗ Tuấn Linh	03ĐH21ĐD	17	6.1	1
389	3110221280	Lò Thùy Linh	03ĐH21ĐD	15	5.9	1
390	3110221281	Nguyễn Mai Linh	03ĐH21ĐD	15	5.8	1
391	3110221285	Nguyễn Thùy Linh	03ĐH21ĐD	15	6	1
392	3110221286	Nguyễn Việt Linh	03ĐH21ĐD	17	7.2	1
393	3110221290	Vũ Thị Thùy Linh	03ĐH21ĐD	17	6	1
394	3110221291	Tạ Thị Lụa	03ĐH21ĐD	13	6.1	1
395	3110221292	Nguyễn Thị Thiên Luân	03ĐH21ĐD	17	7.7	1
396	3110221298	Đỗ Thị Thanh Mai	03ĐH21ĐD	13	5.9	1
397	3110221301	Ngô Quang Minh	03ĐH21ĐD	17	5.9	1
398	3110221304	Đặng Thị Thảo My	03ĐH21ĐD	17	7.5	1
399	3110221308	Trịnh Thị Ngân	03ĐH21ĐD	13	5.7	1
400	3110221309	Vũ Thị Tuyết Ngân	03ĐH21ĐD	17	6.6	1
401	3110221313	Vũ Hồng Ngọc	03ĐH21ĐD	17	6.9	1
402	3110221315	Lê Văn Nhã	03ĐH21ĐD	14	5.5	1
403	3110221317	Đinh Yến Nhi	03ĐH21ĐD	17	7.1	1
404	3110221318	Vũ Uyên Nhi	03ĐH21ĐD	17	7.2	1
405	3110221320	Bùi Thị Nhung	03ĐH21ĐD	15	7	1
406	3110221330	Đồng Thị Quỳnh	03ĐH21ĐD	17	6.2	1
407	3110221335	Vi Thị Như Quỳnh	03ĐH21ĐD	17	6.7	1
408	3110221336	Vũ Thị Diễm Quỳnh	03ĐH21ĐD	11	5.1	1
409	3110221342	Lò Thị Thành	03ĐH21ĐD	11	5.5	1
410	3110221349	Trần Thị Thanh Thảo	03ĐH21ĐD	17	6.8	1
411	3110221352	Đặng Anh Thư	03ĐH21ĐD	13	5.6	1
412	3110221355	Phạm Thị Thương	03ĐH21ĐD	17	6.6	1
413	3110221357	Lê Thị Thu Thủy	03ĐH21ĐD	17	7.1	1
414	3110221360	Nguyễn Thanh Trà	03ĐH21ĐD	11	4.8	1
415	3110221367	Lê Hoàng Trang	03ĐH21ĐD	13	6.1	1
416	3110221371	Nguyễn Thị Huyền Trang	03ĐH21ĐD	13	5.2	1
417	3110221374	Phạm Quỳnh Trang	03ĐH21ĐD	17	7.2	1
418	3110221375	Quách Vân Trang	03ĐH21ĐD	15	6	1
419	3110221378	Trần Thanh Tú	03ĐH21ĐD	17	7.1	1

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
420	3110221380	Trần Thị Thu Tươi	03ĐH21ĐD	13	6.2	1
421	3110221383	Đỗ Thị Thảo Vân	03ĐH21ĐD	17	7.3	1
422	3110221387	Phan Thị Xinh	03ĐH21ĐD	17	6.8	1
423	3110221391	Đặng Trang Ngọc Mỹ	03ĐH21ĐD	13	6	1
424	3110720016	Mai Quốc Bảo	01ĐH21KTHA	25	5.2	1
425	3110720030	Phạm Thành Danh	01ĐH21KTHA	13	4.8	1
426	3110720122	Nguyễn Minh Phương	01ĐH21KTHA	14	6.6	1
427	3110720130	Trần Văn Quân	01ĐH21KTHA	6	4.2	1
428	3110720144	Phạm Đức Thành	01ĐH21KTHA	9	4.5	1
429	3110721001	Mạc Minh An	01ĐH21KTHA	1	4.1	1
430	3110721002	Đàm Thị Quỳnh Anh	01ĐH21KTHA	11	6.9	1
431	3110721003	Đoàn Quốc Anh	01ĐH21KTHA	13	6.2	1
432	3110721004	Nguyễn Hoàng Anh	01ĐH21KTHA	18	6.8	1
433	3110721005	Nguyễn Phương Anh	01ĐH21KTHA	11	6.4	1
434	3110721008	Trần Ngọc Anh	01ĐH21KTHA	15	6.4	1
435	3110721011	Tạ Thị Mai Chi	01ĐH21KTHA	8	5.7	1
436	3110721012	Đặng Đức Chính	01ĐH21KTHA	18	6.3	1
437	3110721014	Đỗ Như Cương	01ĐH21KTHA	15	5.9	1
438	3110721015	Hà Hải Đăng	01ĐH21KTHA	6	4.3	1
439	3110721016	Nguyễn Tiến Đạt	01ĐH21KTHA	9	5.5	1
440	3110721017	Dương Văn Đức	01ĐH21KTHA	6	5.4	1
441	3110721019	Lê Tiến Dũng	01ĐH21KTHA	8	5.1	1
442	3110721020	Đỗ Văn Dương	01ĐH21KTHA	9	5	1
443	3110721021	Phùng Đăng Dương	01ĐH21KTHA	12	5.8	1
444	3110721022	Nguyễn Đình Duy	01ĐH21KTHA	11	5.4	1
445	3110721023	Nguyễn Hữu Duy	01ĐH21KTHA	9	5.2	1
446	3110721025	Đào Trường Giang	01ĐH21KTHA	11	5.4	1
447	3110721026	Lê Tuấn Hà	01ĐH21KTHA	6	4.6	1
448	3110721027	Nguyễn Thị Hạnh	01ĐH21KTHA	11	6	1
449	3110721028	Trần Thị Bích Hạnh	01ĐH21KTHA	18	6.8	1
450	3110721031	Nguyễn Trung Hiếu	01ĐH21KTHA	14	6.9	1
451	3110721033	An Thế Hoàng	01ĐH21KTHA	14	6.5	1
452	3110721034	Lê Việt Hoàng	01ĐH21KTHA	14	7	1
453	3110721035	Lương Thị Thu Hồng	01ĐH21KTHA	11	5.7	1
454	3110721036	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	01ĐH21KTHA	14	6.7	1
455	3110721037	Nguyễn Cát Anh Hùng	01ĐH21KTHA	11	6	1
456	3110721039	Hồ Nhật Hưng	01ĐH21KTHA	11	5.8	1
457	3110721040	Nguyễn Thị Mai Hương	01ĐH21KTHA	12	6.6	1
458	3110721041	Nguyễn Minh Huy	01ĐH21KTHA	14	6.8	1
459	3110721042	Trần Quang Huy	01ĐH21KTHA	18	8	1
460	3110721044	Hà Nam Khánh	01ĐH21KTHA	14	6.6	1
461	3110721045	Phạm Đình Khởi	01ĐH21KTHA	14	6.3	1
462	3110721046	Hà Đình Kiên	01ĐH21KTHA	12	5.8	1
463	3110721047	Phạm Trung Kiên	01ĐH21KTHA	18	7.2	1
464	3110721048	Hoàng Tùng Lâm	01ĐH21KTHA	14	6.6	1
465	3110721049	Trần Thị Ngọc Lan	01ĐH21KTHA	11	5	1
466	3110721050	Sái Cẩm Liên	01ĐH21KTHA	14	7.1	1

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
467	3110721051	Lê Thùy Linh	01ĐH21KTHA	14	6.3	1
468	3110721052	Nguyễn Khánh Linh	01ĐH21KTHA	18	6.9	1
469	3110721053	Lê Xuân Lộc	01ĐH21KTHA	6	4.6	1
470	3110721054	Trần Đức Lương	01ĐH21KTHA	14	6.9	1
471	3110721056	Nguyễn Đức Mạnh	01ĐH21KTHA	14	6.7	1
472	3110721058	Phạm Đức Minh	01ĐH21KTHA	7	5.2	1
473	3110721059	Nguyễn Trà My	01ĐH21KTHA	12	6.9	1
474	3110721060	Vũ Duy Nam	01ĐH21KTHA	14	6.4	1
475	3110721062	Nguyễn Thắng Nghĩa	01ĐH21KTHA	11	5.8	1
476	3110721063	Lê Trọng Nhân	01ĐH21KTHA	8	5.8	1
477	3110721064	Trần Đăng Ninh	01ĐH21KTHA	18	6	1
478	3110721066	Trần Thị Mai Phương	01ĐH21KTHA	14	6.6	1
479	3110721067	Bùi Đức Sáng	01ĐH21KTHA	13	6.5	1
480	3110721068	Trần Đức Tài	01ĐH21KTHA	14	6.9	1
481	3110721069	Lại Nhật Tân	01ĐH21KTHA	4	3.9	1
482	3110721070	Nguyễn Đức Thắng	01ĐH21KTHA	10	5.6	1
483	3110721072	Lường Thị Phương Thảo	01ĐH21KTHA	14	6.9	1
484	3110721073	Trịnh Thị Phương Thảo	01ĐH21KTHA	14	6.7	1
485	3110721074	Trần Văn Thư	01ĐH21KTHA	6	4.5	1
486	3110721076	Phạm Thị Thùy Trang	01ĐH21KTHA	14	6.5	1
487	3110721077	Phùng Ánh Thùy Trang	01ĐH21KTHA	14	6.9	1
488	3110721078	Bùi Văn Trường	01ĐH21KTHA	14	6.5	1
489	3110721079	Lê Anh Tú	01ĐH21KTHA	15	6	1
490	3110721080	Đỗ Việt Tuấn	01ĐH21KTHA	18	6.9	1
491	3110721082	Nguyễn Đức Tuấn	01ĐH21KTHA	12	6.5	1
492	3110721083	Vũ Minh Tuấn	01ĐH21KTHA	5	5.2	1
493	3110721084	Vũ Thanh Tùng	01ĐH21KTHA	4	4.6	1
494	3110721085	Mai Thị Vân	01ĐH21KTHA	14	6.6	1
495	3110721086	Nguyễn Long Vũ	01ĐH21KTHA	14	6.3	1
496	3110721087	Hảng Bảo Yên	01ĐH21KTHA	8	4.4	1
497	3110720117	Nguyễn Hải Nguyên	02ĐH21KTHA	13	4.6	1
498	3110721102	Đào Hoàng Anh	02ĐH21KTHA	11	5.8	1
499	3110721103	Hứa Vũ Hải Anh	02ĐH21KTHA	7	4.8	1
500	3110721105	Nguyễn Phương Anh	02ĐH21KTHA	12	5.2	1
501	3110721107	Trần Đức Anh	02ĐH21KTHA	6	4.8	1
502	3110721108	Trịnh Đức Anh	02ĐH21KTHA	14	5.9	1
503	3110721110	Nguyễn Văn Bằng	02ĐH21KTHA	7	4.7	1
504	3110721111	Nguyễn Hữu Chiến	02ĐH21KTHA	18	5.9	1
505	3110721112	Phạm Văn Công	02ĐH21KTHA	8	5	1
506	3110721113	Vũ Đình Công	02ĐH21KTHA	15	6.8	1
507	3110721114	Nguyễn Tiến Đại	02ĐH21KTHA	8	5	1
508	3110721115	Đỗ Thị Ánh Đào	02ĐH21KTHA	8	5.9	1
509	3110721117	Trần Trung Đức	02ĐH21KTHA	12	5	1
510	3110721119	Nguyễn Văn Dũng	02ĐH21KTHA	11	5.5	1
511	3110721120	Nguyễn Văn Dương	02ĐH21KTHA	14	5.4	1
512	3110721121	Trương Thị Thùy Dương	02ĐH21KTHA	11	5.9	1
513	3110721122	Nguyễn Hoàng Duy	02ĐH21KTHA	9	5.3	1

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
514	3110721123	Nguyễn Phạm Tiến Duy	02ĐH21KTHA	11	5.3	1
515	3110721124	Trần Thế Duy	02ĐH21KTHA	11	5.8	1
516	3110721125	Phạm Hương Giang	02ĐH21KTHA	11	5.7	1
517	3110721126	Nguyễn Thu Hằng	02ĐH21KTHA	12	5.9	1
518	3110721127	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	02ĐH21KTHA	14	6.9	1
519	3110721128	Nguyễn Tuấn Hiệp	02ĐH21KTHA	1	3.7	1
520	3110721129	Cao Minh Hiếu	02ĐH21KTHA	11	6.1	1
521	3110721130	Nguyễn Minh Hiếu	02ĐH21KTHA	9	5.5	1
522	3110721131	Trần Minh Hiếu	02ĐH21KTHA	18	8.2	1
523	3110721133	Hà Huy Hoàng	02ĐH21KTHA	14	6.5	1
524	3110721135	Nguyễn Thị Hồng	02ĐH21KTHA	11	6.3	1
525	3110721137	Nguyễn Đức Hùng	02ĐH21KTHA	14	6.8	1
526	3110721138	Bùi Duy Hưng	02ĐH21KTHA	15	6.3	1
527	3110721140	Nguyễn Đức Huy	02ĐH21KTHA	11	6.2	1
528	3110721141	Nguyễn Quang Huy	02ĐH21KTHA	11	5.5	1
529	3110721142	Đinh Thị Huyền	02ĐH21KTHA	11	5.7	1
530	3110721143	Tạ Thị Huyền	02ĐH21KTHA	18	5.9	1
531	3110721144	Phan Sỹ Khôi	02ĐH21KTHA	15	6.7	1
532	3110721145	Đoàn Trung Kiên	02ĐH21KTHA	9	5.7	1
533	3110721147	Tống Nguyễn Kiên	02ĐH21KTHA	14	6.3	1
534	3110721148	Nguyễn Thị Thu Lan	02ĐH21KTHA	18	7.2	1
535	3110721149	Lỗ Đình Lăng	02ĐH21KTHA	11	6	1
536	3110721150	Lê Thị Ngọc Linh	02ĐH21KTHA	11	6.9	1
537	3110721152	Nguyễn Thùy Linh	02ĐH21KTHA	11	5.9	1
538	3110721155	Ngọ Văn Mạnh	02ĐH21KTHA	11	6.4	1
539	3110721156	Nguyễn Thế Mạnh	02ĐH21KTHA	11	5.1	1
540	3110721157	Hoàng Anh Minh	02ĐH21KTHA	16	6.4	1
541	3110721158	Phạm Ngọc Minh	02ĐH21KTHA	12	5.5	1
542	3110721159	Hoàng Phương Nam	02ĐH21KTHA	11	5.3	1
543	3110721160	Vũ Phương Nam	02ĐH21KTHA	12	5.2	1
544	3110721161	Lê Thị Ngát	02ĐH21KTHA	14	5.8	1
545	3110721162	Đinh Văn Ngọc	02ĐH21KTHA	14	6.4	1
546	3110721164	Phạm Xuân Phái	02ĐH21KTHA	11	4.9	1
547	3110721165	Đỗ Thu Phương	02ĐH21KTHA	14	6.5	1
548	3110721166	Vũ Minh Quang	02ĐH21KTHA	11	5.1	1
549	3110721167	Tòng Thị Sơn	02ĐH21KTHA	11	6.2	1
550	3110721168	Hà Nhật Tân	02ĐH21KTHA	8	5.3	1
551	3110721170	Phạm Văn Thanh	02ĐH21KTHA	4	4.3	1
552	3110721171	Hoàng Phương Thảo	02ĐH21KTHA	11	5.4	1
553	3110721173	Phạm Đức Thiện	02ĐH21KTHA	11	5.6	1
554	3110721174	Lê Văn Thưởng	02ĐH21KTHA	14	6.8	1
555	3110721175	Đào Duy Toán	02ĐH21KTHA	11	5.6	1
556	3110721176	Phan Thu Trang	02ĐH21KTHA	5	4.8	1
557	3110721178	Đường Vinh Tú	02ĐH21KTHA	14	6.6	1
558	3110721179	Nguyễn Ngọc Tú	02ĐH21KTHA	8	4.9	1
559	3110721180	Hà Anh Tuấn	02ĐH21KTHA	14	6.2	1
560	3110721181	Nguyễn Anh Tuấn	02ĐH21KTHA	14	6.7	1

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
561	3110721182	Phạm Anh Tuấn	02ĐH21KTHA	14	6.7	1
562	3110721183	Lê Thanh Tùng	02ĐH21KTHA	14	6.8	1
563	3110721185	Nguyễn Đức Việt	02ĐH21KTHA	11	5.7	1
564	3110520008	Lê Khánh Hoàng Anh	01ĐH21XN	2	3.4	1
565	3110520025	Nguyễn Mạnh Đạt	01ĐH21XN	11	5.3	1
566	3110520045	Trần Thanh Huy	01ĐH21XN	18	5.9	1
567	3110521001	Nguyễn Thúy An	01ĐH21XN	9	6.2	1
568	3110521002	Hoàng Hiển Anh	01ĐH21XN	11	6.8	1
569	3110521003	Nguyễn Thị Thùy Anh	01ĐH21XN	13	7.4	1
570	3110521004	Phí Văn Hoàng Anh	01ĐH21XN	14	7.2	1
571	3110521005	Bùi Ngọc Ánh	01ĐH21XN	11	6.6	1
572	3110521006	Đàm Ngọc Ánh	01ĐH21XN	13	7.7	1
573	3110521007	Trần Ngọc Ánh	01ĐH21XN	13	6.5	1
574	3110521008	Phạm Việt Bách	01ĐH21XN	13	8	1
575	3110521009	Trần Quỳnh Châu	01ĐH21XN	7	6.1	1
576	3110521011	Tô Thị Chinh	01ĐH21XN	14	6.8	1
577	3110521012	Hoàng Kim Cúc	01ĐH21XN	11	6.2	1
578	3110521013	Đỗ Tiến Đạt	01ĐH21XN	14	7.1	1
579	3110521014	Nguyễn Tiến Đạt	01ĐH21XN	11	6.4	1
580	3110521015	Phan Thị Dinh	01ĐH21XN	14	6.7	1
581	3110521016	Nguyễn Thị Dung	01ĐH21XN	11	6.5	1
582	3110521017	Trịnh Phương Dung	01ĐH21XN	13	7.8	1
583	3110521019	Nguyễn Trường Dương	01ĐH21XN	13	6.8	1
584	3110521020	Bùi Thị Bích Duyên	01ĐH21XN	11	6.8	1
585	3110521021	Hoàng Huyền Giang	01ĐH21XN	13	8.2	1
586	3110521023	Đoàn Thị Thu Hà	01ĐH21XN	13	7.1	1
587	3110521024	Nguyễn Thu Hà	01ĐH21XN	14	6.9	1
588	3110521025	Vũ Thị Thu Hà	01ĐH21XN	14	6.5	1
589	3110521026	Nguyễn Thị Thu Hải	01ĐH21XN	13	6.7	1
590	3110521029	Nguyễn Thị Hạnh	01ĐH21XN	11	6	1
591	3110521030	Vũ Thị Hạnh	01ĐH21XN	13	6.7	1
592	3110521032	Nguyễn Văn Hiệp	01ĐH21XN	14	6	1
593	3110521033	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	01ĐH21XN	13	6.8	1
594	3110521034	Nguyễn Hoan	01ĐH21XN	5	4.7	1
595	3110521035	Phạm Duy Hùng	01ĐH21XN	14	6.2	1
596	3110521036	Lê Thị Hương	01ĐH21XN	11	5.5	1
597	3110521037	Dương Quang Huy	01ĐH21XN	7	5.4	1
598	3110521039	Nguyễn Thị Huyền	01ĐH21XN	13	6.7	1
599	3110521040	Nguyễn Thị Thu Huyền	01ĐH21XN	12	6.1	1
600	3110521042	Nguyễn Thúy Lam	01ĐH21XN	13	7.1	1
601	3110521043	Vũ Gia Thành Lâm	01ĐH21XN	13	7.4	1
602	3110521044	Bùi Thị Mai Linh	01ĐH21XN	11	5.3	1
603	3110521046	Nguyễn Thị Linh	01ĐH21XN	9	6.3	1
604	3110521047	Phan Thùy Linh	01ĐH21XN	11	6.1	1
605	3110521048	Trần Thị Mai Lương	01ĐH21XN	14	7.1	1
606	3110521049	Bùi Thị Mai	01ĐH21XN	11	6.7	1
607	3110521050	Hoàng Xuân Mai	01ĐH21XN	9	5.8	1

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
608	3110521051	Nguyễn Thị Thanh Mai	01ĐH21XN	13	7.1	1
609	3110521052	Vũ Thị Tuyết Mai	01ĐH21XN	9	5.5	1
610	3110521053	Trần Đức Mạnh	01ĐH21XN	12	6	1
611	3110521054	Nguyễn Hữu Tuấn Minh	01ĐH21XN	13	6.2	1
612	3110521057	Phạm Bích Ngọc	01ĐH21XN	14	6.1	1
613	3110521058	Phạm Quỳnh Như	01ĐH21XN	13	7.1	1
614	3110521059	Nguyễn Thị Kim Oanh	01ĐH21XN	13	7.5	1
615	3110521060	Lê Ngọc Phúc	01ĐH21XN	13	7.4	1
616	3110521061	Nguyễn Thị Thu Phương	01ĐH21XN	13	7	1
617	3110521063	Nguyễn Thị Quyên	01ĐH21XN	9	5.6	1
618	3110521065	Lồ Phà Suần	01ĐH21XN	7	5.9	1
619	3110521066	Dương Thị Thanh	01ĐH21XN	13	7.6	1
620	3110521067	Đặng Phương Thảo	01ĐH21XN	12	6.6	1
621	3110521068	Dư Phương Thảo	01ĐH21XN	11	6.6	1
622	3110521069	Phạm Thị Phương Thảo	01ĐH21XN	14	7.3	1
623	3110521071	Nguyễn Quỳnh Thu	01ĐH21XN	13	6.8	1
624	3110521072	Trần Huỳnh Anh Thư	01ĐH21XN	13	8.1	1
625	3110521073	Hoàng Thị Thuỳ	01ĐH21XN	13	7.6	1
626	3110521076	Hà Trọng Trấn	01ĐH21XN	12	6.5	1
627	3110521077	Đào Thu Trang	01ĐH21XN	13	8.3	1
628	3110521078	Kiều Thị Huyền Trang	01ĐH21XN	13	7.3	1
629	3110521079	Nguyễn Minh Trang	01ĐH21XN	13	7.1	1
630	3110521081	Trần Văn Tuấn	01ĐH21XN	12	6.6	1
631	3110521082	Trương Thanh Tùng	01ĐH21XN	13	7.3	1
632	3110521083	Trần Thị Tố Uyên	01ĐH21XN	13	6.5	1
633	3110521084	Phạm Hồng Vân	01ĐH21XN	13	6.5	1
634	3110521164	Phùng Thị Sơn Sơn	01ĐH21XN	9	5.4	1
635	3110521101	Nguyễn Văn An	02ĐH21XN	13	6.9	1
636	3110521102	Nguyễn Mai Anh	02ĐH21XN	11	6	1
637	3110521103	Phạm Thị Hải Anh	02ĐH21XN	14	6.2	1
638	3110521104	Vũ Trâm Anh	02ĐH21XN	13	6.4	1
639	3110521105	Bùi Thị Ánh	02ĐH21XN	14	6.4	1
640	3110521106	Mai Thị Hồng Ánh	02ĐH21XN	14	7.9	1
641	3110521107	Nguyễn Tất Bách	02ĐH21XN	11	6.3	1
642	3110521108	Dương Thị Thảo Băng	02ĐH21XN	12	6.3	1
643	3110521109	Nguyễn Phương Chi	02ĐH21XN	13	7.3	1
644	3110521110	Phạm Thị Mai Chi	02ĐH21XN	14	7.7	1
645	3110521112	Nguyễn Bá Cương	02ĐH21XN	13	8.1	1
646	3110521114	Phạm Thị Ngọc Diệp	02ĐH21XN	11	6.3	1
647	3110521115	Nguyễn Ngọc Đức	02ĐH21XN	11	6	1
648	3110521116	Nguyễn Thùy Dung	02ĐH21XN	9	6.3	1
649	3110521118	Nguyễn Thùy Dương	02ĐH21XN	9	6.1	1
650	3110521120	Bùi Bằng Giang	02ĐH21XN	13	7.1	1
651	3110521121	Nguyễn Thị Hương Giang	02ĐH21XN	14	6.6	1
652	3110521122	Vi Hiền Giang	02ĐH21XN	14	6.7	1
653	3110521123	Lê Thị Hà	02ĐH21XN	14	6.9	1
654	3110521124	Trần Hải Hà	02ĐH21XN	13	7.3	1

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
655	3110521125	Lê Văn Hải	02ĐH21XN	10	5.5	1
656	3110521126	Trần Quang Hải	02ĐH21XN	14	6.7	1
657	3110521127	Trần Thị Thu Hằng	02ĐH21XN	14	7.3	1
658	3110521129	Nguyễn Thị Hạnh	02ĐH21XN	14	6.4	1
659	3110521130	Đinh Thúy Hiền	02ĐH21XN	14	7.6	1
660	3110521132	Dương Công Hiếu	02ĐH21XN	14	6.9	1
661	3110521134	Nguyễn Lê Hoàng	02ĐH21XN	12	5.7	1
662	3110521135	Bùi Thị Quỳnh Hương	02ĐH21XN	14	6.8	1
663	3110521138	Nguyễn Thanh Huyền	02ĐH21XN	13	7.6	1
664	3110521139	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	02ĐH21XN	14	7.4	1
665	3110521140	Lê Văn Khánh	02ĐH21XN	14	5.7	1
666	3110521141	Nguyễn Thị Kim	02ĐH21XN	14	7	1
667	3110521142	Đỗ Thanh Lâm	02ĐH21XN	14	8.1	1
668	3110521143	Trần Thị Ngọc Lan	02ĐH21XN	14	6.2	1
669	3110521144	Đặng Thị Kiều Linh	02ĐH21XN	14	6.2	1
670	3110521145	Nguyễn Khánh Linh	02ĐH21XN	13	7.5	1
671	3110521148	Bùi Thị Hương Lý	02ĐH21XN	13	6.1	1
672	3110521149	Đỗ Thị Xuân Mai	02ĐH21XN	14	7.3	1
673	3110521151	Vũ Thị Thanh Mai	02ĐH21XN	14	6.8	1
674	3110521152	Vũ Xuân Mai	02ĐH21XN	13	7	1
675	3110521153	Đặng Thị Mến	02ĐH21XN	9	5.7	1
676	3110521154	Cao Thị Trà My	02ĐH21XN	13	6.8	1
677	3110521155	Huỳnh Thị Hồng Ngân	02ĐH21XN	7	5.8	1
678	3110521156	Bùi Minh Ngọc	02ĐH21XN	13	7.9	1
679	3110521157	Lê Thị Ánh Nguyệt	02ĐH21XN	12	6.4	1
680	3110521159	Phạm Văn Phát	02ĐH21XN	13	6.2	1
681	3110521160	Nguyễn Thị Phương	02ĐH21XN	14	6.9	1
682	3110521161	Nguyễn Thu Phượng	02ĐH21XN	13	6.6	1
683	3110521163	Nguyễn Thị Mai Quyền	02ĐH21XN	13	7.4	1
684	3110521165	Nguyễn Anh Tài	02ĐH21XN	12	6.3	1
685	3110521166	Uông Ngọc Thành	02ĐH21XN	13	6.6	1
686	3110521167	Đoàn Phương Thảo	02ĐH21XN	13	6.6	1
687	3110521168	Nguyễn Phương Thảo	02ĐH21XN	14	7.9	1
688	3110521169	Phạm Thu Thảo	02ĐH21XN	12	7.2	1
689	3110521170	Lương Thị Kim Thoan	02ĐH21XN	14	6.7	1
690	3110521172	Vũ Thị Minh Thư	02ĐH21XN	13	7.8	1
691	3110521173	Đỗ Thị Phương Thúy	02ĐH21XN	14	7.7	1
692	3110521175	Nguyễn Thanh Trà	02ĐH21XN	13	7.6	1
693	3110521176	Bùi Thị Huyền Trang	02ĐH21XN	13	7	1
694	3110521177	Đỗ Huyền Trang	02ĐH21XN	14	6.4	1
695	3110521178	Ngô Thị Thùy Trang	02ĐH21XN	14	7.3	1
696	3110521179	Nguyễn Thị Thu Trang	02ĐH21XN	14	6.1	1
697	3110521180	Chu Thị Thanh Trúc	02ĐH21XN	10	5.9	1
698	3110521181	Vũ Anh Tuấn	02ĐH21XN	14	6.3	1
699	3110521182	Lại Thu Uyên	02ĐH21XN	14	6.8	1
700	3110521183	Lương Thanh Vân	02ĐH21XN	9	6.4	1
701	3110521184	Phạm Thị Hải Yến	02ĐH21XN	13	7.1	1

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
702	3111120028	Tân Thanh Đức	01ĐH21YK	9	5.3	1
703	3111121002	Nguyễn Thị Hoàng Anh	01ĐH21YK	4	4.2	1
704	3111121003	Vũ Thị Ngọc Anh	01ĐH21YK	8	5.8	1
705	3111121007	Đặng Viết Bình	01ĐH21YK	6	4.8	1
706	3111121008	Nguyễn Thị Ca	01ĐH21YK	13	7	1
707	3111121009	Nguyễn Thị Hà Chi	01ĐH21YK	17	6.2	1
708	3111121010	Phạm Thị Chi	01ĐH21YK	13	6.7	1
709	3111121011	Đào Quốc Chung	01ĐH21YK	6	4.9	1
710	3111121012	Trương Thị Mai Doan	01ĐH21YK	11	6	1
711	3111121013	Lê Minh Đức	01ĐH21YK	6	4.2	1
712	3111121014	Bạch Thùy Dương	01ĐH21YK	6	5	1
713	3111121015	Đào Thùy Dương	01ĐH21YK	13	6.1	1
714	3111121017	Trần Đăng Dương	01ĐH21YK	8	4.8	1
715	3111121018	Nguyễn Vũ Duy	01ĐH21YK	8	5.9	1
716	3111121019	Hoàng Thị Hương Giang	01ĐH21YK	13	6.4	1
717	3111121020	Đinh Thị Hà	01ĐH21YK	11	5.5	1
718	3111121022	Nguyễn Thị Hà	01ĐH21YK	17	7.6	1
719	3111121023	Nguyễn Thu Hà	01ĐH21YK	11	6.3	1
720	3111121024	Nguyễn Thị Hồng Hải	01ĐH21YK	11	6.1	1
721	3111121025	Bùi Phương Hằng	01ĐH21YK	17	8.3	1
722	3111121026	Hà Hồng Hạnh	01ĐH21YK	11	5.9	1
723	3111121027	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	01ĐH21YK	17	6.6	1
724	3111121028	Trương Hồng Hạnh	01ĐH21YK	6	4.3	1
725	3111121030	Phạm Minh Hiển	01ĐH21YK	12	6.6	1
726	3111121031	Đồng Văn Hiếu	01ĐH21YK	8	5.1	1
727	3111121032	Lê Thị Minh Hiếu	01ĐH21YK	11	5.3	1
728	3111121035	Bùi Thanh Hòa	01ĐH21YK	13	6.1	1
729	3111121036	Lê Quang Hoàn	01ĐH21YK	17	6.8	1
730	3111121037	Nguyễn Triệu Hoàng	01ĐH21YK	17	7.4	1
731	3111121038	Vũ Văn Hoàng	01ĐH21YK	11	6	1
732	3111121039	Nguyễn Thị Minh Huệ	01ĐH21YK	17	6.7	1
733	3111121040	Đỗ Quang Hưng	01ĐH21YK	11	6.6	1
734	3111121041	Lê Quang Hưng	01ĐH21YK	15	6.3	1
735	3111121042	Nguyễn Thị Thu Hương	01ĐH21YK	13	7	1
736	3111121043	Hà Quốc Huy	01ĐH21YK	12	5	1
737	3111121044	Nguyễn Quang Huy	01ĐH21YK	6	5	1
738	3111121045	Ngô Thị Huyên	01ĐH21YK	14	5.9	1
739	3111121046	Nguyễn Thanh Huyền	01ĐH21YK	8	6.1	1
740	3111121047	Nguyễn Thị Vân Huyền	01ĐH21YK	17	7.9	1
741	3111121048	Nguyễn Đức Khôi	01ĐH21YK	13	6.9	1
742	3111121049	Vũ Văn Kiểm	01ĐH21YK	12	5.8	1
743	3111121050	Nguyễn Ngọc Lâm	01ĐH21YK	13	6.9	1
744	3111121051	Nguyễn Thị Phương Linh	01ĐH21YK	17	6.8	1
745	3111121052	Nguyễn Thị Thùy Linh	01ĐH21YK	10	5.7	1
746	3111121054	Phạm Thị Phương Linh	01ĐH21YK	13	6	1
747	3111121057	Lê Thị Loan	01ĐH21YK	13	6.9	1
748	3111121058	Đoàn Mạnh Long	01ĐH21YK	10	6	1

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
749	3111121059	Ngô Quang Long	01ĐH21YK	8	4.9	1
750	3111121060	Tòng Đức Mạnh	01ĐH21YK	9	5.6	1
751	3111121061	Tạ Quang Minh	01ĐH21YK	13	5.5	1
752	3111121062	Phạm Bá Nam	01ĐH21YK	12	6.4	1
753	3111121063	Vũ Khánh Nam	01ĐH21YK	13	6.4	1
754	3111121064	Luân Thị Kim Ngân	01ĐH21YK	13	6.8	1
755	3111121065	Ngô Thị Kim Ngân	01ĐH21YK	13	6.4	1
756	3111121067	Vũ Kim Ngân	01ĐH21YK	13	8.2	1
757	3111121068	Hoàng Văn Nghĩa	01ĐH21YK	17	7.4	1
758	3111121069	Phạm Đức Nguyên	01ĐH21YK	17	7.3	1
759	3111121070	Hà Thị Nhung	01ĐH21YK	13	6.2	1
760	3111121071	Hồ Thị Hồng Nhung	01ĐH21YK	11	5.8	1
761	3111121072	Nông Thanh Phong	01ĐH21YK	17	6	1
762	3111121073	Đỗ Xuân Phúc	01ĐH21YK	13	5.9	1
763	3111121074	Tòng Văn Phương	01ĐH21YK	11	6.5	1
764	3111121075	Vũ Việt Quang	01ĐH21YK	8	5.7	1
765	3111121076	Dương Minh Quyến	01ĐH21YK	13	5.8	1
766	3111121077	Phạm Thị Quỳnh	01ĐH21YK	17	7	1
767	3111121078	Trần Thị Như Quỳnh	01ĐH21YK	17	7.4	1
768	3111121079	Phạm Mạnh Thái	01ĐH21YK	17	7.1	1
769	3111121080	Nguyễn Thị Thắm	01ĐH21YK	13	6.6	1
770	3111121081	Trần Việt Thắng	01ĐH21YK	4	4.9	1
771	3111121082	Trần Cao Thanh	01ĐH21YK	15	6.6	1
772	3111121084	Trịnh Quốc Thành	01ĐH21YK	17	6.7	1
773	3111121086	Mạc Thị Thảo	01ĐH21YK	13	7.4	1
774	3111121087	Trần Phương Thảo	01ĐH21YK	12	4.9	1
775	3111121088	Nguyễn Thị Anh Thư	01ĐH21YK	8	5.3	1
776	3111121089	Nguyễn Thị Thương	01ĐH21YK	13	6.4	1
777	3111121090	Nguyễn Văn Toàn	01ĐH21YK	11	5.8	1
778	3111121091	Phạm Thị Thu Trà	01ĐH21YK	17	6.4	1
779	3111121092	Chu Thị Hiền Trang	01ĐH21YK	15	6.6	1
780	3111121093	Lê Thiên Trang	01ĐH21YK	17	6.5	1
781	3111121094	Trần Quỳnh Trang	01ĐH21YK	13	6.9	1
782	3111121095	Lê Thị Tuyết Trinh	01ĐH21YK	13	6.6	1
783	3111121096	Bạc Cẩm Tú	01ĐH21YK	11	6.1	1
784	3111121098	Bùi Thanh Vân	01ĐH21YK	14	5.9	1
785	3111121099	Nguyễn Thị Hồng Vân	01ĐH21YK	17	7.5	1
786	3111121101	Nguyễn Thị Xuân	01ĐH21YK	13	7.1	1
787	3111121102	Vũ Thảo Xuân	01ĐH21YK	13	6.9	1
788	3111121103	Trương Hải Yến	01ĐH21YK	8	5.4	1
789	3110218118	Nguyễn Thanh Tùng	01ĐH20DD	50	6.7	2
790	3110220002	Bùi Thị Lan Anh	01ĐH20DD	42	6.1	2
791	3110220004	Lê Thị Phương Anh	01ĐH20DD	53	6.8	2
792	3110220005	Nguyễn Quỳnh Anh	01ĐH20DD	53	6.5	2
793	3110220007	Nguyễn Thị Tuyết Anh	01ĐH20DD	46	6.2	2
794	3110220010	Tạ Hữu Tuấn Anh	01ĐH20DD	53	6.2	2
795	3110220011	Trần Lan Anh	01ĐH20DD	42	6.2	2

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
796	3110220012	Vũ Quỳnh Anh	01ĐH20DD	47	6.2	2
797	3110220014	Đỗ Thị Ngọc Ánh	01ĐH20DD	50	6.5	2
798	3110220015	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	01ĐH20DD	55	6.7	2
799	3110220016	Trương Ngọc Ánh	01ĐH20DD	49	6.7	2
800	3110220017	Phạm Ngọc Bích	01ĐH20DD	47	6.4	2
801	3110220021	Đào Thị Huyền Dịu	01ĐH20DD	34	5.8	2
802	3110220023	Nguyễn Thị Thùy Dung	01ĐH20DD	43	6.1	2
803	3110220025	Đặng Thị Duyên	01ĐH20DD	56	6.6	2
804	3110220027	Phan Thùy Dương	01ĐH20DD	57	6.7	2
805	3110220028	Hà Hải Đăng	01ĐH20DD	53	7.1	2
806	3110220036	Đào Thị Phương Hằng	01ĐH20DD	53	7.1	2
807	3110220037	Phạm Thị Thu Hằng	01ĐH20DD	42	6	2
808	3110220039	Nguyễn Thanh Thanh Hiền	01ĐH20DD	42	6.4	2
809	3110220041	Nguyễn Thị Hòa	01ĐH20DD	48	6.5	2
810	3110220042	Nguyễn Thị Phương Huế	01ĐH20DD	57	7	2
811	3110220043	Nguyễn Minh Huệ	01ĐH20DD	34	5.8	2
812	3110220046	Lương Thị Huyền	01ĐH20DD	50	6.3	2
813	3110220050	Trần Thị Ngọc Huyền	01ĐH20DD	53	6.9	2
814	3110220053	Nguyễn Thị Minh Khuê	01ĐH20DD	44	6.1	2
815	3110220056	Nguyễn Thị Lan	01ĐH20DD	49	6.3	2
816	3110220058	Lê Thị Linh	01ĐH20DD	53	6.5	2
817	3110220061	Nguyễn Thành Long	01ĐH20DD	39	6	2
818	3110220064	Nguyễn Văn Mạnh	01ĐH20DD	42	6	2
819	3110220068	Nguyễn Thị Trà My	01ĐH20DD	55	6.3	2
820	3110220071	Lê Thị Nghĩa	01ĐH20DD	31	5.6	2
821	3110220072	Đỗ Hoài Ngọc	01ĐH20DD	44	6.2	2
822	3110220073	Lại Hồng Ngọc	01ĐH20DD	55	6.6	2
823	3110220075	Phạm Thị Bích Ngọc	01ĐH20DD	50	6.3	2
824	3110220076	Lê Thị Nguyệt	01ĐH20DD	57	7	2
825	3110220077	Nguyễn Thị Nhài	01ĐH20DD	32	5.6	2
826	3110220081	Giáp Hồng Nhung	01ĐH20DD	47	6.4	2
827	3110220082	Kiều Thị Hồng Nhung	01ĐH20DD	40	5.6	2
828	3110220083	Nguyễn Thị Hồng Nhung	01ĐH20DD	54	6.4	2
829	3110220085	Phạm Thị Oanh	01ĐH20DD	40	5.8	2
830	3110220088	Nguyễn Thị Thu Phương	01ĐH20DD	27	5.7	2
831	3110220092	Đỗ Như Quỳnh	01ĐH20DD	50	6.3	2
832	3110220093	Phạm Thị Quỳnh	01ĐH20DD	37	5.9	2
833	3110220095	Lò Tĩnh Tâm	01ĐH20DD	47	6.2	2
834	3110220096	Trần Thị Thanh Tâm	01ĐH20DD	53	7.1	2
835	3110220097	Nguyễn Văn Thành	01ĐH20DD	44	5.9	2
836	3110220098	Nguyễn Thị Phương Thảo	01ĐH20DD	44	5.8	2
837	3110220099	Nguyễn Thu Thảo	01ĐH20DD	38	5.7	2
838	3110220100	Trần Phương Thảo	01ĐH20DD	40	6.2	2
839	3110220102	Đoàn Như Thoa	01ĐH20DD	46	6.5	2
840	3110220103	Lê Thị Minh Thu	01ĐH20DD	40	5.8	2
841	3110220104	Vũ Thị Ngọc Thu	01ĐH20DD	56	7.2	2
842	3110220105	Ngô Thanh Thủy	01ĐH20DD	39	5.9	2

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
843	3110220106	Vũ Thị Ngọc Thủy	01ĐH20DD	56	6.9	2
844	3110220110	Hoàng Thị Trang	01ĐH20DD	57	7.2	2
845	3110220111	Nguyễn Kiều Trang	01ĐH20DD	57	7	2
846	3110220116	Nguyễn Thu Trà	01ĐH20DD	55	6.5	2
847	3110220117	Nguyễn Thị Trinh	01ĐH20DD	53	7	2
848	3110220124	Nguyễn Thị Kiều Vân	01ĐH20DD	43	5.6	2
849	3110220126	Đỗ Hương Xuân	01ĐH20DD	55	6.7	2
850	3110220201	Trần Thị Thúy An	01ĐH20DD	38	6	2
851	3110220202	Đặng Phương Anh	01ĐH20DD	53	7.2	2
852	3110220204	Nguyễn Quỳnh Anh	01ĐH20DD	43	6.3	2
853	3110220211	Trần Thị Lan Anh	01ĐH20DD	44	6	2
854	3110220212	Vũ Thị Anh	01ĐH20DD	57	7	2
855	3110220214	Ngô Thị Ngọc Ánh	01ĐH20DD	46	6.1	2
856	3110220219	Nguyễn Hải Chiều	01ĐH20DD	60	7.8	2
857	3110220227	Nguyễn Như Đạo	01ĐH20DD	41	6	2
858	3110220231	Đặng Ngọc Hà	01ĐH20DD	51	6.3	2
859	3110220233	Lê Đức Hải	01ĐH20DD	49	6.2	2
860	3110220235	Nguyễn Hồng Hạnh	01ĐH20DD	35	5.9	2
861	3110220241	Trịnh Thu Hòa	01ĐH20DD	51	6.4	2
862	3110220243	Nguyễn Quang Huy	01ĐH20DD	45	6.8	2
863	3110220245	Hứa Thu Huyền	01ĐH20DD	44	6.3	2
864	3110220253	Đào Thị Ngọc Lan	01ĐH20DD	46	6.2	2
865	3110220257	Đoàn Thị Linh	01ĐH20DD	47	6	2
866	3110220258	Nguyễn Thị Mỹ Linh	01ĐH20DD	38	6.1	2
867	3110220259	Bùi Mai Loan	01ĐH20DD	36	5.8	2
868	3110220262	Nguyễn Thị Luyến	01ĐH20DD	57	6.9	2
869	3110220266	Nguyễn Trần Lê Minh	01ĐH20DD	33	5.4	2
870	3110220267	Nguyễn Thị Trà My	01ĐH20DD	47	6.1	2
871	3110220270	Trần Thị Ngân	01ĐH20DD	53	6.7	2
872	3110220277	Nguyễn Thị Nhài	01ĐH20DD	48	6.4	2
873	3110220280	Đỗ Thị Hồng Nhung	01ĐH20DD	47	6.4	2
874	3110220282	Nguyễn Thị Nhung	01ĐH20DD	53	7	2
875	3110220283	Nguyễn Thị Trang Nhung	01ĐH20DD	53	6.5	2
876	3110220298	Nguyễn Thị Phương Thảo	01ĐH20DD	42	5.8	2
877	3110220299	Phạm Phương Thảo	01ĐH20DD	42	6.2	2
878	3110220303	Trần Thị Mai Thu	01ĐH20DD	55	6.9	2
879	3110220306	Bùi Thị Thư	01ĐH20DD	49	6.3	2
880	3110220310	Mai Phương Trang	01ĐH20DD	40	5.8	2
881	3110220316	Dương Thị Ngọc Trâm	01ĐH20DD	55	6.8	2
882	3110220320	Đỗ Đức Tuấn	01ĐH20DD	51	6.4	2
883	3110220326	Đào Thị Hải Yến	01ĐH20DD	38	6.1	2
884	3110220009	Phạm Hải Anh	01ĐH20GM	48	6.5	2
885	3110220018	Đỗ Đức Cảnh	01ĐH20GM	43	6.1	2
886	3110220026	Chu Ngọc Ánh Dương	01ĐH20GM	56	6.8	2
887	3110220034	Phạm Quang Hải	01ĐH20GM	37	6	2
888	3110220040	Trần Thu Hiền	01ĐH20GM	58	7	2
889	3110220049	Thái Thanh Huyền	01ĐH20GM	50	6.3	2

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
890	3110220062	Trần Đình Lộc	01ĐH20GM	34	5.7	2
891	3110220063	Nguyễn Hương Ly	01ĐH20GM	51	6.4	2
892	3110220065	Nguyễn Trà Mi	01ĐH20GM	54	6.9	2
893	3110220091	Dương Thị Như Quỳnh	01ĐH20GM	45	6.4	2
894	3110220109	Dư Thị Kiều Trang	01ĐH20GM	37	6.2	2
895	3110220112	Nguyễn Thị Trang	01ĐH20GM	58	7.4	2
896	3110220119	Lương Thành Trung	01ĐH20GM	58	7.6	2
897	3110220121	Nguyễn Thạch Trí Tuệ	01ĐH20GM	33	5.7	2
898	3110220122	Đỗ Thị Thu Uyên	01ĐH20GM	55	7	2
899	3110220206	Nguyễn Thị Phương Anh	01ĐH20GM	44	6.6	2
900	3110220208	Phan Bảo Anh	01ĐH20GM	37	6	2
901	3110220213	Đinh Ngọc Ánh	01ĐH20GM	46	6.1	2
902	3110220217	Ngô Duy Bộ	01ĐH20GM	53	7.2	2
903	3110220220	Nguyễn Thị Huyền Diệp	01ĐH20GM	41	6.3	2
904	3110220226	Lê Thùy Dương	01ĐH20GM	60	7.5	2
905	3110220232	Hồ Thị Hà	01ĐH20GM	52	6.6	2
906	3110220234	Trần Hoàng Hải	01ĐH20GM	52	6.5	2
907	3110220239	Nguyễn Thị Hiền	01ĐH20GM	48	6.7	2
908	3110220242	Lù Thị Huệ	01ĐH20GM	47	6.5	2
909	3110220264	Đào Thị Trà Mi	01ĐH20GM	46	6.2	2
910	3110220265	Nguyễn Đình Nhật Minh	01ĐH20GM	50	6.4	2
911	3110220268	Nguyễn Trà My	01ĐH20GM	56	7	2
912	3110220285	Nguyễn Thành Phát	01ĐH20GM	42	6.2	2
913	3110220288	Nguyễn Văn Phương	01ĐH20GM	43	5.8	2
914	3110220290	Phạm Thị Quyên	01ĐH20GM	49	6.4	2
915	3110220293	Vũ Thế Quỳnh	01ĐH20GM	49	7	2
916	3110220294	Bùi Thị Hoàng Sâm	01ĐH20GM	35	5.6	2
917	3110220295	Lương Hải Tâm	01ĐH20GM	56	6.7	2
918	3110220296	Nguyễn Bá Tiến Thành	01ĐH20GM	34	6.1	2
919	3110220297	Nguyễn Thị Thảo	01ĐH20GM	45	6	2
920	3110220311	Nguyễn Quỳnh Trang	01ĐH20GM	38	5.6	2
921	3110220318	Trần Đức Trọng	01ĐH20GM	54	7.1	2
922	3110220319	Nguyễn Thanh Trúc	01ĐH20GM	53	6.7	2
923	3110716068	Nguyễn Minh Hiếu	01ĐH20KTHA	22	5.1	2
924	3110719058	Trần Minh Hiếu	01ĐH20KTHA	35	5.3	2
925	3110720001	Hoàng Đức An	01ĐH20KTHA	39	5.6	2
926	3110720007	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	01ĐH20KTHA	44	6.8	2
927	3110720009	Nguyễn Tuấn Anh	01ĐH20KTHA	27	5.6	2
928	3110720015	Phạm Ngọc Ánh	01ĐH20KTHA	40	5.9	2
929	3110720017	Vũ Quốc Biên	01ĐH20KTHA	29	5.1	2
930	3110720021	Vũ Thị Quỳnh Chi	01ĐH20KTHA	45	6.3	2
931	3110720023	Nguyễn Đức Chung	01ĐH20KTHA	25	5.1	2
932	3110720027	Nguyễn Sinh Cương	01ĐH20KTHA	30	5.2	2
933	3110720031	Lê Nguyên Diên	01ĐH20KTHA	34	6.1	2
934	3110720033	Trần Thị Thùy Dung	01ĐH20KTHA	48	7.6	2
935	3110720035	Phạm Thái Duy	01ĐH20KTHA	29	4.8	2
936	3110720037	Tòng Tiến Dũng	01ĐH20KTHA	37	5.7	2

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
937	3110720039	Đỗ Xuân Dương	01ĐH20KTHA	28	5	2
938	3110720041	Đỗ Tiến Đạt	01ĐH20KTHA	29	5.3	2
939	3110720043	Phạm Dương Đạt	01ĐH20KTHA	46	6.4	2
940	3110720047	Nguyễn Đăng Đức	01ĐH20KTHA	42	6	2
941	3110720049	Nguyễn Trung Đức	01ĐH20KTHA	48	7.3	2
942	3110720051	Nguyễn Hoàng Giang	01ĐH20KTHA	48	6.8	2
943	3110720055	Đinh Hồng Hạnh	01ĐH20KTHA	18	4.7	2
944	3110720057	Nguyễn Văn Hậu	01ĐH20KTHA	26	5.4	2
945	3110720061	Nguyễn Huy Hiếu	01ĐH20KTHA	35	5.6	2
946	3110720063	Vũ Trung Hiếu	01ĐH20KTHA	48	6.8	2
947	3110720067	Cao Xuân Hoàn	01ĐH20KTHA	33	5.2	2
948	3110720075	Nguyễn Danh Huy	01ĐH20KTHA	43	5.8	2
949	3110720079	Nguyễn Văn Huy	01ĐH20KTHA	42	6.7	2
950	3110720085	Phạm Thu Hương	01ĐH20KTHA	40	6	2
951	3110720087	Phùng Quốc Khánh	01ĐH20KTHA	28	5.2	2
952	3110720095	Kiều Cao Long	01ĐH20KTHA	40	5.9	2
953	3110720097	Giang Đức Lương	01ĐH20KTHA	42	6.7	2
954	3110720099	Nguyễn Hương Ly	01ĐH20KTHA	22	5	2
955	3110720101	Mạc Hoàng Minh	01ĐH20KTHA	22	4.6	2
956	3110720105	Trần Anh Quốc Nhật Mỹ	01ĐH20KTHA	22	5.4	2
957	3110720106	Chu Việt Nam	01ĐH20KTHA	41	5.7	2
958	3110720107	Đỗ Ngọc Nam	01ĐH20KTHA	24	4.8	2
959	3110720115	Tống Ngọc Nghĩa	01ĐH20KTHA	44	6.4	2
960	3110720121	Mai Xuân Phúc	01ĐH20KTHA	44	6.2	2
961	3110720123	Nguyễn Thành Phương	01ĐH20KTHA	31	4.9	2
962	3110720131	Lý An Quốc	01ĐH20KTHA	30	5.3	2
963	3110720137	Hà Xuân Thanh	01ĐH20KTHA	38	5.8	2
964	3110720141	Mai Tiến Thành	01ĐH20KTHA	11	4.5	2
965	3110720143	Phạm Đình Thành	01ĐH20KTHA	42	6.5	2
966	3110720145	Trần Thị Thảo	01ĐH20KTHA	42	6.4	2
967	3110720149	Đồng Xuân Thắng	01ĐH20KTHA	46	6.6	2
968	3110720151	Bùi Minh Thông	01ĐH20KTHA	42	6.7	2
969	3110720153	Nguyễn Thị Phương Thùy	01ĐH20KTHA	45	6.4	2
970	3110720155	Phạm Đức Tiến	01ĐH20KTHA	25	4.9	2
971	3110720159	Phạm Văn Toàn	01ĐH20KTHA	48	6.6	2
972	3110720161	Cao Huyền Trang	01ĐH20KTHA	23	5.3	2
973	3110720163	Phạm Phú Triệu	01ĐH20KTHA	40	5.8	2
974	3110720165	Nguyễn Văn Trưởng	01ĐH20KTHA	21	4.8	2
975	3110720167	Hoàng Văn Tuấn	01ĐH20KTHA	46	6.4	2
976	3110720171	Trần Văn Tuệ	01ĐH20KTHA	33	5.7	2
977	3110720173	Nguyễn Thị Hà Ngọc Tú	01ĐH20KTHA	36	5.4	2
978	3110720175	Hoa Xuân Tùng	01ĐH20KTHA	34	5.4	2
979	3110720177	Nguyễn Thị Uyên	01ĐH20KTHA	41	6.4	2
980	3110720179	Nguyễn Đỗ Trung Văn	01ĐH20KTHA	45	7.8	2
981	3110720181	Nguyễn Huy Việt	01ĐH20KTHA	37	5.6	2
982	3110720185	Nguyễn Thị Kim Yến	01ĐH20KTHA	46	6.8	2
983	3110219056	Nguyễn Thị Hương	01ĐH20NHA	54	6.1	2

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
984	3110220001	Phạm Thị An	01ĐH20NHA	54	6.9	2
985	3110220003	Hoàng Vân Anh	01ĐH20NHA	52	6.4	2
986	3110220008	Nguyễn Việt Anh	01ĐH20NHA	49	6.2	2
987	3110220032	Hoàng Thu Hà	01ĐH20NHA	49	6.6	2
988	3110220038	Vi Hồng Hiếu	01ĐH20NHA	37	6	2
989	3110220044	Nguyễn Văn Huy	01ĐH20NHA	45	6.3	2
990	3110220060	Trần Thị Loan	01ĐH20NHA	37	5.6	2
991	3110220074	Nguyễn Đồng Như Ngọc	01ĐH20NHA	45	6	2
992	3110220118	Bùi Văn Trọng	01ĐH20NHA	41	6.2	2
993	3110220205	Nguyễn Thị Lan Anh	01ĐH20NHA	56	7.1	2
994	3110220223	Trần Kiều Mỹ Dung	01ĐH20NHA	58	6.7	2
995	3110220224	Nguyễn Hoàng Nhật Duy	01ĐH20NHA	42	6.3	2
996	3110220248	Phạm Thị Huyền	01ĐH20NHA	39	6.1	2
997	3110220252	Nguyễn Đăng Khải	01ĐH20NHA	44	6.7	2
998	3110220261	Nguyễn Tống Lộc	01ĐH20NHA	25	5.4	2
999	3110220274	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	01ĐH20NHA	41	6.6	2
1,000	3110220287	Nguyễn Thị Lan Phương	01ĐH20NHA	50	6.4	2
1,001	3110220291	Đặng Như Quỳnh	01ĐH20NHA	40	6.1	2
1,002	3110220292	Nguyễn Như Quỳnh	01ĐH20NHA	54	7.2	2
1,003	3110220300	Vũ Thị Phương Thảo	01ĐH20NHA	36	6.2	2
1,004	3110220301	Nguyễn Thị Thiện	01ĐH20NHA	43	6.2	2
1,005	3110220304	Vương Thị Thu	01ĐH20NHA	52	6.4	2
1,006	3110220308	Dương Thị Tiếp	01ĐH20NHA	45	6	2
1,007	3110220315	Đặng Hồng Trà	01ĐH20NHA	55	6.6	2
1,008	3110220325	Tạ Thùy Vy	01ĐH20NHA	44	6.2	2
1,009	3110719002	Doãn Phương Anh	02ĐH20KTHA	49	6.1	2
1,010	3110719029	Phan Hồng Dương	02ĐH20KTHA	21	5.6	2
1,011	3110719074	Mai Quang Huy	02ĐH20KTHA	26	5.2	2
1,012	3110719119	Trần Duy Tân	02ĐH20KTHA	26	5.2	2
1,013	3110719159	Nguyễn Kim Tùng	02ĐH20KTHA	50	6	2
1,014	3110720002	Phạm Nguyễn An	02ĐH20KTHA	27	5.3	2
1,015	3110720004	Khổng Quế Anh	02ĐH20KTHA	46	6.6	2
1,016	3110720006	Nguyễn Thị Lệ Anh	02ĐH20KTHA	45	6.6	2
1,017	3110720010	Nguyễn Tuấn Anh	02ĐH20KTHA	24	5.1	2
1,018	3110720012	Trần Đào Việt Anh	02ĐH20KTHA	21	4.4	2
1,019	3110720020	Vũ Hoàng Kim Chi	02ĐH20KTHA	26	5	2
1,020	3110720022	Nguyễn Viết Chiến	02ĐH20KTHA	37	5.6	2
1,021	3110720024	Trung Quang Chuyên	02ĐH20KTHA	24	4.7	2
1,022	3110720028	Nguyễn Quốc Cường	02ĐH20KTHA	46	6.6	2
1,023	3110720032	Nguyễn Thị Dung	02ĐH20KTHA	40	6.3	2
1,024	3110720034	Nguyễn Khánh Duy	02ĐH20KTHA	44	6.3	2
1,025	3110720036	Vũ Đình Duy	02ĐH20KTHA	29	5.5	2
1,026	3110720038	Tô Huy Dũng	02ĐH20KTHA	27	4.9	2
1,027	3110720040	Lộc Duy Đạt	02ĐH20KTHA	23	5.1	2
1,028	3110720044	Nguyễn Quang Đăng	02ĐH20KTHA	40	5.7	2
1,029	3110720048	Nguyễn Mạnh Đức	02ĐH20KTHA	29	5.3	2
1,030	3110720050	Hoàng Trường Giang	02ĐH20KTHA	23	4.5	2

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
1,031	3110720052	Vũ Thanh Hai	02ĐH20KTHA	36	5.9	2
1,032	3110720054	Nguyễn Đức Hà	02ĐH20KTHA	22	4.6	2
1,033	3110720056	Hoàng Thị Hân	02ĐH20KTHA	30	5.8	2
1,034	3110720058	Đặng Thành Hiếu	02ĐH20KTHA	18	4	2
1,035	3110720060	Lò Minh Hiếu	02ĐH20KTHA	32	5.6	2
1,036	3110720062	Nguyễn Trung Hiếu	02ĐH20KTHA	28	4.9	2
1,037	3110720066	Nguyễn Việt Hoài	02ĐH20KTHA	40	6.4	2
1,038	3110720070	Nguyễn Công Hoàng	02ĐH20KTHA	42	6.4	2
1,039	3110720072	Nguyễn Thị Bích Hồng	02ĐH20KTHA	42	6.4	2
1,040	3110720078	Nguyễn Quang Huy	02ĐH20KTHA	25	5.4	2
1,041	3110720082	Đào Mạnh Hùng	02ĐH20KTHA	34	5.4	2
1,042	3110720084	Phạm Bá Hưng	02ĐH20KTHA	17	4.2	2
1,043	3110720086	Nguyễn Nam Khánh	02ĐH20KTHA	38	5.9	2
1,044	3110720088	Trần Hoàng Khánh	02ĐH20KTHA	29	5.3	2
1,045	3110720090	Trần Văn Khoa	02ĐH20KTHA	44	6.9	2
1,046	3110720094	Vũ Quang Linh	02ĐH20KTHA	44	6.6	2
1,047	3110720098	Phạm Thế Lực	02ĐH20KTHA	23	5.1	2
1,048	3110720102	Nguyễn Danh Tuấn Minh	02ĐH20KTHA	22	4.8	2
1,049	3110720104	Nguyễn Thị Trà My	02ĐH20KTHA	48	7.9	2
1,050	3110720108	Đỗ Văn Nam	02ĐH20KTHA	31	5.4	2
1,051	3110720110	Nguyễn Văn Nam	02ĐH20KTHA	19	5	2
1,052	3110720114	Phạm Minh Nghĩa	02ĐH20KTHA	36	6.3	2
1,053	3110720118	Nguyễn Phương Nhung	02ĐH20KTHA	40	6.4	2
1,054	3110720120	Trần Văn Phát	02ĐH20KTHA	36	5.7	2
1,055	3110720124	Nguyễn Thị Thu Phương	02ĐH20KTHA	26	5.9	2
1,056	3110720126	Lê Hồng Quang	02ĐH20KTHA	22	5.1	2
1,057	3110720128	Nguyễn Đức Quân	02ĐH20KTHA	46	6.8	2
1,058	3110720132	Phạm Diễm Quỳnh	02ĐH20KTHA	44	6.9	2
1,059	3110720136	Dương Xuân Thanh	02ĐH20KTHA	48	6.7	2
1,060	3110720138	Lê Đăng Thanh	02ĐH20KTHA	22	5	2
1,061	3110720140	Lương Công Thành	02ĐH20KTHA	19	5.2	2
1,062	3110720142	Nguyễn Đình Thành	02ĐH20KTHA	17	4.7	2
1,063	3110720146	Nguyễn Cơ Thạch	02ĐH20KTHA	33	5.3	2
1,064	3110720150	Vũ Thái Thịnh	02ĐH20KTHA	43	6.5	2
1,065	3110720152	Nguyễn Đăng Thuận	02ĐH20KTHA	9	3.3	2
1,066	3110720156	Vũ Mai Tiến	02ĐH20KTHA	44	6.5	2
1,067	3110720158	Nguyễn Lương Toàn	02ĐH20KTHA	26	4.6	2
1,068	3110720164	Nguyễn Quang Trung	02ĐH20KTHA	33	5.2	2
1,069	3110720166	Đoàn Văn Tuấn	02ĐH20KTHA	48	7.4	2
1,070	3110720168	Nguyễn Anh Tuấn	02ĐH20KTHA	42	6	2
1,071	3110720172	Bùi Quang Tú	02ĐH20KTHA	13	4.1	2
1,072	3110720176	Lê Vũ Tố Uyên	02ĐH20KTHA	46	6.6	2
1,073	3110720182	Vũ Đức Việt	02ĐH20KTHA	38	6	2
1,074	3110720186	Nguyễn Văn Như Ý	02ĐH20KTHA	18	4.2	2
1,075	3110820012	Đinh Ngọc Diệp	01ĐH20HD	54	7.4	2
1,076	3110820013	Nguyễn Thị Thanh Duyên	01ĐH20HD	54	7.9	2
1,077	3110820022	Nguyễn Phương Tiến Hải	01ĐH20HD	23	5.3	2

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
1,078	3110820025	Phan Thị Thu Hằng	01ĐH20HD	48	6	2
1,079	3110820027	Nguyễn Thị Hậu	01ĐH20HD	45	6.4	2
1,080	3110820028	Lã Thị Hoa	01ĐH20HD	48	7	2
1,081	3110820035	Nguyễn Đoàn Phi Hùng	01ĐH20HD	52	7.3	2
1,082	3110820038	Hà Thị Lan	01ĐH20HD	43	6.2	2
1,083	3110820040	Hồ Diệu Linh	01ĐH20HD	31	6	2
1,084	3110820042	Trần Mai Linh	01ĐH20HD	52	6.8	2
1,085	3110820043	Vũ Thùy Linh	01ĐH20HD	42	6.6	2
1,086	3110820045	Vũ Đức Thế Long	01ĐH20HD	54	7.2	2
1,087	3110820047	Lê Thị Luyến	01ĐH20HD	48	6.9	2
1,088	3110820048	Giáp Thị Ly	01ĐH20HD	42	6.1	2
1,089	3110820051	Nguyễn Thùy Minh	01ĐH20HD	52	6.9	2
1,090	3110820054	Lường Thị Trà My	01ĐH20HD	50	7.5	2
1,091	3110820056	Vũ Thị Ngân	01ĐH20HD	48	6.3	2
1,092	3110820057	Nhan Văn Nghiệp	01ĐH20HD	35	5.7	2
1,093	3110820076	Nguyễn Phương Thảo	01ĐH20HD	37	6.1	2
1,094	3110820077	Phạm Thị Hồng Thắm	01ĐH20HD	52	7.2	2
1,095	3110820080	Trần Mỹ Thu	01ĐH20HD	44	6.4	2
1,096	3110820081	Hà Anh Thư	01ĐH20HD	36	5.7	2
1,097	3110820088	Nguyễn Huyền Trang	01ĐH20HD	39	6.2	2
1,098	3110820092	Trần Thị Trinh	01ĐH20HD	54	6.7	2
1,099	3110820097	Nguyễn Thị Thanh Trúc	01ĐH20HD	45	6.7	2
1,100	3110820101	Vũ Thị Xuân	01ĐH20HD	35	5.8	2
1,101	3110220019	Trần Lệ Chi	01ĐH20SPK	53	6.9	2
1,102	3110220024	Vũ Thị Kim Dung	01ĐH20SPK	58	6.5	2
1,103	3110220033	Vũ Thị Thúy Hà	01ĐH20SPK	52	6.5	2
1,104	3110220047	Nguyễn Thị Huyền	01ĐH20SPK	31	5.9	2
1,105	3110220054	Đào Thị Thu Lan	01ĐH20SPK	56	7.1	2
1,106	3110220059	Trần Khánh Linh	01ĐH20SPK	31	5.7	2
1,107	3110220070	Nguyễn Thị Ngân	01ĐH20SPK	48	6.2	2
1,108	3110220089	Trần Thị Phương	01ĐH20SPK	46	6.7	2
1,109	3110220094	Ngô Thị Sao	01ĐH20SPK	32	5.4	2
1,110	3110220107	Phùng Thị Anh Thư	01ĐH20SPK	51	7	2
1,111	3110220203	Lê Thảo Anh	01ĐH20SPK	45	6.5	2
1,112	3110220225	Nguyễn Thị Thu Duyên	01ĐH20SPK	57	6.9	2
1,113	3110220228	Nguyễn Thị Hải Đường	01ĐH20SPK	49	6.7	2
1,114	3110220256	Bùi Thị Liêm	01ĐH20SPK	48	6	2
1,115	3110220272	Khương Thị Như Ngọc	01ĐH20SPK	37	6.4	2
1,116	3110220289	Trần Thị Thu Phương	01ĐH20SPK	34	5.9	2
1,117	3110220317	Nguyễn Thị Kiều Trinh	01ĐH20SPK	25	5.2	2
1,118	3110220321	Nguyễn Thị Tuyến	01ĐH20SPK	50	6.8	2
1,119	3110819027	Nguyễn Tuấn Hùng	01ĐH20VL	26	5.3	2
1,120	3110820001	Đặng Hà Ngọc Anh	01ĐH20VL	48	6.8	2
1,121	3110820002	Đỗ Thị Vĩnh Anh	01ĐH20VL	49	6.7	2
1,122	3110820004	Phạm Thị Mai Anh	01ĐH20VL	39	6.3	2
1,123	3110820005	Đỗ Nguyệt Ánh	01ĐH20VL	38	5.9	2
1,124	3110820006	Nguyễn Ngọc Ánh	01ĐH20VL	52	6.9	2

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
1,125	3110820008	Nguyễn Lan Chi	01ĐH20VL	46	6.3	2
1,126	3110820010	Đặng Quang Cường	01ĐH20VL	43	6	2
1,127	3110820011	Nguyễn Mạnh Cường	01ĐH20VL	32	5.4	2
1,128	3110820014	Hoàng Ánh Dương	01ĐH20VL	51	6.6	2
1,129	3110820015	Trần Hải Dương	01ĐH20VL	50	6.6	2
1,130	3110820016	Lê Phú Đăng	01ĐH20VL	34	5.7	2
1,131	3110820018	Nguyễn Thị Hà Giang	01ĐH20VL	31	6	2
1,132	3110820019	Trần Thị Trà Giang	01ĐH20VL	33	5.9	2
1,133	3110820020	Nguyễn Thu Hà	01ĐH20VL	27	5.6	2
1,134	3110820021	Nguyễn Danh Hải	01ĐH20VL	32	5.8	2
1,135	3110820023	Hoàng Thanh Hằng	01ĐH20VL	25	5.4	2
1,136	3110820029	Nguyễn Thu Hoài	01ĐH20VL	40	6.6	2
1,137	3110820031	Nguyễn Huy Hoàng	01ĐH20VL	24	5.4	2
1,138	3110820032	Nguyễn Minh Hoàng	01ĐH20VL	42	6.3	2
1,139	3110820036	Vũ Thế Hùng	01ĐH20VL	30	5.3	2
1,140	3110820037	Đoàn Tuấn Kiệt	01ĐH20VL	25	5.1	2
1,141	3110820041	Lê Khánh Linh	01ĐH20VL	23	5.5	2
1,142	3110820049	Nguyễn Hương Ly	01ĐH20VL	46	6.9	2
1,143	3110820050	Bùi Thị Thanh Mai	01ĐH20VL	50	7	2
1,144	3110820052	Vũ Quang Minh	01ĐH20VL	54	7.1	2
1,145	3110820055	Phạm Thành Nam	01ĐH20VL	22	4.9	2
1,146	3110820058	Bùi Thị Ngoan	01ĐH20VL	48	7.2	2
1,147	3110820060	Quách Thị Nhung	01ĐH20VL	44	6.1	2
1,148	3110820061	Nguyễn Thị Kim Oanh	01ĐH20VL	50	6.6	2
1,149	3110820063	Nguyễn Chung Phú	01ĐH20VL	34	6	2
1,150	3110820064	Nguyễn Thị Phương	01ĐH20VL	48	6.4	2
1,151	3110820065	Nguyễn Thị Thu Phương	01ĐH20VL	41	6	2
1,152	3110820066	Vi Việt Phương	01ĐH20VL	29	5.8	2
1,153	3110820069	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	01ĐH20VL	50	7.2	2
1,154	3110820071	Cao Ngọc Sương	01ĐH20VL	32	5.9	2
1,155	3110820072	Phạm Tiến Sỹ	01ĐH20VL	29	6.1	2
1,156	3110820073	Võ Chí Thanh	01ĐH20VL	27	5.7	2
1,157	3110820074	Hoàng Ngọc Công Thành	01ĐH20VL	40	5.9	2
1,158	3110820075	Lê Công Thành	01ĐH20VL	39	5.9	2
1,159	3110820078	Đỗ Nguyên Thắng	01ĐH20VL	20	5.1	2
1,160	3110820079	Trần Đức Thắng	01ĐH20VL	42	7	2
1,161	3110820082	Vũ Thị Thư	01ĐH20VL	46	6.7	2
1,162	3110820084	Đinh Trần Tiến	01ĐH20VL	45	6.2	2
1,163	3110820085	Hoàng Bảo Toàn	01ĐH20VL	34	5.8	2
1,164	3110820086	Đặng Thị Huyền Trang	01ĐH20VL	50	6.5	2
1,165	3110820089	Phạm Thùy Trang	01ĐH20VL	51	7	2
1,166	3110820091	Triệu Thu Trà	01ĐH20VL	41	6.1	2
1,167	3110820093	Trần Việt Trinh	01ĐH20VL	34	6.1	2
1,168	3110820094	Nguyễn Đức Trí	01ĐH20VL	41	6	2
1,169	3110820095	Dương Quốc Trung	01ĐH20VL	29	5.7	2
1,170	3110820096	Lê Đức Trung	01ĐH20VL	23	5.1	2
1,171	3110820098	Vũ Mạnh Tuấn	01ĐH20VL	44	6.7	2

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
1,172	3110820100	Đinh Thị Minh Uyên	01ĐH20VL	52	6.4	2
1,173	3110519088	Nguyễn Văn Mạnh	01ĐH20XN	33	5.4	2
1,174	3110520001	Nguyễn Thùy An	01ĐH20XN	52	7.9	2
1,175	3110520002	Bùi Hoàng Việt Anh	01ĐH20XN	11	4.7	2
1,176	3110520003	Bùi Thị Vân Anh	01ĐH20XN	27	5	2
1,177	3110520004	Đào Quỳnh Anh	01ĐH20XN	33	5.1	2
1,178	3110520005	Đỗ Thị Phương Anh	01ĐH20XN	54	6.8	2
1,179	3110520007	Hoàng Ngọc Anh	01ĐH20XN	44	6.2	2
1,180	3110520010	Nguyễn Ngọc Anh	01ĐH20XN	51	6.7	2
1,181	3110520011	Nguyễn Thị Anh	01ĐH20XN	47	6.6	2
1,182	3110520012	Phạm Thị Vân Anh	01ĐH20XN	54	7.7	2
1,183	3110520014	Ngô Minh Ánh	01ĐH20XN	42	5.7	2
1,184	3110520015	Ngô Ngọc Bích	01ĐH20XN	47	6.4	2
1,185	3110520016	Đào Đức Chiến	01ĐH20XN	41	6.2	2
1,186	3110520017	Tống Việt Chinh	01ĐH20XN	18	4.9	2
1,187	3110520018	Lò Văn Dim	01ĐH20XN	40	6	2
1,188	3110520019	Nguyễn Thị Thùy Dung	01ĐH20XN	54	6.2	2
1,189	3110520020	Trần Đức Duy	01ĐH20XN	26	5.4	2
1,190	3110520023	Phạm Thị Dương	01ĐH20XN	52	7.3	2
1,191	3110520024	Lê Vĩnh Đạt	01ĐH20XN	42	5.8	2
1,192	3110520027	Chu Thị Hương Giang	01ĐH20XN	43	6.2	2
1,193	3110520028	Lê Thu Hà	01ĐH20XN	35	5.5	2
1,194	3110520029	Nguyễn Thu Hà	01ĐH20XN	30	5.9	2
1,195	3110520031	Trần Thanh Hải	01ĐH20XN	47	6.6	2
1,196	3110520032	Hoàng Thị Hằng	01ĐH20XN	48	6.1	2
1,197	3110520034	Nguyễn Minh Hiếu	01ĐH20XN	36	6.3	2
1,198	3110520035	Bùi Thị Thu Hiền	01ĐH20XN	47	6.6	2
1,199	3110520036	Khúc Thị Hiền	01ĐH20XN	50	6.8	2
1,200	3110520038	Trần Thị Hiền	01ĐH20XN	53	7.2	2
1,201	3110520039	Dương Thị Hoa	01ĐH20XN	54	6.8	2
1,202	3110520042	Phạm Thị Hòa	01ĐH20XN	41	5.8	2
1,203	3110520043	Vũ Thị Khánh Hòa	01ĐH20XN	35	5.1	2
1,204	3110520044	Nguyễn Thị Huệ	01ĐH20XN	54	7.4	2
1,205	3110520047	Nguyễn Khánh Huyền	01ĐH20XN	41	6.7	2
1,206	3110520048	Phạm Thị Thanh Huyền	01ĐH20XN	27	5.7	2
1,207	3110520049	Đỗ Mạnh Hùng	01ĐH20XN	28	5.7	2
1,208	3110520051	Bùi Thị Minh Hương	01ĐH20XN	51	6.9	2
1,209	3110520052	Lê Diệu Hương	01ĐH20XN	51	7.1	2
1,210	3110520053	Trần Quỳnh Hương	01ĐH20XN	42	5.6	2
1,211	3110520054	Trịnh Thị Thu Hương	01ĐH20XN	39	6.5	2
1,212	3110520055	Đặng Thị Hường	01ĐH20XN	49	6.5	2
1,213	3110520056	Nguyễn Thụ Tuấn Khang	01ĐH20XN	8	4.8	2
1,214	3110520057	Đỗ Trung Kiên	01ĐH20XN	22	5	2
1,215	3110520058	Lê Thị Hồng Lan	01ĐH20XN	51	6.2	2
1,216	3110520059	Nguyễn Thị Hương Lan	01ĐH20XN	42	6.3	2
1,217	3110520060	Trần Thị Lan	01ĐH20XN	54	7.3	2
1,218	3110520061	Đỗ Hải Linh	01ĐH20XN	52	6.9	2

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
1,219	3110520063	Nguyễn Thị Hoài Linh	01ĐH20XN	29	5.8	2
1,220	3110520064	Nguyễn Thị Thùy Linh	01ĐH20XN	39	5.9	2
1,221	3110520065	Nguyễn Thị Yến Linh	01ĐH20XN	46	6.5	2
1,222	3110520066	Phạm Thị Linh	01ĐH20XN	43	6.1	2
1,223	3110520068	Phạm Thị Bích Loan	01ĐH20XN	26	5	2
1,224	3110520070	Mai Thị Lụa	01ĐH20XN	43	6.2	2
1,225	3110520071	Nguyễn Thị Mai	01ĐH20XN	47	7.1	2
1,226	3110520072	Phạm Thị Ngọc Mai	01ĐH20XN	46	6.3	2
1,227	3110520073	Nguyễn Thị Trà My	01ĐH20XN	51	6.4	2
1,228	3110520074	Dương Hải Nam	01ĐH20XN	50	6.6	2
1,229	3110520077	Ngô Thị Nga	01ĐH20XN	38	6	2
1,230	3110520078	Nguyễn Thị Hồng Ngát	01ĐH20XN	44	5.8	2
1,231	3110520080	Trần Lê Trung Nghĩa	01ĐH20XN	27	5.1	2
1,232	3110520081	Lữ Thị Thảo Ngọc	01ĐH20XN	46	6.1	2
1,233	3110520082	Nguyễn Thị Hoài Ngọc	01ĐH20XN	43	6.5	2
1,234	3110520083	Phạm Công Nguyên	01ĐH20XN	51	7.2	2
1,235	3110520085	Hoàng Linh Nhi	01ĐH20XN	50	6.4	2
1,236	3110520086	Đỗ Thị Hồng Nhung	01ĐH20XN	40	6	2
1,237	3110520087	Nguyễn Hồng Nhung	01ĐH20XN	38	5.6	2
1,238	3110520088	Đinh Thị Lâm Oanh	01ĐH20XN	50	7.1	2
1,239	3110520090	Phạm Hồng Phúc	01ĐH20XN	36	5.4	2
1,240	3110520091	Nguyễn Thị Thu Phương	01ĐH20XN	54	6.9	2
1,241	3110520093	Chu Nhật Quang	01ĐH20XN	46	6.4	2
1,242	3110520094	Nguyễn Văn Quang	01ĐH20XN	51	7.3	2
1,243	3110520095	Hà Trung Quân	01ĐH20XN	34	5	2
1,244	3110520096	Nguyễn Thị Quyên	01ĐH20XN	37	5.7	2
1,245	3110520097	Lê Diệp Quỳnh	01ĐH20XN	37	6	2
1,246	3110520099	Nguyễn Văn Sung	01ĐH20XN	24	5.1	2
1,247	3110520102	Nguyễn Việt Thành	01ĐH20XN	21	4.9	2
1,248	3110520104	Nguyễn Phương Thảo	01ĐH20XN	37	6.7	2
1,249	3110520106	Nguyễn Thị Thắm	01ĐH20XN	52	7.8	2
1,250	3110520107	Nguyễn Hữu Thiêm	01ĐH20XN	33	5.2	2
1,251	3110520108	Vũ Thị Kim Thoa	01ĐH20XN	51	6.8	2
1,252	3110520109	Nguyễn Thị Thuần	01ĐH20XN	42	5.9	2
1,253	3110520110	Tạ Thị Thu	01ĐH20XN	46	6.6	2
1,254	3110520111	Bùi Minh Thúy	01ĐH20XN	44	6.1	2
1,255	3110520112	Dương Thị Lệ Thủy	01ĐH20XN	49	7.6	2
1,256	3110520113	Nguyễn Thị Kiều Thư	01ĐH20XN	36	7	2
1,257	3110520114	Nguyễn Duy Tiến	01ĐH20XN	33	5.2	2
1,258	3110520115	Bùi Thị Trang	01ĐH20XN	41	6.1	2
1,259	3110520116	Lê Thị Thùy Trang	01ĐH20XN	52	7.1	2
1,260	3110520117	Mai Thu Trang	01ĐH20XN	36	5.6	2
1,261	3110520118	Nguyễn Thị Thu Trang	01ĐH20XN	43	6.5	2
1,262	3110520119	Nguyễn Thùy Trang	01ĐH20XN	46	6.5	2
1,263	3110520120	Quán Thị Huyền Trang	01ĐH20XN	54	7	2
1,264	3110520121	Khương Thị Bảo Trâm	01ĐH20XN	57	7.1	2
1,265	3110520123	Nguyễn Hoàng Tuấn	01ĐH20XN	34	6	2

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
1,266	3110520124	Đinh Thị Ánh Tuyết	01ĐH20XN	45	5.9	2
1,267	3110520125	Nguyễn Văn Tuyển	01ĐH20XN	50	7.1	2
1,268	3110520126	Đỗ Thu Uyên	01ĐH20XN	36	5.9	2
1,269	3110520127	Nguyễn Thị Vân	01ĐH20XN	45	6.8	2
1,270	3110520128	Nguyễn Thị Thảo Vân	01ĐH20XN	44	6.3	2
1,271	3110520129	Trần Công Anh Vũ	01ĐH20XN	52	6.2	2
1,272	3110520130	Phạm Thị Kim Yến	01ĐH20XN	32	6.1	2
1,273	3110520201	Vũ Thành An	02ĐH20XN	26	5.7	2
1,274	3110520202	Bùi Thị Vân Anh	02ĐH20XN	38	6.9	2
1,275	3110520204	Đinh Thị Thục Anh	02ĐH20XN	46	6.2	2
1,276	3110520205	Đỗ Thùy Anh	02ĐH20XN	31	5.3	2
1,277	3110520206	Hà Thị Mai Anh	02ĐH20XN	37	6	2
1,278	3110520207	Hoàng Tuấn Anh	02ĐH20XN	46	6.5	2
1,279	3110520208	Lê Thị Mai Anh	02ĐH20XN	53	7	2
1,280	3110520209	Nguyễn Dương Anh	02ĐH20XN	34	5.5	2
1,281	3110520210	Nguyễn Phương Anh	02ĐH20XN	41	5.8	2
1,282	3110520211	Nguyễn Thị Phương Anh	02ĐH20XN	45	6.2	2
1,283	3110520212	Phạm Vân Anh	02ĐH20XN	46	7.4	2
1,284	3110520213	Vũ Tuấn Anh	02ĐH20XN	41	6	2
1,285	3110520215	Vũ Linh Chi	02ĐH20XN	31	5.7	2
1,286	3110520216	Phạm Hữu Chinh	02ĐH20XN	42	6.2	2
1,287	3110520217	Trần Thị Chinh	02ĐH20XN	49	6.4	2
1,288	3110520218	Đặng Ngọc Du	02ĐH20XN	46	6.4	2
1,289	3110520219	Trần Đức Duy	02ĐH20XN	32	5.3	2
1,290	3110520220	Nguyễn Thị Duyên	02ĐH20XN	53	7.3	2
1,291	3110520222	Lê Nguyễn Thùy Dương	02ĐH20XN	53	7	2
1,292	3110520223	Trịnh Thị Thùy Dương	02ĐH20XN	51	6	2
1,293	3110520225	Phạm Thành Đạt	02ĐH20XN	48	6.4	2
1,294	3110520227	Nguyễn Thu Giang	02ĐH20XN	45	6.6	2
1,295	3110520228	Nguyễn Thị Thu Hà	02ĐH20XN	51	7.1	2
1,296	3110520229	Phạm Thị Hồng Hà	02ĐH20XN	21	5.2	2
1,297	3110520230	Dương Xuân Hải	02ĐH20XN	41	6	2
1,298	3110520231	Trần Mỹ Hạnh	02ĐH20XN	45	6.6	2
1,299	3110520232	Nguyễn Thị Thu Hằng	02ĐH20XN	51	6.3	2
1,300	3110520234	Phạm Trung Hiếu	02ĐH20XN	35	6.3	2
1,301	3110520235	Hà Thu Hiền	02ĐH20XN	44	6.6	2
1,302	3110520236	Lưu Thị Hiền	02ĐH20XN	34	5.9	2
1,303	3110520237	Phan Thị Hiền	02ĐH20XN	54	7.2	2
1,304	3110520238	Trần Thị Thanh Hiền	02ĐH20XN	47	7	2
1,305	3110520242	Trần Thị Khánh Hòa	02ĐH20XN	49	7.1	2
1,306	3110520243	Đinh Thị Huê	02ĐH20XN	52	7.7	2
1,307	3110520246	Nguyễn Khánh Huyền	02ĐH20XN	53	6.9	2
1,308	3110520247	Nguyễn Thị Thu Huyền	02ĐH20XN	41	6.2	2
1,309	3110520248	Vũ Lê Ngọc Huyền	02ĐH20XN	52	7.3	2
1,310	3110520249	Lê Mạnh Hùng	02ĐH20XN	35	6	2
1,311	3110520251	Bùi Thu Hương	02ĐH20XN	24	5.6	2
1,312	3110520252	Nguyễn Thị Hương	02ĐH20XN	37	5.8	2

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
1,313	3110520254	Đào Thị Hường	02ĐH20XN	43	6.2	2
1,314	3110520256	Vũ Vân Khánh	02ĐH20XN	30	5.3	2
1,315	3110520257	Vũ Trung Kiên	02ĐH20XN	47	6.3	2
1,316	3110520258	Nguyễn Thị Lan	02ĐH20XN	45	6.3	2
1,317	3110520259	Trần Phương Lan	02ĐH20XN	42	5.7	2
1,318	3110520260	Bùi Thị Thuỳ Linh	02ĐH20XN	49	6.9	2
1,319	3110520262	Nguyễn Phương Linh	02ĐH20XN	27	5.4	2
1,320	3110520263	Nguyễn Thị Thùy Linh	02ĐH20XN	9	4.8	2
1,321	3110520265	Phan Khánh Linh	02ĐH20XN	51	6.5	2
1,322	3110520267	Vương Hoài Linh	02ĐH20XN	49	6.6	2
1,323	3110520268	Phạm Đức Long	02ĐH20XN	29	5.4	2
1,324	3110520269	Vũ Bích Lộc	02ĐH20XN	31	5.4	2
1,325	3110520270	Trần Khánh Ly	02ĐH20XN	41	6.3	2
1,326	3110520271	Nguyễn Thị Ngọc Mai	02ĐH20XN	48	7	2
1,327	3110520274	Dương Văn Nam	02ĐH20XN	32	5.6	2
1,328	3110520275	Thái Hữu Nam	02ĐH20XN	47	6.5	2
1,329	3110520276	Lương Thị Quỳnh Nga	02ĐH20XN	42	6.4	2
1,330	3110520277	Nguyễn Quỳnh Nga	02ĐH20XN	48	7	2
1,331	3110520278	Hà Thị Ngân	02ĐH20XN	48	7.3	2
1,332	3110520279	Phan Đoàn Thu Ngân	02ĐH20XN	49	6.4	2
1,333	3110520280	Đỗ Thị Bích Ngọc	02ĐH20XN	44	6.5	2
1,334	3110520281	Nguyễn Thị Ngọc	02ĐH20XN	35	5.8	2
1,335	3110520282	Phạm Thị Hồng Ngọc	02ĐH20XN	50	6.3	2
1,336	3110520284	Trần Văn Nhất	02ĐH20XN	42	6.3	2
1,337	3110520285	Đặng Hồng Nhung	02ĐH20XN	52	7.5	2
1,338	3110520286	Hoàng Thị Nhung	02ĐH20XN	44	7	2
1,339	3110520287	Nguyễn Thị Thu Nương	02ĐH20XN	50	7.5	2
1,340	3110520289	Ma Thị Ngọc Oánh	02ĐH20XN	47	6.4	2
1,341	3110520290	Doãn Thu Phương	02ĐH20XN	39	5.8	2
1,342	3110520291	Vũ Mai Phương	02ĐH20XN	49	6.4	2
1,343	3110520292	Nguyễn Thu Phương	02ĐH20XN	45	7.1	2
1,344	3110520293	Nguyễn Đức Quang	02ĐH20XN	29	5	2
1,345	3110520294	Văn Đình Quang	02ĐH20XN	30	5.2	2
1,346	3110520295	Đinh Thị Diệu Quyên	02ĐH20XN	53	7	2
1,347	3110520297	Vũ Ánh Quỳnh	02ĐH20XN	53	7	2
1,348	3110520298	Vũ Xuân Sơn	02ĐH20XN	12	5	2
1,349	3110520299	Nguyễn Thanh Tâm	02ĐH20XN	41	5.4	2
1,350	3110520300	Nguyễn Thị Thanh	02ĐH20XN	50	6.6	2
1,351	3110520303	Lương Thị Phương Thảo	02ĐH20XN	43	6	2
1,352	3110520306	Nguyễn An Thắng	02ĐH20XN	48	7.3	2
1,353	3110520307	Nguyễn Hữu Thịnh	02ĐH20XN	51	6.4	2
1,354	3110520310	Nguyễn Thị Thuỷ	02ĐH20XN	35	5.9	2
1,355	3110520311	Phạm Thị Thúy	02ĐH20XN	48	6.4	2
1,356	3110520313	Nguyễn Thị Hoài Thương	02ĐH20XN	40	6.2	2
1,357	3110520314	Vũ Thị Tình	02ĐH20XN	39	6.6	2
1,358	3110520315	Đào Huyền Trang	02ĐH20XN	51	7.5	2
1,359	3110520316	Lê Thu Trang	02ĐH20XN	50	7.3	2

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
1,360	3110520317	Nguyễn Thị Trang	02ĐH20XN	40	6	2
1,361	3110520319	Phạm Huyền Trang	02ĐH20XN	47	7.3	2
1,362	3110520320	Trần Thu Trang	02ĐH20XN	43	6	2
1,363	3110520324	Đoàn Ánh Tuyết	02ĐH20XN	40	6	2
1,364	3110520325	Mai Thị Uyên	02ĐH20XN	53	8	2
1,365	3110520326	Vũ Anh Văn	02ĐH20XN	48	6.8	2
1,366	3110520327	Nguyễn Thị Thảo Vân	02ĐH20XN	29	5.5	2
1,367	3110520328	Phạm Thị Thảo Vân	02ĐH20XN	46	6.3	2
1,368	3110520329	Trịnh Long Vũ	02ĐH20XN	45	6.1	2
1,369	3111119013	Nguyễn Khắc Đỉnh	01ĐH20YK	52	5.8	2
1,370	3111120001	Nguyễn Vinh An	01ĐH20YK	38	5	2
1,371	3111120002	Chu Vân Anh	01ĐH20YK	54	7.4	2
1,372	3111120003	Mai Phạm Thế Anh	01ĐH20YK	38	5.4	2
1,373	3111120004	Nguyễn Bùi Tiến Anh	01ĐH20YK	45	6	2
1,374	3111120005	Nguyễn Đức Anh	01ĐH20YK	28	5.1	2
1,375	3111120006	Nguyễn Hoài Anh	01ĐH20YK	54	7.6	2
1,376	3111120007	Nguyễn Phương Anh	01ĐH20YK	38	5.2	2
1,377	3111120008	Nguyễn Quang Anh	01ĐH20YK	54	7.5	2
1,378	3111120009	Tạ Thủy Anh	01ĐH20YK	50	6.4	2
1,379	3111120010	Trần Minh Anh	01ĐH20YK	60	6.5	2
1,380	3111120011	Trần Vân Anh	01ĐH20YK	54	6.8	2
1,381	3111120012	Phạm Ngọc Ánh	01ĐH20YK	22	4.5	2
1,382	3111120013	Nguyễn Thị Bích	01ĐH20YK	46	6.6	2
1,383	3111120014	Nguyễn Thanh Bình	01ĐH20YK	46	6.2	2
1,384	3111120015	Phạm Trọng Bình	01ĐH20YK	41	5.9	2
1,385	3111120016	Đỗ Thị Kiều Chinh	01ĐH20YK	54	6.3	2
1,386	3111120017	Đinh Thanh Chúc	01ĐH20YK	50	7.1	2
1,387	3111120018	Hoàng Ngọc Diễm	01ĐH20YK	50	6.9	2
1,388	3111120019	Nguyễn Thị Diễm	01ĐH20YK	47	5.9	2
1,389	3111120020	Đặng Thị Dinh	01ĐH20YK	46	6.3	2
1,390	3111120021	Nguyễn Hạnh Dung	01ĐH20YK	54	6.6	2
1,391	3111120022	Trần Đình Duy	01ĐH20YK	54	7.1	2
1,392	3111120023	Nguyễn Danh Tấn Dũng	01ĐH20YK	54	7.4	2
1,393	3111120024	Đoàn Thùy Dương	01ĐH20YK	50	6.9	2
1,394	3111120025	Mạc Nam Dương	01ĐH20YK	27	4.9	2
1,395	3111120026	Phạm Thái Dương	01ĐH20YK	46	6	2
1,396	3111120027	Nguyễn Tiến Đoàn	01ĐH20YK	35	5.8	2
1,397	3111120029	Đỗ Thị Giang	01ĐH20YK	54	7.1	2
1,398	3111120030	Phạm Thị Giang	01ĐH20YK	46	6	2
1,399	3111120031	Cháng Thị Giàng	01ĐH20YK	50	6.3	2
1,400	3111120032	Nguyễn Anh Hào	01ĐH20YK	37	5.3	2
1,401	3111120033	Trần Minh Hải	01ĐH20YK	42	5.1	2
1,402	3111120034	Phạm Thị Thanh Hằng	01ĐH20YK	50	6.7	2
1,403	3111120035	Nguyễn Đình Hiếu	01ĐH20YK	32	4.7	2
1,404	3111120036	Nguyễn Hồng Hiếu	01ĐH20YK	34	5.7	2
1,405	3111120037	Dương Phương Hoa	01ĐH20YK	54	6.7	2
1,406	3111120038	Hoàng Thanh Hoa	01ĐH20YK	50	6.6	2

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
1,407	3111120039	Đặng Thị Thu Hoài	01ĐH20YK	54	6.6	2
1,408	3111120040	Vũ Huy Hoàng	01ĐH20YK	38	5	2
1,409	3111120041	Vũ Thị Huệ	01ĐH20YK	41	5.7	2
1,410	3111120042	Phạm Lê Huy	01ĐH20YK	54	7.9	2
1,411	3111120043	Đồng Thu Huyền	01ĐH20YK	50	6.7	2
1,412	3111120044	Quách Thị Thu Huyền	01ĐH20YK	50	6.3	2
1,413	3111120045	Bùi Quang Hưng	01ĐH20YK	50	6.5	2
1,414	3111120046	Bùi Thị Thu Hương	01ĐH20YK	46	6	2
1,415	3111120047	Hoàng Thị Thu Hương	01ĐH20YK	54	7.1	2
1,416	3111120048	Nguyễn Minh Hương	01ĐH20YK	50	6.5	2
1,417	3111120049	Nguyễn Thị Lam	01ĐH20YK	54	6.9	2
1,418	3111120051	Nguyễn Thị Liên	01ĐH20YK	44	5.8	2
1,419	3111120052	Đinh Ngọc Ánh Linh	01ĐH20YK	50	6.8	2
1,420	3111120053	Đỗ Mai Linh	01ĐH20YK	42	6.2	2
1,421	3111120054	Phạm Khánh Linh	01ĐH20YK	54	7.6	2
1,422	3111120055	Nguyễn Khôi Loan	01ĐH20YK	50	6.7	2
1,423	3111120056	Nguyễn Phương Loan	01ĐH20YK	49	6	2
1,424	3111120057	Nguyễn Thị Loan	01ĐH20YK	54	7	2
1,425	3111120058	Nguyễn Văn Long	01ĐH20YK	50	6.8	2
1,426	3111120061	Nguyễn Thanh Nga	01ĐH20YK	32	5	2
1,427	3111120062	Phạm Thị Nguyệt Nga	01ĐH20YK	54	7.4	2
1,428	3111120063	Trần Xuân Nghĩa	01ĐH20YK	50	6.3	2
1,429	3111120065	Nguyễn Hồng Nhung	01ĐH20YK	46	6.3	2
1,430	3111120066	Phạm Thị Nhung	01ĐH20YK	54	7	2
1,431	3111120067	Trần Thị Nhung	01ĐH20YK	50	6.9	2
1,432	3111120069	Nguyễn Đình Quang	01ĐH20YK	50	5.9	2
1,433	3111120070	Nguyễn Văn Quân	01ĐH20YK	46	6,2	2
1,434	3111120071	Mai Trường Sơn	01ĐH20YK	46	6.4	2
1,435	3111120072	Nguyễn Hồng Sơn	01ĐH20YK	41	5.9	2
1,436	3111120074	Đặng Thị Phương Thanh	01ĐH20YK	50	6.6	2
1,437	3111120075	Hoàng Thị Phương Thanh	01ĐH20YK	34	5.4	2
1,438	3111120076	Nguyễn Xuân Ngọc Thái	01ĐH20YK	42	6	2
1,439	3111120077	Nguyễn Thị Phương Thảo	01ĐH20YK	50	6.6	2
1,440	3111120078	Trần Thị Phương Thảo	01ĐH20YK	50	6.4	2
1,441	3111120079	Trần Thị Thanh Thảo	01ĐH20YK	46	5.8	2
1,442	3111120080	Nguyễn Thu Thạo	01ĐH20YK	50	7	2
1,443	3111120081	Cao Hồng Thiện	01ĐH20YK	54	7.7	2
1,444	3111120082	Hoàng Thị Hoài Thu	01ĐH20YK	54	7.4	2
1,445	3111120083	Phạm Thị Thu	01ĐH20YK	54	7.3	2
1,446	3111120085	Hoàng Thị Huyền Trang	01ĐH20YK	46	6	2
1,447	3111120086	Nguyễn Thị Thu Trang	01ĐH20YK	50	6.5	2
1,448	3111120087	Trương Thị Kiều Trang	01ĐH20YK	46	6.2	2
1,449	3111120088	Dương Thanh Trà	01ĐH20YK	46	6.3	2
1,450	3111120089	Phạm Thị Ánh Tuyết	01ĐH20YK	54	7.1	2
1,451	3111120090	Hoàng Thị Thanh Tú	01ĐH20YK	29	5.3	2
1,452	3111120091	Nguyễn Thu Uyên	01ĐH20YK	40	6.2	2
1,453	3111120092	Phạm Thị Thanh Xuân	01ĐH20YK	54	7.4	2

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
1,454	3111120093	Triệu Thị Xuyên	01ĐH20YK	35	5.8	2
1,455	3111120094	Đặng Thị Yến	01ĐH20YK	54	7	2
1,456	3110819001	Nguyễn Thị Lan Anh	01ĐH19PHCN	94	7.2	3
1,457	3110819002	Vi Minh Anh	01ĐH19PHCN	72	6.3	3
1,458	3110819003	Đoàn Thị Ánh	01ĐH19PHCN	82	6.8	3
1,459	3110819004	Nguyễn Thị Ngọc Bích	01ĐH19PHCN	83	6.6	3
1,460	3110819007	Tạ Bá Khánh Cường	01ĐH19PHCN	71	6	3
1,461	3110819008	Đỗ Thùy Dương	01ĐH19PHCN	87	7.3	3
1,462	3110819009	Lộ Bình Dương	01ĐH19PHCN	68	6.1	3
1,463	3110819010	Nguyễn Ánh Dương	01ĐH19PHCN	90	7.4	3
1,464	3110819012	Hồ Tiến Đạt	01ĐH19PHCN	69	6.1	3
1,465	3110819015	Nguyễn Hải Đông	01ĐH19PHCN	88	6.8	3
1,466	3110819016	Lường Thị Thúy Hà	01ĐH19PHCN	85	6.6	3
1,467	3110819017	Phạm Thị Hồng Hạnh	01ĐH19PHCN	87	6.5	3
1,468	3110819018	Nguyễn Thị Thúy Hằng	01ĐH19PHCN	81	6.7	3
1,469	'3110819019	Phạm Thị Thu Hằng	01ĐH19PHCN	89	7	3
1,470	3110819020	Cao Xuân Hiếu	01ĐH19PHCN	81	6.7	3
1,471	3110819021	Đỗ Trung Hiếu	01ĐH19PHCN	81	6.8	3
1,472	3110819022	Lê Thị Mỹ Hoa	01ĐH19PHCN	88	6.6	3
1,473	3110819023	Đỗ Thị Thanh Huyền	01ĐH19PHCN	87	7	3
1,474	3110819025	Đỗ Huy Hùng	01ĐH19PHCN	86	6.6	3
1,475	3110819026	Nguyễn Tiến Hùng	01ĐH19PHCN	86	6.9	3
1,476	3110819028	Nguyễn Văn Hưng	01ĐH19PHCN	80	7.1	3
1,477	3110819030	Lê Mai Hương	01ĐH19PHCN	87	6.7	3
1,478	3110819031	Vũ Thị Thu Hương	01ĐH19PHCN	92	7.4	3
1,479	3110819032	Đào Đức Khuê	01ĐH19PHCN	85	6.4	3
1,480	3110819035	Hoàng Thị Linh	01ĐH19PHCN	75	6.7	3
1,481	3110819036	Lê Phương Linh	01ĐH19PHCN	94	7.6	3
1,482	3110819037	Nguyễn Thị Diệu Linh	01ĐH19PHCN	90	7.1	3
1,483	3110819038	Vũ Thị Mỹ Linh	01ĐH19PHCN	94	7.3	3
1,484	3110819039	Phạm Thị Phương Loan	01ĐH19PHCN	94	7.4	3
1,485	3110819040	Lưu Huyền Ly	01ĐH19PHCN	90	7.3	3
1,486	,3110819041	Nguyễn Thị Tú Mai	01ĐH19PHCN	77	6.8	3
1,487	3110819042	Phạm Văn Mạnh	01ĐH19PHCN	83	7.1	3
1,488	3110819043	Vũ Thị Mây	01ĐH19PHCN	87	6.7	3
1,489	3110819044	Hoàng Thị My	01ĐH19PHCN	94	7.5	3
1,490	3110819045	Nguyễn Văn Đức Hải Nam	01ĐH19PHCN	74	6.3	3
1,491	3110819046	Nguyễn Thị Ngân	01ĐH19PHCN	83	6.6	3
1,492	3110819047	Vũ Kim Ngân	01ĐH19PHCN	90	6.9	3
1,493	3110819048	Nguyễn Thị Hồng Nhung	01ĐH19PHCN	69	6.2	3
1,494	3110819049	Phạm Thị Như	01ĐH19PHCN	94	7.2	3
1,495	3110819051	Đào Xuân Phương	01ĐH19PHCN	69	6.1	3
1,496	3110819052	Lưu Hồ Quân	01ĐH19PHCN	79	6.6	3
1,497	3110819053	Hoàng Thị Như Quỳnh	01ĐH19PHCN	72	6.3	3
1,498	3110819054	Nguyễn Thị Quỳnh	01ĐH19PHCN	92	7.1	3
1,499	3110819055	Trịnh Hải Thanh	01ĐH19PHCN	59	5.9	3
1,500	3110819056	Phạm Thị Thu Thảo	01ĐH19PHCN	94	7.3	3

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
1,501	3110819057	Đoàn Quang Thắng	01ĐH19PHCN	75	6.4	3
1,502	3110819058	Lê Phương Thu	01ĐH19PHCN	82	6.5	3
1,503	3110819060	Trần Thị Thủy	01ĐH19PHCN	78	6.5	3
1,504	3110819062	Nguyễn Thùy Trang	01ĐH19PHCN	72	6.4	3
1,505	3110819063	Trần Thùy Trang	01ĐH19PHCN	85	6.4	3
1,506	3110819064	Trịnh Huyền Trang	01ĐH19PHCN	89	6.7	3
1,507	3110819065	Vũ Hữu Đài Trang	01ĐH19PHCN	94	7.3	3
1,508	3110819067	Đặng Bảo Yến	01ĐH19PHCN	84	7.3	3
1,509	3110219003	Đỗ Thị Phương Anh	01ĐH19ĐD	91	6.6	3
1,510	3110219004	Lê Quỳnh Anh	01ĐH19ĐD	76	6.6	3
1,511	3110219006	Nguyễn Quỳnh Anh	01ĐH19ĐD	65	6.6	3
1,512	3110219011	Vũ Thị Vân Anh	01ĐH19ĐD	93	7.3	3
1,513	3110219012	Nguyễn Hồng Ánh	01ĐH19ĐD	88	6.8	3
1,514	3110219016	Phạm Ngọc Châu	01ĐH19ĐD	93	6.9	3
1,515	3110219019	Phạm Đức Chiến	01ĐH19ĐD	89	7	3
1,516	3110219024	Ngô Hoàng Dương	01ĐH19ĐD	83	6.8	3
1,517	3110219028	Đoàn Thị Hồng Giang	01ĐH19ĐD	89	7.3	3
1,518	3110219029	Nguyễn Thị Trà Giang	01ĐH19ĐD	89	7	3
1,519	3110219030	Đinh Việt Hà	01ĐH19ĐD	81	6.6	3
1,520	3110219031	Ngô Thu Hà	01ĐH19ĐD	83	7	3
1,521	3110219033	Nguyễn Thị Thu Hà	01ĐH19ĐD	93	7.2	3
1,522	3110219036	Phan Thị Hằng	01ĐH19ĐD	93	7.2	3
1,523	3110219042	Nguyễn Hồng Hiếu	01ĐH19ĐD	85	6.8	3
1,524	3110219044	Nguyễn Thị Hiền	01ĐH19ĐD	89	7.1	3
1,525	3110219046	Nguyễn Thị Hoài	01ĐH19ĐD	93	7.2	3
1,526	3110219047	Phạm Thu Hoài	01ĐH19ĐD	89	6.9	3
1,527	3110219050	Vũ Thị Hồng	01ĐH19ĐD	87	7	3
1,528	3110219051	Trần Bích Huệ	01ĐH19ĐD	65	6.3	3
1,529	3110219052	Lương Ngọc Huyền	01ĐH19ĐD	77	6.6	3
1,530	3110219053	Nguyễn Thanh Huyền	01ĐH19ĐD	75	6.5	3
1,531	3110219054	Nhữ Thị Ngọc Huyền	01ĐH19ĐD	87	6.7	3
1,532	3110219055	Trần Thị Huyền	01ĐH19ĐD	93	7.1	3
1,533	3110219059	Tạ Thị Hường	01ĐH19ĐD	85	6.8	3
1,534	3110219061	Nguyễn Thị Lan	01ĐH19ĐD	89	7	3
1,535	3110219062	Phạm Ngọc Lan	01ĐH19ĐD	87	6.8	3
1,536	3110219068	Phạm Ngọc Linh	01ĐH19ĐD	85	6.9	3
1,537	3110219069	Vũ Hoài Linh	01ĐH19ĐD	93	6.8	3
1,538	3110219072	Nguyễn Duy Lực	01ĐH19ĐD	79	6.5	3
1,539	3110219074	Lưu Thị Mai	01ĐH19ĐD	82	7.1	3
1,540	3110219075	Nguyễn Thị Mai	01ĐH19ĐD	68	6.2	3
1,541	3110219077	Trần Quỳnh Mai	01ĐH19ĐD	79	6.7	3
1,542	3110219078	Vũ Thị Mai	01ĐH19ĐD	69	6.2	3
1,543	3110219080	Nguyễn Thị Hà Minh	01ĐH19ĐD	89	7.4	3
1,544	3110219082	Nguyễn Văn Nam	01ĐH19ĐD	83	6.6	3
1,545	3110219083	Hà Thị Nga	01ĐH19ĐD	66	6.4	3
1,546	3110219084	Bùi Thị Ngân	01ĐH19ĐD	62	6.3	3
1,547	3110219087	Nguyễn Thị Ngọc	01ĐH19ĐD	82	6.7	3

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
1,548	3110219088	Phạm Thị Ngọc	01ĐH19ĐD	85	7.1	3
1,549	3110219090	Nguyễn Thị Nguyệt	01ĐH19ĐD	72	6.4	3
1,550	3110219092	Đặng Yến Nhi	01ĐH19ĐD	85	7.1	3
1,551	3110219100	Nguyễn Minh Phương	01ĐH19ĐD	77	6.2	3
1,552	3110219101	Nguyễn Trung Phương	01ĐH19ĐD	74	6.6	3
1,553	3110219107	Nguyễn Quang Sơn	01ĐH19ĐD	78	6.5	3
1,554	3110219108	Đỗ Thị Minh Tâm	01ĐH19ĐD	83	6.5	3
1,555	3110219115	Vũ Phương Thảo	01ĐH19ĐD	76	6.4	3
1,556	3110219116	Nguyễn Hồng Thắm	01ĐH19ĐD	82	6.3	3
1,557	3110219117	Nguyễn Hữu Thắng	01ĐH19ĐD	91	7.2	3
1,558	3110219119	Nguyễn Thị Hà Thu	01ĐH19ĐD	85	6.8	3
1,559	3110219120	Vũ Thị Thu	01ĐH19ĐD	81	7	3
1,560	3110219121	Phạm Thị Thuyết	01ĐH19ĐD	72	6.6	3
1,561	3110219122	Nguyễn Thị Thúy	01ĐH19ĐD	91	7.3	3
1,562	3110219123	Tạ Thị Thúy	01ĐH19ĐD	91	7.2	3
1,563	3110219126	Hoàng Thị Thu Trang	01ĐH19ĐD	91	7.2	3
1,564	3110219128	Nguyễn Thị Trang	01ĐH19ĐD	86	7	3
1,565	3110219133	Trần Khắc Triển	01ĐH19ĐD	89	7.1	3
1,566	3110219134	Nguyễn Văn Trung	01ĐH19ĐD	61	5.8	3
1,567	3110219136	Bùi Thị Cẩm Tú	01ĐH19ĐD	87	6.7	3
1,568	3110219138	Trần Kim Tú	01ĐH19ĐD	61	6.2	3
1,569	3110219144	Đỗ Thị Hải Yến	01ĐH19ĐD	81	6.8	3
1,570	3110219147	Phạm Thị Yến	01ĐH19ĐD	85	7.2	3
1,571	3110218067	Vũ Đức Long	02ĐH19ĐD	55	6.3	3
1,572	3110218274	Nguyễn Công Nghị	02ĐH19ĐD	72	6.7	3
1,573	3110219205	Nguyễn Nhật Anh	02ĐH19ĐD	86	6.6	3
1,574	3110219206	Nguyễn Thị Trâm Anh	02ĐH19ĐD	82	6.5	3
1,575	3110219208	Phùng Tú Anh	02ĐH19ĐD	89	7	3
1,576	3110219213	Phùng Ngọc Ánh	02ĐH19ĐD	93	7.1	3
1,577	3110219218	Nguyễn Minh Chiến	02ĐH19ĐD	73	6.4	3
1,578	3110219219	Lê Cao Cường	02ĐH19ĐD	75	6.3	3
1,579	3110219221	Triệu Phương Dung	02ĐH19ĐD	93	7.3	3
1,580	3110219227	Đào Thị Hương Giang	02ĐH19ĐD	76	6.4	3
1,581	3110219230	Lê Thị Hà	02ĐH19ĐD	81	6.8	3
1,582	3110219234	Phạm Hải	02ĐH19ĐD	82	6.5	3
1,583	3110219239	Trần Thị Hậu	02ĐH19ĐD	89	6.9	3
1,584	3110219240	Vũ Đức Hiên	02ĐH19ĐD	87	6.7	3
1,585	3110219243	Lê Thị Thúy Hiền	02ĐH19ĐD	81	6.7	3
1,586	3110219245	Bùi Thị Hiền	02ĐH19ĐD	93	6.9	3
1,587	3110219249	Trần Thị Minh Hồng	02ĐH19ĐD	93	7.2	3
1,588	3110219251	Lê Thị Huyền	02ĐH19ĐD	93	7.2	3
1,589	3110219255	Trần Thị Khánh Huyền	02ĐH19ĐD	93	6.9	3
1,590	3110219258	Nguyễn Thị Hường	02ĐH19ĐD	89	7	3
1,591	3110219259	Vương Thị Hường	02ĐH19ĐD	87	6.8	3
1,592	3110219260	Nguyễn Thị Minh Khánh	02ĐH19ĐD	93	7.4	3
1,593	3110219263	Vũ Thanh Lâm	02ĐH19ĐD	93	7.2	3
1,594	3110219265	Đỗ Khánh Linh	02ĐH19ĐD	89	6.7	3

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
1,595	3110219268	Trần Thị Mỹ Linh	02ĐH19ĐD	89	6.9	3
1,596	3110219270	Bùi Việt Long	02ĐH19ĐD	82	6.6	3
1,597	3110219274	Nguyễn Thanh Mai	02ĐH19ĐD	85	6.8	3
1,598	3110219275	Nguyễn Thị Phương Mai	02ĐH19ĐD	82	6.8	3
1,599	3110219277	Triệu Thị Ngọc Mai	02ĐH19ĐD	93	7.2	3
1,600	3110219279	Nguyễn Hương Minh	02ĐH19ĐD	93	7	3
1,601	3110219280	Phạm Thị Minh	02ĐH19ĐD	83	6.5	3
1,602	3110219284	Hồ Thị Ngân	02ĐH19ĐD	93	7.2	3
1,603	3110219286	Nguyễn Hồng Ngọc	02ĐH19ĐD	78	6.6	3
1,604	3110219290	Nguyễn Thị Nguyệt	02ĐH19ĐD	81	6.8	3
1,605	3110219292	Nguyễn Thị Nhi	02ĐH19ĐD	85	6.7	3
1,606	3110219295	Tô Hồng Nhung	02ĐH19ĐD	81	6.6	3
1,607	3110219299	Nguyễn Thị Phúc	02ĐH19ĐD	81	6.6	3
1,608	3110219301	Đào Thị Phượng	02ĐH19ĐD	70	6.5	3
1,609	3110219302	Vũ Thị Phương	02ĐH19ĐD	91	6.6	3
1,610	3110219309	Phạm Thị Thanh	02ĐH19ĐD	91	7	3
1,611	3110219310	Dương Thị Phương Thảo	02ĐH19ĐD	85	7	3
1,612	3110219312	Nguyễn Phương Thảo	02ĐH19ĐD	93	8	3
1,613	3110219313	Vũ Thị Thảo	02ĐH19ĐD	85	6.9	3
1,614	3110219318	Mai Thị Thanh Thu	02ĐH19ĐD	89	6.5	3
1,615	3110219319	Trần Thị Thu	02ĐH19ĐD	78	6.8	3
1,616	3110219322	Phạm Thị Thúy	02ĐH19ĐD	93	7.4	3
1,617	3110219323	Triệu Thị Thu Thùy	02ĐH19ĐD	89	7	3
1,618	3110219325	Đỗ Thị Trang	02ĐH19ĐD	87	6.6	3
1,619	3110219327	Nguyễn Huyền Trang	02ĐH19ĐD	73	6.1	3
1,620	3110219331	Vũ Thị Quỳnh Trang	02ĐH19ĐD	79	6.5	3
1,621	3110219333	Nguyễn Quốc Trung	02ĐH19ĐD	93	6.9	3
1,622	3110219341	Lê Thị Tường Vi	02ĐH19ĐD	89	7	3
1,623	3110219343	Lê Thị Xoan	02ĐH19ĐD	89	7.6	3
1,624	3110219346	Nguyễn Thị Hải Yến	02ĐH19ĐD	93	7.1	3
1,625	3110219007	Nguyễn Vân Anh	01ĐH19GM	89	7.1	3
1,626	3110219022	Phạm Thị Duyên	01ĐH19GM	78	6.4	3
1,627	3110219027	Trần Thị Én	01ĐH19GM	83	6.8	3
1,628	3110219032	Nguyễn Thị Ngọc Hà	01ĐH19GM	89	7.1	3
1,629	3110219039	Nguyễn Thị Hậu	01ĐH19GM	70	6.4	3
1,630	3110219049	Nguyễn Thị Thu Hồng	01ĐH19GM	84	7	3
1,631	3110219071	Lê Ngọc Lương	01ĐH19GM	87	7.2	3
1,632	3110219073	Hà Quang Lý	01ĐH19GM	66	6	3
1,633	3110219081	Nguyễn Thị Trà My	01ĐH19GM	88	7	3
1,634	3110219089	Thẩm Thị Bích Ngọc	01ĐH19GM	85	6.8	3
1,635	3110219096	Trần Thị Hồng Nhung	01ĐH19GM	90	7.1	3
1,636	3110219102	Trần Thị Phương	01ĐH19GM	86	7.2	3
1,637	3110219104	Lê Thị Quyên	01ĐH19GM	88	6.7	3
1,638	3110219105	Tạ Diễm Quỳnh	01ĐH19GM	84	6.6	3
1,639	3110219114	Nguyễn Thị Phương Thảo	01ĐH19GM	79	6.4	3
1,640	3110219124	Bùi Văn Toản	01ĐH19GM	37	5.5	3
1,641	3110219129	Nguyễn Thùy Trang	01ĐH19GM	86	6.7	3

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
1,642	3110219130	Phạm Thu Trang	01ĐH19GM	86	6.9	3
1,643	3110219132	Vũ Duy Tranh	01ĐH19GM	75	6.8	3
1,644	3110219142	Nguyễn Thế Vinh	01ĐH19GM	48	5.7	3
1,645	3110219143	Trương Thái Vy	01ĐH19GM	85	6.9	3
1,646	3110219210	Vũ Thị Tú Anh	01ĐH19GM	86	6.8	3
1,647	3110219216	Nguyễn Lan Chi	01ĐH19GM	77	6.4	3
1,648	3110219217	Nguyễn Linh Chi	01ĐH19GM	84	6.5	3
1,649	3110219224	Nguyễn Thị Dương	01ĐH19GM	91	7.4	3
1,650	3110219233	Nguyễn Thu Hà	01ĐH19GM	68	6.1	3
1,651	3110219241	Nguyễn Duy Hiếu	01ĐH19GM	91	6.7	3
1,652	3110219242	Nguyễn Thị Hiếu	01ĐH19GM	90	6.7	3
1,653	3110219248	Lại Thị Hồng	01ĐH19GM	91	6.9	3
1,654	3110219253	Nguyễn Thị Thanh Huyền	01ĐH19GM	81	6.4	3
1,655	3110219262	Phạm Thị Lan	01ĐH19GM	76	6.5	3
1,656	3110219269	Nguyễn Thị Loan	01ĐH19GM	84	6.6	3
1,657	3110219271	Nguyễn Công Luận	01ĐH19GM	83	6.6	3
1,658	3110219281	Lê Hải Nam	01ĐH19GM	65	6.3	3
1,659	3110219298	Nguyễn Thị Oanh	01ĐH19GM	84	7.3	3
1,660	3110219304	Lê Thị Diễm Quỳnh	01ĐH19GM	94	7.6	3
1,661	3110219314	Tạ Thị Thanh Thảo	01ĐH19GM	86	6.6	3
1,662	3110219317	Nguyễn Đức Thịnh	01ĐH19GM	92	7.1	3
1,663	3110219321	Hoàng Thị Thúy	01ĐH19GM	86	6.7	3
1,664	3110219326	Lê Thu Trang	01ĐH19GM	91	7.5	3
1,665	3110219334	Chu Ngọc Trường	01ĐH19GM	81	6.9	3
1,666	3110219338	Lê Thị Thu Uyên	01ĐH19GM	94	7.4	3
1,667	3110219339	Bùi Thị Thúy Vân	01ĐH19GM	74	6.4	3
1,668	3110219342	Phạm Thị Huyền Vy	01ĐH19GM	93	6.9	3
1,669	3110718025	Phan Tuấn Đạt	01ĐH19KTHA	49	6	3
1,670	3110718068	Hoàng Hữu Kiên	01ĐH19KTHA	68	6.4	3
1,671	3110719001	Nguyễn Thế An	01ĐH19KTHA	90	7.1	3
1,672	3110719006	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	01ĐH19KTHA	89	7	3
1,673	3110719007	Nguyễn Trọng Tiến Anh	01ĐH19KTHA	62	6.3	3
1,674	3110719012	Chá A Chia	01ĐH19KTHA	86	7.2	3
1,675	3110719013	Chu Tuyết Chinh	01ĐH19KTHA	90	7.5	3
1,676	3110719014	Mạc Hoàng Chính	01ĐH19KTHA	79	6.7	3
1,677	3110719015	Ngô Quốc Chính	01ĐH19KTHA	88	6.6	3
1,678	3110719017	Lô Thị Khánh Chi	01ĐH19KTHA	77	6.3	3
1,679	3110719019	Ma Thị Ngọc Diệp	01ĐH19KTHA	85	6.6	3
1,680	3110719020	Trịnh Thị Diệu	01ĐH19KTHA	94	7.7	3
1,681	3110719023	Vũ Đức Duy	01ĐH19KTHA	71	6.3	3
1,682	3110719025	Lê Văn Dũng	01ĐH19KTHA	89	6.9	3
1,683	3110719026	Nguyễn Tiến Dũng	01ĐH19KTHA	86	6.8	3
1,684	3110719027	Phạm Minh Dũng	01ĐH19KTHA	80	6.1	3
1,685	3110719028	Chu Thái Dương	01ĐH19KTHA	70	6	3
1,686	3110719031	Đỗ Hữu Đạt	01ĐH19KTHA	80	6.3	3
1,687	3110719033	Nguyễn Tiến Đạt	01ĐH19KTHA	63	5.7	3
1,688	3110719034	Nông Thành Đạt	01ĐH19KTHA	78	6.3	3

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
1,689	3110719036	Phạm Tiến Đạt	01ĐH19KTHA	92	7.2	3
1,690	3110719037	Trần Văn Đạt	01ĐH19KTHA	75	6.3	3
1,691	3110719039	Hoàng Minh Đức	01ĐH19KTHA	71	5.9	3
1,692	3110719040	Nguyễn Trung Đức	01ĐH19KTHA	82	6.6	3
1,693	3110719042	Đặng Trường Giang	01ĐH19KTHA	67	6.1	3
1,694	3110719043	Lương Hải Giang	01ĐH19KTHA	86	7,3	3
1,695	3110719046	Nguyễn Thị Hồng Hà	01ĐH19KTHA	90	7.5	3
1,696	3110719048	Trần Thị Hà	01ĐH19KTHA	86	6.9	3
1,697	3110719051	Nguyễn Thị Hạnh	01ĐH19KTHA	90	8	3
1,698	3110719053	Nguyễn Thị Hậu	01ĐH19KTHA	84	6.7	3
1,699	3110719054	Vi Hữu Hiên	01ĐH19KTHA	82	6.9	3
1,700	3110719057	Phạm Hữu Hiếu	01ĐH19KTHA	76	6.3	3
1,701	3110719059	Vũ Ngọc Hiếu	01ĐH19KTHA	84	7.2	3
1,702	3110719063	Kha Đức Hiếu	01ĐH19KTHA	86	6.9	3
1,703	3110719065	Đam Như Hoàng	01ĐH19KTHA	55	5.8	3
1,704	3110719067	Nguyễn Thiên Hoàng	01ĐH19KTHA	94	7.7	3
1,705	3110719069	Nguyễn Văn Hoằng	01ĐH19KTHA	94	7.2	3
1,706	3110719071	Nguyễn Thị Huệ	01ĐH19KTHA	90	7.1	3
1,707	3110719072	Hoàng Văn Huy	01ĐH19KTHA	90	6.9	3
1,708	3110719073	Lê Bá Huy	01ĐH19KTHA	78	6.3	3
1,709	3110719076	Chu Thị Khánh Huyền	01ĐH19KTHA	94	7.2	3
1,710	3110719077	Nguyễn Thị Thanh Huyền	01ĐH19KTHA	90	7.3	3
1,711	3110719078	Trần Đức Hùng	01ĐH19KTHA	90	7.1	3
1,712	3110719079	Phạm Quang Hưng	01ĐH19KTHA	61	6.1	3
1,713	3110719081	Nguyễn Mai Hương	01ĐH19KTHA	94	7	3
1,714	3110719083	Phạm Hoàng Khanh	01ĐH19KTHA	80	6.2	3
1,715	3110719084	Nguyễn Ngọc Khánh	01ĐH19KTHA	92	7.1	3
1,716	3110719085	Tô Trung Kiên	01ĐH19KTHA	82	6.4	3
1,717	3110719086	Vũ Thị Hồng Lan	01ĐH19KTHA	88	6.5	3
1,718	3110719087	Nguyễn Hoàng Lâm	01ĐH19KTHA	68	6	3
1,719	3110719088	Nguyễn Thị Diệu Linh	01ĐH19KTHA	88	7	3
1,720	3110719090	Đào Xuân Long	01ĐH19KTHA	88	7.2	3
1,721	3110719091	Đặng Vũ Long	01ĐH19KTHA	94	7.2	3
1,722	3110719093	Trần Thị Ngọc Long	01ĐH19KTHA	94	7.8	3
1,723	3110719094	Nguyễn Thị Lương	01ĐH19KTHA	88	6.6	3
1,724	3110719095	Nguyễn Thị Huệ Mai	01ĐH19KTHA	94	7.3	3
1,725	3110719096	Nguyễn Văn Mạnh	01ĐH19KTHA	81	6.6	3
1,726	3110719099	Nguyễn Thị Hồng Nga	01ĐH19KTHA	94	7.2	3
1,727	3110719101	Vũ Thu Ngân	01ĐH19KTHA	81	6.9	3
1,728	3110719103	Lê Hải Ngọc	01ĐH19KTHA	63	6.1	3
1,729	3110719104	Phan Bảo Ngọc	01ĐH19KTHA	94	7.5	3
1,730	3110719105	Vũ Đăng Ngọc	01ĐH19KTHA	86	6.9	3
1,731	3110719106	Nguyễn Thị Hồng Nhung	01ĐH19KTHA	94	7.5	3
1,732	3110719107	Nguyễn Thị Thùy Ninh	01ĐH19KTHA	94	7.1	3
1,733	3110719109	Nguyễn Thanh Phong	01ĐH19KTHA	86	7	3
1,734	3110719111	Tạ Thị Thu Phương	01ĐH19KTHA	86	7.1	3
1,735	3110719112	Dương Minh Quang	01ĐH19KTHA	86	6.7	3

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
1,736	3110719114	Nguyễn Văn Quang	01ĐH19KTHA	86	7.2	3
1,737	3110719115	Nguyễn Văn Quang	01ĐH19KTHA	94	7	3
1,738	3110719116	Trần Thị Diễm Quỳnh	01ĐH19KTHA	86	7	3
1,739	3110719117	Dương Quang Sơn	01ĐH19KTHA	82	6.9	3
1,740	3110719120	Nguyễn Đức Thành	01ĐH19KTHA	85	6.5	3
1,741	3110719123	Vũ Công Thành	01ĐH19KTHA	90	7	3
1,742	3110719125	Nguyễn Thị Thảo	01ĐH19KTHA	83	6.6	3
1,743	3110719126	Nguyễn Thị Thanh Thảo	01ĐH19KTHA	86	7.5	3
1,744	3110719128	Dương Văn Thắng	01ĐH19KTHA	90	7.4	3
1,745	3110719129	Nguyễn Văn Thiêm	01ĐH19KTHA	84	6.7	3
1,746	3110719130	Hoàng Minh Thuận	01ĐH19KTHA	90	7.2	3
1,747	3110719131	Lưu Đức Thuận	01ĐH19KTHA	92	7.1	3
1,748	3110719132	Nguyễn Thị Thuyên	01ĐH19KTHA	94	7.5	3
1,749	3110719134	Tô Kim Thúy	01ĐH19KTHA	94	7.5	3
1,750	3110719135	Vũ Thu Thủy	01ĐH19KTHA	90	7.1	3
1,751	3110719136	Lầu Bá Thắng	01ĐH19KTHA	81	6.8	3
1,752	3110719138	Đinh Công Tiến	01ĐH19KTHA	85	6.7	3
1,753	3110719140	Bùi Duy Tình	01ĐH19KTHA	86	7.2	3
1,754	3110719142	Nguyễn Tiến Tới	01ĐH19KTHA	90	7.1	3
1,755	3110719143	Đặng Thị Sơn Trầm	01ĐH19KTHA	84	6.7	3
1,756	3110719144	Lê Thị Hà Trang	01ĐH19KTHA	94	7.2	3
1,757	3110719146	Trần Thị Huyền Trang	01ĐH19KTHA	94	7.8	3
1,758	3110719147	Nguyễn Hữu Trác	01ĐH19KTHA	94	7.3	3
1,759	3110719148	Nguyễn Quang Trung	01ĐH19KTHA	92	6.9	3
1,760	3110719149	Nguyễn Văn Trường	01ĐH19KTHA	78	6.2	3
1,761	3110719150	Vương Minh Trường	01ĐH19KTHA	61	6	3
1,762	3110719151	Lê Ngọc Tuấn	01ĐH19KTHA	84	6.9	3
1,763	3110719152	Nguyễn Anh Tuấn	01ĐH19KTHA	85	6.6	3
1,764	3110719153	Nguyễn Đình Tuấn	01ĐH19KTHA	86	6.9	3
1,765	3110719156	Đặng Trọng Tuyên	01ĐH19KTHA	83	6.8	3
1,766	3110719157	Phùng Hãnh Tuyển	01ĐH19KTHA	61	6.2	3
1,767	3110719158	Trần Anh Tú	01ĐH19KTHA	88	6.9	3
1,768	3110719160	Nguyễn Thu Uyên	01ĐH19KTHA	86	6.8	3
1,769	3110719163	Dương Quang Văn	01ĐH19KTHA	86	6.7	3
1,770	3110719164	Phạm Thảo Vân	01ĐH19KTHA	84	6.7	3
1,771	3110719165	Vũ Văn Vân	01ĐH19KTHA	94	6.7	3
1,772	3110719167	Mai Thái Vũ	01ĐH19KTHA	83	6.5	3
1,773	3110719170	Trịnh Thị Yến	01ĐH19KTHA	94	7.8	3
1,774	3110219043	Hoàng Thu Hiền	01ĐH19NHA	88	6.8	3
1,775	3110219091	Phạm Thị Nguyệt	01ĐH19NHA	81	6.9	3
1,776	3110219093	Phạm Thị Nhi	01ĐH19NHA	83	6.7	3
1,777	3110219094	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	01ĐH19NHA	91	6.8	3
1,778	3110219099	Nguyễn Thành Phú	01ĐH19NHA	77	6.4	3
1,779	3110219106	Nguyễn Hương Sen	01ĐH19NHA	90	7	3
1,780	3110219112	Hoàng Thị Phương Thảo	01ĐH19NHA	89	7	3
1,781	3110219201	Lê Thị An	01ĐH19NHA	93	7.4	3
1,782	3110219215	Nguyễn Thanh Châm	01ĐH19NHA	75	6.5	3

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
1,783	3110219225	Vũ Khánh Dương	01ĐH19NHA	84	6.7	3
1,784	3110219228	Nguyễn Thị Hương Giang	01ĐH19NHA	81	6.4	3
1,785	3110219244	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	01ĐH19NHA	77	6.4	3
1,786	3110219272	Hứa Khánh Ly	01ĐH19NHA	81	6.4	3
1,787	3110219285	Lê Bích Ngọc	01ĐH19NHA	90	6.9	3
1,788	3110219288	Phùng Thị Bích Ngọc	01ĐH19NHA	80	6.3	3
1,789	3110219293	Nguyễn Thị Nhung	01ĐH19NHA	86	6.5	3
1,790	3110219294	Ninh Thị Hồng Nhung	01ĐH19NHA	88	6.4	3
1,791	3110219296	Đinh Thị Như	01ĐH19NHA	82	6.5	3
1,792	3110219324	Trần Đắc Toại	01ĐH19NHA	69	6.3	3
1,793	3110219345	Nguyễn Thị Yến	01ĐH19NHA	86	6.4	3
1,794	3110219009	Trần Thị Kim Anh	01ĐH19SPK	84	6.9	3
1,795	3110219021	Phạm Thị Thùy Dung	01ĐH19SPK	84	6.8	3
1,796	3110219097	Bùi Thị Oanh	01ĐH19SPK	84	7	3
1,797	3110219103	Mai Thị Phượng	01ĐH19SPK	82	7.4	3
1,798	3110219109	Nguyễn Thị Thanh	01ĐH19SPK	85	7.6	3
1,799	3110219118	Hoàng Thị Hoài Thu	01ĐH19SPK	85	7	3
1,800	3110219131	Trần Thị Thu Trang	01ĐH19SPK	86	7.4	3
1,801	3110219203	Lê Phương Anh	01ĐH19SPK	75	6.6	3
1,802	3110219211	Lê Nguyệt Ánh	01ĐH19SPK	78	6.7	3
1,803	3110219256	Nguyễn Thị Hương	01ĐH19SPK	85	7.3	3
1,804	3110219266	Nguyễn Thị Diệu Linh	01ĐH19SPK	84	6.7	3
1,805	3110219291	Trần Thị Ánh Nguyệt	01ĐH19SPK	85	7.2	3
1,806	3110219320	Vũ Thị Hương Thu	01ĐH19SPK	82	6.6	3
1,807	3110219335	Trần Quốc Tuấn	01ĐH19SPK	56	6	3
1,808	3110219337	Phạm Thị Thanh Tú	01ĐH19SPK	88	7	3
1,809	3110518026	Cao Phan Dũng	01ĐH19XN	88	6.6	3
1,810	3110518027	Đỗ Trung Dũng	01ĐH19XN	91	6.5	3
1,811	3110518035	Bùi Thị Hà	01ĐH19XN	79	7.1	3
1,812	3110518062	Vũ Thị Ngọc Lệ	01ĐH19XN	80	6.7	3
1,813	3110518075	Nguyễn Hải Nam	01ĐH19XN	13	4.9	3
1,814	3110518104	Nguyễn Hồng Thịnh	01ĐH19XN	65	5.9	3
1,815	3110518111	Lê Thị Thư	01ĐH19XN	67	5.9	3
1,816	3110519001	Nguyễn Đào Việt Anh	01ĐH19XN	89	7.5	3
1,817	3110519002	Nguyễn Hải Anh	01ĐH19XN	89	8.2	3
1,818	3110519005	Nguyễn Thị Mai Anh	01ĐH19XN	85	6.9	3
1,819	3110519007	Nguyễn Thị Phương Anh	01ĐH19XN	85	6.9	3
1,820	3110519010	Nguyễn Tuấn Anh	01ĐH19XN	77	6.6	3
1,821	3110519014	Phạm Tiến Anh	01ĐH19XN	68	6.3	3
1,822	3110519019	Trần Thị Tuyết Anh	01ĐH19XN	85	7.4	3
1,823	3110519021	Trần Thị Ngọc Ánh	01ĐH19XN	80	6.5	3
1,824	3110519024	Lương Thị Kiều Chinh	01ĐH19XN	85	7.1	3
1,825	3110519026	Trương Văn Chung	01ĐH19XN	76	6.1	3
1,826	3110519028	Phạm Thị Diễm	01ĐH19XN	85	7.2	3
1,827	3110519033	Trần Thị Ánh Dương	01ĐH19XN	80	6.5	3
1,828	3110519035	Nguyễn Huy Hoàng Đan	01ĐH19XN	89	7	3
1,829	3110519037	Chu Minh Đức	01ĐH19XN	87	7.2	3

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
1,830	3110519039	Nguyễn Ngân Giang	01ĐH19XN	79	6.3	3
1,831	3110519041	Lê Thị Hồng Hạnh	01ĐH19XN	77	6.2	3
1,832	3110519043	Nguyễn Thị Hạnh	01ĐH19XN	87	7.4	3
1,833	3110519045	Vũ Hồng Hạnh	01ĐH19XN	81	6.5	3
1,834	3110519050	Đỗ Thị Thanh Hoa	01ĐH19XN	85	6.6	3
1,835	3110519053	Nguyễn Huy Hoàng	01ĐH19XN	65	6	3
1,836	3110519055	Trần Huy Hoàng	01ĐH19XN	51	5.3	3
1,837	3110519057	Ngô Thị Hoa Hồng	01ĐH19XN	84	6.5	3
1,838	3110519060	Nguyễn Diệu Huyên	01ĐH19XN	91	7.5	3
1,839	3110519064	Trần Việt Hùng	01ĐH19XN	76	5.9	3
1,840	3110519066	Phạm Quỳnh Hương	01ĐH19XN	89	6.8	3
1,841	3110519068	Ngô Thị Hường	01ĐH19XN	89	6.7	3
1,842	3110519070	Nguyễn Văn Khoa	01ĐH19XN	78	6.6	3
1,843	3110519075	Nguyễn Thị Huyền Linh	01ĐH19XN	93	7.4	3
1,844	3110519077	Nguyễn Thùy Linh	01ĐH19XN	81	6.9	3
1,845	3110519079	Trần Diệu Linh	01ĐH19XN	93	7	3
1,846	3110519082	Trịnh Thị Ngọc Linh	01ĐH19XN	89	6.7	3
1,847	3110519084	Nguyễn Thị Thanh Loan	01ĐH19XN	93	7.3	3
1,848	3110519087	Nguyễn Thị Ngọc Mai	01ĐH19XN	77	6.9	3
1,849	3110519089	Nguyễn Công Minh	01ĐH19XN	86	6.9	3
1,850	3110519097	Đặng Thị Ngân	01ĐH19XN	81	7.2	3
1,851	3110519101	Nguyễn Bảo Ngọc	01ĐH19XN	58	5.5	3
1,852	3110519103	Nguyễn Viết Nguyên	01ĐH19XN	52	5.6	3
1,853	3110519108	Nguyễn Thị Nhung	01ĐH19XN	89	6.9	3
1,854	3110519110	Trịnh Thị Nhung	01ĐH19XN	89	8	3
1,855	3110519114	Lê Thị Lan Phương	01ĐH19XN	48	5.3	3
1,856	3110519117	Trịnh Hà Phương	01ĐH19XN	89	7.1	3
1,857	3110519120	Hoàng Anh Quân	01ĐH19XN	65	6.1	3
1,858	3110519122	Vương Hồng Quân	01ĐH19XN	67	7.1	3
1,859	3110519124	Đỗ Đăng Quyết	01ĐH19XN	87	6.9	3
1,860	3110519127	Lương Thanh Quý	01ĐH19XN	70	5.9	3
1,861	3110519129	Lê Thị Như Quỳnh	01ĐH19XN	81	6.6	3
1,862	3110519131	Phan Thu Quỳnh	01ĐH19XN	83	6.8	3
1,863	3110519133	Nguyễn Văn Sỹ	01ĐH19XN	77	6.7	3
1,864	3110519135	Bùi Thị Tâm	01ĐH19XN	81	6.3	3
1,865	3110519141	Bùi Thị Thanh Thảo	01ĐH19XN	42	5.1	3
1,866	3110519143	Lưu Thị Phương Thảo	01ĐH19XN	81	7	3
1,867	3110519146	Vũ Thị Thảo	01ĐH19XN	87	7.3	3
1,868	3110519150	Trần Thị Thoa	01ĐH19XN	85	7.1	3
1,869	3110519152	Nguyễn Thị Thơm	01ĐH19XN	85	7.1	3
1,870	3110519154	Đào Thị Minh Thúy	01ĐH19XN	64	5.6	3
1,871	3110519156	Hà Thị Thùy	01ĐH19XN	77	6.4	3
1,872	3110519161	Nguyễn Anh Thư	01ĐH19XN	89	6.5	3
1,873	3110519163	Tạ Thị Thương	01ĐH19XN	86	7	3
1,874	3110519165	Long A Tiến	01ĐH19XN	67	5.9	3
1,875	3110519168	Hoàng Thị Thu Trang	01ĐH19XN	84	6.2	3
1,876	3110519174	Nguyễn Thị Mai Trang	01ĐH19XN	93	7.5	3

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
1,877	3110519176	Vi Lương Huyền Trang	01ĐH19XN	82	6.3	3
1,878	3110519178	Bùi Thị Trinh	01ĐH19XN	81	6.7	3
1,879	3110519180	Đặng Anh Tuấn	01ĐH19XN	78	6.1	3
1,880	3110519185	Vũ Thanh Tùng	01ĐH19XN	91	6.9	3
1,881	3110519187	Phạm Nguyễn Phương Uyên	01ĐH19XN	89	7.2	3
1,882	3110519191	Nguyễn Thị Vân	01ĐH19XN	85	6.5	3
1,883	3110518029	Lê Thùy Dương	02ĐH19XN	82	6.6	3
1,884	3110519003	Nguyễn Lê Kim Anh	02ĐH19XN	89	7.1	3
1,885	3110519006	Nguyễn Thị Minh Anh	02ĐH19XN	89	7.2	3
1,886	3110519009	Nguyễn Trung Anh	02ĐH19XN	85	6.6	3
1,887	3110519012	Phan Mai Anh	02ĐH19XN	73	6.4	3
1,888	3110519015	Phạm Trung Anh	02ĐH19XN	80	6.6	3
1,889	3110519020	Hoàng Thị Ngọc Ánh	02ĐH19XN	72	5.9	3
1,890	3110519025	Mai Thị Phương Chinh	02ĐH19XN	76	6.8	3
1,891	3110519027	Hứa Thị Cúc	02ĐH19XN	83	6.9	3
1,892	3110519029	Lê Ngọc Diệp	02ĐH19XN	72	6.2	3
1,893	3110519032	Nguyễn Thị Thùy Dương	02ĐH19XN	79	6.4	3
1,894	3110519034	Trần Thị Thùy Dương	02ĐH19XN	93	7.2	3
1,895	3110519036	Nguyễn Thị Anh Đào	02ĐH19XN	89	6.8	3
1,896	3110519038	Nguyễn Minh Đức	02ĐH19XN	82	6.2	3
1,897	3110519040	Trần Trà Giang	02ĐH19XN	86	6.9	3
1,898	3110519042	Nguyễn Danh Hạnh	02ĐH19XN	85	6.7	3
1,899	3110519044	Phùng Thị Hạnh	02ĐH19XN	75	6.6	3
1,900	3110519048	Nguyễn Thị Hậu	02ĐH19XN	89	7.4	3
1,901	3110519051	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	02ĐH19XN	85	7	3
1,902	3110519054	Phan Trọng Hoàng	02ĐH19XN	78	6.4	3
1,903	3110519056	Nguyễn Thu Hòa	02ĐH19XN	87	7.2	3
1,904	3110519059	Lê Công Huy	02ĐH19XN	83	6.5	3
1,905	3110519061	Nguyễn Khánh Huyền	02ĐH19XN	81	6.9	3
1,906	3110519065	Nguyễn Thị Mai Hương	02ĐH19XN	83	7.1	3
1,907	3110519067	Trần Thị Thu Hương	02ĐH19XN	71	6.2	3
1,908	3110519073	Đặng Kiều Lan	02ĐH19XN	93	6.9	3
1,909	3110519076	Nguyễn Thị Mai Linh	02ĐH19XN	91	8	3
1,910	3110519078	Nguyễn Thùy Linh	02ĐH19XN	89	7.5	3
1,911	3110519081	Triệu Thị Linh	02ĐH19XN	93	7.2	3
1,912	3110519083	Vũ Khánh Linh	02ĐH19XN	85	6.9	3
1,913	3110519086	Vũ Thị Khánh Ly	02ĐH19XN	87	7.1	3
1,914	3110519090	Nguyễn Thị Ngọc Minh	02ĐH19XN	93	6.8	3
1,915	3110519094	Bùi Thị Thúy Nga	02ĐH19XN	91	7.3	3
1,916	3110519099	Lợi Thị Chí Ngọc	02ĐH19XN	81	6.2	3
1,917	3110519102	Trần Thanh Ngọc	02ĐH19XN	89	6.8	3
1,918	3110519105	Phạm Thị Nhàn	02ĐH19XN	80	6.1	3
1,919	3110519109	Phạm Thị Nhung	02ĐH19XN	93	7.5	3
1,920	3110519111	Ngô Thị Kiều Oanh	02ĐH19XN	93	7	3
1,921	3110519113	Hoàng Nguyễn Hà Phương	02ĐH19XN	89	6.6	3
1,922	3110519116	Nguyễn Tiến Phương	02ĐH19XN	62	6.1	3
1,923	3110519119	Bùi Hoàng Quân	02ĐH19XN	73	6.2	3

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
1,924	3110519123	Nguyễn Thị Hồng Quyên	02ĐH19XN	93	7.1	3
1,925	3110519126	Dương Ngọc Quý	02ĐH19XN	76	6.4	3
1,926	3110519128	Hoàng Thị Quỳnh	02ĐH19XN	91	6.6	3
1,927	3110519130	Nguyễn Hương Quỳnh	02ĐH19XN	93	6.6	3
1,928	3110519132	Nguyễn Tiến Sơn	02ĐH19XN	85	6.1	3
1,929	3110519134	Nguyễn Gia Tài	02ĐH19XN	85	6.5	3
1,930	3110519136	Hà Công Thanh Tâm	02ĐH19XN	85	6.8	3
1,931	3110519138	Nguyễn Trọng Tân	02ĐH19XN	53	5.6	3
1,932	3110519140	Bùi Phương Thảo	02ĐH19XN	85	6.6	3
1,933	,3110519142	Hoàng Thị Thu Thảo	02ĐH19XN	81	6.8	3
1,934	3110519145	Phạm Thị Thảo	02ĐH19XN	87	7.2	3
1,935	3110519147	Hoàng Lê Phương Thắm	02ĐH19XN	87	6.8	3
1,936	3110519149	Hoàng Thị Kim Thoa	02ĐH19XN	81	6.6	3
1,937	3110519151	Đặng Thị Thơm	02ĐH19XN	93	7.2	3
1,938	3110519153	Lê Hoài Thu	02ĐH19XN	89	7.3	3
1,939	3110519155	Nguyễn Thị Thúy	02ĐH19XN	81	6.7	3
1,940	3110519159	Đàm Thị Minh Thư	02ĐH19XN	83	6.9	3
1,941	3110519162	Phạm Thị Ngọc Thương	02ĐH19XN	85	7	3
1,942	3110519167	Đặng Thu Trang	02ĐH19XN	89	6.5	3
1,943	3110519170	Nguyễn Hà Trang	02ĐH19XN	81	6.7	3
1,944	3110519173	Nguyễn Thị Huyền Trang	02ĐH19XN	89	7.2	3
1,945	3110519175	Trần Thị Quỳnh Trang	02ĐH19XN	93	7.5	3
1,946	3110519177	Vũ Kiều Trang	02ĐH19XN	85	6.8	3
1,947	3110519179	Phan Quang Trường	02ĐH19XN	85	7	3
1,948	3110519184	Phan Thanh Tùng	02ĐH19XN	81	6.5	3
1,949	3110519186	Hoàng Thị Uyên	02ĐH19XN	93	7	3
1,950	3110519188	Trần Thảo Uyên	02ĐH19XN	84	6.5	3
1,951	3110519190	Nguyễn Hồng Vân	02ĐH19XN	91	7.4	3
1,952	3110519192	Nguyễn Quang Việt	02ĐH19XN	63	5.9	3
1,953	3111119001	Cao Lê Duy Anh	01ĐH19YK	100	6.9	3
1,954	3111119002	Nguyễn Thị Lan Anh	01ĐH19YK	100	7.4	3
1,955	3111119003	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	01ĐH19YK	100	7.1	3
1,956	3111119004	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	01ĐH19YK	97	7	3
1,957	3111119005	Nguyễn Vân Anh	01ĐH19YK	95	6.8	3
1,958	3111119006	Tô Hoài Anh	01ĐH19YK	93	7.2	3
1,959	3111119007	Trương Thị Ngọc Ánh	01ĐH19YK	100	7.3	3
1,960	3111119008	Vũ Đức Bình	01ĐH19YK	92	6.3	3
1,961	3111119009	Hờ Thị Chù	01ĐH19YK	96	7	3
1,962	3111119010	Lê Thị Kiều Diễm	01ĐH19YK	96	6.6	3
1,963	3111119011	Dương Thị Dung	01ĐH19YK	100	7.5	3
1,964	3111119012	Vương Trần Quang Duy	01ĐH19YK	82	5.9	3
1,965	3111119014	Phạm Xuân Định	01ĐH19YK	92	6.5	3
1,966	3111119015	Phạm Minh Đức	01ĐH19YK	96	7.4	3
1,967	3111119016	Lê Thị Giang	01ĐH19YK	100	7.4	3
1,968	3111119017	Ngô Thị Giang	01ĐH19YK	100	7.6	3
1,969	3111119019	Phạm Thúy Giang	01ĐH19YK	78	6.3	3
1,970	3111119020	Đỗ Thanh Hải	01ĐH19YK	82	6.3	3

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
1,971	3111119021	Đặng Thị Thu Hằng	01ĐH19YK	100	7.4	3
1,972	3111119022	Hoàng Minh Hiếu	01ĐH19YK	91	6.4	3
1,973	3111119023	Mai Trọng Hiếu	01ĐH19YK	96	6.7	3
1,974	3111119024	Nguyễn Trọng Hiếu	01ĐH19YK	75	5.9	3
1,975	3111119026	Dừ Thị Hoa	01ĐH19YK	92	6.8	3
1,976	3111119027	Nguyễn Phương Hoa	01ĐH19YK	100	6.4	3
1,977	3111119028	Trần Thị Hoa	01ĐH19YK	96	7	3
1,978	3111119029	Trần Thị Hoài	01ĐH19YK	87	6.4	3
1,979	3111119030	Nguyễn Khắc Hòa	01ĐH19YK	96	6.7	3
1,980	3111119031	Lương Đức Hồng	01ĐH19YK	100	7	3
1,981	3111119033	Dương Thanh Huấn	01ĐH19YK	100	7.1	3
1,982	3111119035	Phạm Thị Hồng Huệ	01ĐH19YK	100	6.9	3
1,983	3111119036	Vũ Mạnh Huy	01ĐH19YK	78	6.5	3
1,984	3111119037	Nguyễn Thị Huyền	01ĐH19YK	100	8	3
1,985	3111119038	Phong Thị Huyền	01ĐH19YK	100	7.9	3
1,986	3111119039	Vũ Đình Hưng	01ĐH19YK	88	6.2	3
1,987	3111119040	Phan Thị Thu Hường	01ĐH19YK	100	7.9	3
1,988	3111119041	Trần Văn Hữu	01ĐH19YK	96	6.3	3
1,989	3111119042	Phạm Thị Khay	01ĐH19YK	100	6.9	3
1,990	3111119043	Đỗ Phúc Kiên	01ĐH19YK	88	6.3	3
1,991	3111119044	Lại Thị Hương Lan	01ĐH19YK	100	7.2	3
1,992	3111119045	Nguyễn Thị Linh	01ĐH19YK	96	6.8	3
1,993	3111119046	Nguyễn Thị Linh	01ĐH19YK	96	6.7	3
1,994	3111119047	Trần Thị Diệu Linh	01ĐH19YK	80	6.2	3
1,995	3111119048	Nguyễn Thị Lý	01ĐH19YK	100	6.8	3
1,996	3111119049	Lê Thị Huyền Mai	01ĐH19YK	82	6.2	3
1,997	3111119050	Lê Thị Hương Mai	01ĐH19YK	92	7.1	3
1,998	3111119051	Đỗ Thị Trà My	01ĐH19YK	100	7.1	3
1,999	3111119052	Nguyễn Phương Nam	01ĐH19YK	92	6.4	3
2,000	3111119053	Hoàng Kim Ngân	01ĐH19YK	100	7.2	3
2,001	3111119054	Nguyễn Thị Ngọc	01ĐH19YK	96	6.9	3
2,002	3111119056	Trần Thị Nhung	01ĐH19YK	97	7	3
2,003	3111119057	Ngô Thị Phụng	01ĐH19YK	102	7.8	3
2,004	3111119058	Nguyễn Thị Phương	01ĐH19YK	100	7.6	3
2,005	3111119059	Trần Mai Phương	01ĐH19YK	85	6.3	3
2,006	3111119060	Nguyễn Minh Quang	01ĐH19YK	96	6.5	3
2,007	3111119061	Nguyễn Thế Minh Quang	01ĐH19YK	100	6.9	3
2,008	3111119062	Nguyễn Thị Quế	01ĐH19YK	100	7.6	3
2,009	3111119063	Trần Thị Thúy Quỳnh	01ĐH19YK	100	7.6	3
2,010	3111119064	Bùi Huy Sáng	01ĐH19YK	100	7.8	3
2,011	3111119065	Phạm Văn Sinh	01ĐH19YK	88	6.1	3
2,012	3111119066	Trần Hữu Sơn	01ĐH19YK	65	5.7	3
2,013	3111119067	Mai Thanh Tâm	01ĐH19YK	75	6	3
2,014	3111119068	Lê Thị Phương Thảo	01ĐH19YK	100	7.2	3
2,015	3111119069	Lương Thị Thu Thảo	01ĐH19YK	97	6.7	3
2,016	3111119070	Nguyễn Thị Mai Thảo	01ĐH19YK	96	7.2	3
2,017	3111119072	Nguyễn Nhâm Thúy	01ĐH19YK	86	6.4	3

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
2,018	3111119073	Trương Thị Thanh Thúy	01ĐH19YK	100	7.1	3
2,019	3111119074	Nguyễn Huy Tiến	01ĐH19YK	93	7.1	3
2,020	3111119075	Phạm Anh Tiến	01ĐH19YK	92	6.6	3
2,021	3111119076	Vũ Thị Huyền Trang	01ĐH19YK	97	7.6	3
2,022	3111119077	Trần Mạnh Tuân	01ĐH19YK	91	6.5	3
2,023	3111119078	Lý Trung Tuyến	01ĐH19YK	82	5.9	3
2,024	3111119079	Nguyễn Thị Việt	01ĐH19YK	78	6.3	3
2,025	3110817078	Đặng Hoàng Long	01ĐH18PHCN	105	6.3	4
2,026	3110818001	Bùi Lan Anh	01ĐH18PHCN	124	6.6	4
2,027	3110818002	Nguyễn Hoài Anh	01ĐH18PHCN	128	6.8	4
2,028	3110818003	Phạm Quang Anh	01ĐH18PHCN	113	6.6	4
2,029	3110818004	Phạm Tuấn Anh	01ĐH18PHCN	112	6.4	4
2,030	3110818005	Bùi Ngọc Ánh	01ĐH18PHCN	128	6.8	4
2,031	3110818006	Lê Thị Ánh	01ĐH18PHCN	131	7.2	4
2,032	3110818007	Nguyễn Hoà Bình	01ĐH18PHCN	127	7	4
2,033	3110818008	Lê Hoả Công	01ĐH18PHCN	102	7	4
2,034	3110818009	Vũ Mạnh Cường	01ĐH18PHCN	112	6.2	4
2,035	3110818010	Vũ Thùy Dung	01ĐH18PHCN	133	7.6	4
2,036	3110818011	Vương Thị Thùy Dung	01ĐH18PHCN	92	6.1	4
2,037	3110818014	Mạc Thị Ninh Giang	01ĐH18PHCN	118	6.5	4
2,038	3110818015	Nguyễn Quỳnh Giang	01ĐH18PHCN	122	7.1	4
2,039	3110818016	Bùi Thị Thu Hà	01ĐH18PHCN	126	6.7	4
2,040	3110818017	Nguyễn Thị Thu Hà	01ĐH18PHCN	120	7	4
2,041	3110818018	Phạm Thúy Hà	01ĐH18PHCN	127	6.9	4
2,042	3110818019	Bùi Thị Mỹ Hạnh	01ĐH18PHCN	131	7.1	4
2,043	3110818020	Dương Bích Hạnh	01ĐH18PHCN	128	7.1	4
2,044	3110818021	Đinh Thị Hạnh	01ĐH18PHCN	115	6.8	4
2,045	3110818022	Lương Thị Hạnh	01ĐH18PHCN	131	7.6	4
2,046	3110818023	Nguyễn Thanh Hằng	01ĐH18PHCN	129	7.1	4
2,047	3110818024	Nguyễn Thị Hằng	01ĐH18PHCN	133	7.1	4
2,048	3110818025	Nguyễn Thu Hằng	01ĐH18PHCN	125	7.4	4
2,049	3110818026	Trương Thị Hằng	01ĐH18PHCN	129	7.3	4
2,050	3110818028	Nguyễn Nguyệt Hoa	01ĐH18PHCN	131	7	4
2,051	3110818029	Nguyễn Thị Hoa	01ĐH18PHCN	129	7.1	4
2,052	3110818030	Nguyễn Đăng Huy Hoàng	01ĐH18PHCN	125	7.4	4
2,053	3110818031	Phạm Mai Huệ	01ĐH18PHCN	127	7	4
2,054	3110818032	Trần Quang Huy	01ĐH18PHCN	120	6.6	4
2,055	3110818033	Nguyễn Văn Huynh	01ĐH18PHCN	118	6.5	4
2,056	3110818034	Vũ Mạnh Hùng	01ĐH18PHCN	120	6.6	4
2,057	3110818035	Nguyễn Trung Khải	01ĐH18PHCN	115	6.9	4
2,058	3110818036	Trần Thị Hoàng Lan	01ĐH18PHCN	129	7.3	4
2,059	3110818037	Nguyễn Thị Phương Liên	01ĐH18PHCN	129	7.6	4
2,060	3110818038	Hoàng Thị Mỹ Linh	01ĐH18PHCN	121	6.9	4
2,061	3110818039	Phạm Thùy Linh	01ĐH18PHCN	133	7	4
2,062	3110818040	Trương Thị Thùy Linh	01ĐH18PHCN	133	7.1	4
2,063	3110818041	Dương Hoàng Long	01ĐH18PHCN	126	6.7	4
2,064	3110818042	Lưu Quang Lợi	01ĐH18PHCN	133	7.7	4

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
2,065	3110818043	Phạm Văn Lương	01ĐH18PHCN	126	7.1	4
2,066	3110818044	Nguyễn Vũ Thảo Ly	01ĐH18PHCN	133	7.2	4
2,067	3110818045	Trần Hương Ly	01ĐH18PHCN	122	6.8	4
2,068	3110818046	Nguyễn Thị Mai	01ĐH18PHCN	127	6.7	4
2,069	3110818047	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	01ĐH18PHCN	116	6.8	4
2,070	3110818048	Nguyễn Thị Hà Mi	01ĐH18PHCN	123	6.6	4
2,071	3110818050	Vũ Thị Ngân	01ĐH18PHCN	126	6,7	4
2,072	3110818051	Đàm Thị Ngoan	01ĐH18PHCN	128	7	4
2,073	3110818052	Lê Thị Nhài	01ĐH18PHCN	133	7.1	4
2,074	3110818053	Nguyễn Thanh Nhàn	01ĐH18PHCN	124	6.8	4
2,075	3110818054	Kim Thị Nhung	01ĐH18PHCN	129	7.3	4
2,076	3110818055	Phạm Thị Oanh	01ĐH18PHCN	120	7	4
2,077	3110818056	Nguyễn Minh Phương	01ĐH18PHCN	124	7.1	4
2,078	3110818057	Phạm Thị Thu Phương	01ĐH18PHCN	129	7.2	4
2,079	3110818059	Lưu Thị Phượng	01ĐH18PHCN	133	7.3	4
2,080	3110818060	Nguyễn Minh Quang	01ĐH18PHCN	105	6.4	4
2,081	3110818061	Bế Thị Như Quỳnh	01ĐH18PHCN	133	7.6	4
2,082	3110818062	Cao Thị Quỳnh	01ĐH18PHCN	112	6.6	4
2,083	3110818063	Tăng Thị Như Quỳnh	01ĐH18PHCN	123	6.6	4
2,084	3110818064	Hoàng Thị Thanh Thanh	01ĐH18PHCN	104	6.1	4
2,085	3110818065	Lưu Thị Thanh	01ĐH18PHCN	122	6.9	4
2,086	3110818066	Nguyễn Phương Thảo	01ĐH18PHCN	119	7	4
2,087	3110818067	Nguyễn Thị Thảo	01ĐH18PHCN	133	7.4	4
2,088	3110818068	Nguyễn Thị Phương Thảo	01ĐH18PHCN	129	7.2	4
2,089	3110818069	Nguyễn Thu Thảo	01ĐH18PHCN	129	7	4
2,090	3110818070	Trần Phương Thảo	01ĐH18PHCN	133	7.6	4
2,091	3110818071	Nguyễn Đức Thắng	01ĐH18PHCN	122	6.8	4
2,092	3110818072	Hoàng Thị Thìn	01ĐH18PHCN	133	7.3	4
2,093	3110818073	Lê Thị Thu	01ĐH18PHCN	131	7.2	4
2,094	3110818074	Nguyễn Thị Thu Thúy	01ĐH18PHCN	133	7.3	4
2,095	3110818075	Bùi Thị Thùy	01ĐH18PHCN	133	7.5	4
2,096	3110818076	Nguyễn Thị Thanh Thủy	01ĐH18PHCN	127	6.8	4
2,097	3110818077	Nguyễn Thị Thu Thuỷ	01ĐH18PHCN	128	6.8	4
2,098	3110818078	Vũ Thị Thư	01ĐH18PHCN	133	7.5	4
2,099	3110818079	Nguyễn Tuấn Tú	01ĐH18PHCN	117	6.8	4
2,100	3110818081	Bùi Thu Trang	01ĐH18PHCN	126	6.9	4
2,101	3110818082	Trần Kiều Trinh	01ĐH18PHCN	133	7.7	4
2,102	3110818083	Trần Minh Trí	01ĐH18PHCN	120	6.5	4
2,103	3110818084	Phạm Văn Trưởng	01ĐH18PHCN	114	7.1	4
2,104	3110818085	Đinh Thị Hồng Vân	01ĐH18PHCN	127	7	4
2,105	3110217006	Phạm Thị Hải Anh	01ĐH18ĐD	138	7	4
2,106	3110217057	Nguyễn Thị Như Quỳnh	01ĐH18ĐD	130	6.8	4
2,107	3110217128	Nguyễn Thị Ánh Hồng	01ĐH18ĐD	124	7	4
2,108	3110217251	Vũ Trung Nghĩa	01ĐH18ĐD	111	6.2	4
2,109	3110217263	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	01ĐH18ĐD	128	6.6	4
2,110	3110218003	Đỗ Thị Lan Anh	01ĐH18ĐD	110	6.9	4
2,111	3110218007	Nguyễn Thị Phương Anh	01ĐH18ĐD	134	6.8	4

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
2,112	3110218008	Nguyễn Thị Vân Anh	01ĐH18ĐD	134	7.1	4
2,113	3110218010	Vũ Thị Lan Anh	01ĐH18ĐD	130	6.9	4
2,114	3110218012	Trần Ngọc Ánh	01ĐH18ĐD	138	7.2	4
2,115	3110218016	Bùi Thị Dung	01ĐH18ĐD	122	7.1	4
2,116	3110218017	Phạm Thùy Dung	01ĐH18ĐD	134	7.2	4
2,117	3110218019	Đào Hương Giang	01ĐH18ĐD	134	6.9	4
2,118	3110218022	Nguyễn Thị Hương Giang	01ĐH18ĐD	126	6.8	4
2,119	3110218025	Đỗ Thị Thu Hà	01ĐH18ĐD	138	6.9	4
2,120	3110218026	Nguyễn Thu Hà	01ĐH18ĐD	118	7.1	4
2,121	3110218027	Trần Thu Hà	01ĐH18ĐD	138	7.4	4
2,122	3110218029	Ngô Thị Hồng Hạnh	01ĐH18ĐD	134	7.1	4
2,123	3110218032	Nguyễn Thị Hằng	01ĐH18ĐD	138	7.9	4
2,124	3110218035	Đỗ Thị Hiền	01ĐH18ĐD	134	7.3	4
2,125	3110218036	Nguyễn Thị Hiền	01ĐH18ĐD	138	7.4	4
2,126	3110218037	Vũ Ngọc Hiền	01ĐH18ĐD	118	6.9	4
2,127	3110218040	Ngô Thị Hoàn	01ĐH18ĐD	134	7	4
2,128	3110218044	Nguyễn Thị Huệ	01ĐH18ĐD	138	7.4	4
2,129	3110218045	Lê Khánh Huyền	01ĐH18ĐD	138	7.1	4
2,130	3110218049	Phạm Thị Khánh Huyền	01ĐH18ĐD	138	7.2	4
2,131	3110218050	Vương Thị Thanh Huyền	01ĐH18ĐD	134	7.2	4
2,132	3110218052	Lê Thị Thu Hương	01ĐH18ĐD	134	7	4
2,133	3110218053	Nguyễn Thị Hương	01ĐH18ĐD	138	7.5	4
2,134	3110218054	Nguyễn Thị Hương	01ĐH18ĐD	134	7.1	4
2,135	3110218055	Triệu Thu Hương	01ĐH18ĐD	134	7.2	4
2,136	3110218057	Trương Thị Phương Liên	01ĐH18ĐD	134	7.5	4
2,137	3110218062	Trần Thị Thùy Linh	01ĐH18ĐD	134	7.3	4
2,138	3110218066	Hoàng Mạnh Long	01ĐH18ĐD	126	6.7	4
2,139	3110218068	Phạm Minh Lý	01ĐH18ĐD	126	6.6	4
2,140	3110218069	Vi Thị Nga My	01ĐH18ĐD	134	7	4
2,141	3110218071	Trịnh Thị Phương Nga	01ĐH18ĐD	136	6.8	4
2,142	3110218072	Cao Thị Ngân	01ĐH18ĐD	138	7.9	4
2,143	3110218073	Nguyễn Thị Ngân	01ĐH18ĐD	134	6.8	4
2,144	3110218074	Trịnh Thị Ngân	01ĐH18ĐD	138	7.9	4
2,145	3110218076	Nguyễn Thị Bích Ngọc	01ĐH18ĐD	126	6.8	4
2,146	3110218079	Phùng Thị Minh Nguyệt	01ĐH18ĐD	122	7	4
2,147	3110218087	Nguyễn Thị Oanh	01ĐH18ĐD	138	7.3	4
2,148	3110218088	Trần Thị Ưng	01ĐH18ĐD	134	6.9	4
2,149	3110218091	Lê Thu Phương	01ĐH18ĐD	134	6.9	4
2,150	3110218093	Nguyễn Thị Thu Phương	01ĐH18ĐD	134	6.9	4
2,151	3110218094	Phạm Bích Phương	01ĐH18ĐD	122	7	4
2,152	3110218095	Nông Thị Phượng	01ĐH18ĐD	138	7.1	4
2,153	3110218096	Hoàng Thị Quyên	01ĐH18ĐD	126	7.1	4
2,154	3110218097	Nguyễn Thúy Quỳnh	01ĐH18ĐD	121	6.8	4
2,155	3110218098	Đỗ Minh Tâm	01ĐH18ĐD	130	6.9	4
2,156	3110218099	Đoàn Phương Thảo	01ĐH18ĐD	138	7.2	4
2,157	3110218100	Hoàng Phương Thảo	01ĐH18ĐD	130	7.1	4
2,158	3110218101	Trịnh Thị Thanh Thảo	01ĐH18ĐD	122	6.7	4

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
2,159	3110218103	Nguyễn Đức Thiện	01ĐH18ĐD	112	6.6	4
2,160	3110218109	Lê Thị Thu Thủy	01ĐH18ĐD	138	7.9	4
2,161	3110218110	Bùi Thị Bích Thủy	01ĐH18ĐD	134	7.1	4
2,162	3110218112	Đồng Thị Thư	01ĐH18ĐD	138	7.6	4
2,163	3110218113	Lãnh Thị Minh Thương	01ĐH18ĐD	134	7.1	4
2,164	3110218114	Nguyễn Thị Thủy Tiên	01ĐH18ĐD	132	7	4
2,165	3110218115	Nguyễn Thị Tiến	01ĐH18ĐD	126	7.1	4
2,166	3110218116	Nguyễn Thị Tình	01ĐH18ĐD	130	7.1	4
2,167	3110218117	Phạm Anh Tú	01ĐH18ĐD	122	6.9	4
2,168	3110218120	Đặng Thị Thu Trang	01ĐH18ĐD	122	6.9	4
2,169	3110218121	Lê Thị Kiều Trang	01ĐH18ĐD	122	6.8	4
2,170	3110218122	Nguyễn Thị Trang	01ĐH18ĐD	138	7.1	4
2,171	3110218131	Trần Thị Vinh	01ĐH18ĐD	138	7	4
2,172	3110218132	Lê Hồng Yến	01ĐH18ĐD	126	6.9	4
2,173	3110218133	Trịnh Thị Hải Yến	01ĐH18ĐD	134	7	4
2,174	3110217181	Nguyễn Thị Hải Yến	02ĐH18ĐD	138	7.4	4
2,175	3110218202	Bùi Vân Anh	02ĐH18ĐD	134	7.2	4
2,176	3110218203	Hoàng Thị Anh	02ĐH18ĐD	134	7.1	4
2,177	3110218205	Nguyễn Thị Lan Anh	02ĐH18ĐD	138	7.6	4
2,178	3110218206	Nguyễn Thị Ngọc Anh	02ĐH18ĐD	122	7.1	4
2,179	3110218208	Nguyễn Thị Vân Anh	02ĐH18ĐD	138	7.1	4
2,180	3110218209	Trần Thị Kim Anh	02ĐH18ĐD	138	7.5	4
2,181	3110218210	Vũ Thị Lan Anh	02ĐH18ĐD	124	7	4
2,182	3110218211	Nguyễn Ngọc Ánh	02ĐH18ĐD	138	7.2	4
2,183	3110218214	Nguyễn Thị Chinh	02ĐH18ĐD	138	7	4
2,184	3110218215	Nguyễn Thị Mỹ Dịu	02ĐH18ĐD	134	7.1	4
2,185	3110218217	Vũ Thị Dung	02ĐH18ĐD	134	7	4
2,186	3110218218	Đinh Việt Đức	02ĐH18ĐD	134	6.9	4
2,187	3110218220	Nguyễn Thị Giang	02ĐH18ĐD	138	7.1	4
2,188	3110218221	Nguyễn Thị Hoàng Giang	02ĐH18ĐD	134	7.1	4
2,189	3110218223	Lưu Hoàng Hà	02ĐH18ĐD	138	6.9	4
2,190	3110218224	Đặng Thị Thu Hà	02ĐH18ĐD	130	6.9	4
2,191	3110218225	Ngô Thị Thu Hà	02ĐH18ĐD	134	7.6	4
2,192	3110218226	Phạm Thị Hà	02ĐH18ĐD	134	7.1	4
2,193	3110218228	Lưu Hoàng Hạnh	02ĐH18ĐD	138	7.4	4
2,194	3110218229	Phạm Hồng Hạnh	02ĐH18ĐD	122	7	4
2,195	3110218230	Đào Thu Hằng	02ĐH18ĐD	134	7.8	4
2,196	3110218232	Trần Thị Hằng	02ĐH18ĐD	130	7	4
2,197	3110218233	Hà Thị Hằng	02ĐH18ĐD	138	7.1	4
2,198	3110218234	Đặng Thị Quế Hiền	02ĐH18ĐD	138	7.3	4
2,199	3110218235	Đỗ Thị Thu Hiền	02ĐH18ĐD	126	7	4
2,200	3110218236	Nguyễn Thị Thu Hiền	02ĐH18ĐD	138	7.1	4
2,201	3110218237	Dương Thị Thanh Hoa	02ĐH18ĐD	138	7.8	4
2,202	3110218238	Nguyễn Thị Thùy Hoa	02ĐH18ĐD	134	7	4
2,203	3110218239	Nguyễn Thu Hoài	02ĐH18ĐD	119	6.6	4
2,204	3110218241	Trần Thị Hòa	02ĐH18ĐD	138	7.3	4
2,205	3110218242	Vũ Thị Thúy Hòa	02ĐH18ĐD	134	6.9	4

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
2,206	3110218243	Đỗ Thị Huệ	02ĐH18ĐD	134	7	4
2,207	3110218244	Trương Minh Huệ	02ĐH18ĐD	126	6.8	4
2,208	3110218245	Lê Thanh Huyền	02ĐH18ĐD	138	7.8	4
2,209	3110218247	Nguyễn Thị Huyền	02ĐH18ĐD	134	7	4
2,210	3110218248	Nguyễn Thị Thanh Huyền	02ĐH18ĐD	122	6.6	4
2,211	3110218249	Trần Thị Thu Huyền	02ĐH18ĐD	134	6.9	4
2,212	3110218251	Đào Thị Lan Hương	02ĐH18ĐD	134	7	4
2,213	3110218253	Nguyễn Thị Hương	02ĐH18ĐD	138	7	4
2,214	3110218254	Nguyễn Thị Hương	02ĐH18ĐD	138	7.1	4
2,215	3110218255	Nguyễn Thị Hường	02ĐH18ĐD	134	7.1	4
2,216	3110218256	Phạm Thị Lan	02ĐH18ĐD	138	7.6	4
2,217	3110218257	Lê Thị Thùy Linh	02ĐH18ĐD	134	7.1	4
2,218	3110218258	Nguyễn Diệu Linh	02ĐH18ĐD	134	7.1	4
2,219	3110218259	Nguyễn Thị Khánh Linh	02ĐH18ĐD	134	7.8	4
2,220	3110218260	Nguyễn Thùy Linh	02ĐH18ĐD	138	7	4
2,221	3110218261	Phương Thùy Linh	02ĐH18ĐD	134	6.8	4
2,222	3110218262	Vũ Thị Khánh Linh	02ĐH18ĐD	126	6.9	4
2,223	3110218266	Nguyễn Bảo Long	02ĐH18ĐD	122	6.8	4
2,224	3110218267	Nguyễn Thị Phương Ly	02ĐH18ĐD	138	7.7	4
2,225	3110218268	Bùi Thị Ngọc Mai	02ĐH18ĐD	134	6.9	4
2,226	3110218272	Nguyễn Phương Ngân	02ĐH18ĐD	134	6.9	4
2,227	3110218273	Phan Thị Mai Ngân	02ĐH18ĐD	134	6.8	4
2,228	3110218275	Nguyễn Thị Ngọc	02ĐH18ĐD	130	6.7	4
2,229	3110218276	Nguyễn Thị Yến Ngọc	02ĐH18ĐD	138	7.5	4
2,230	3110218277	Lâm Thị Nguyên	02ĐH18ĐD	134	6.8	4
2,231	3110218280	Nguyễn Long Nhật	02ĐH18ĐD	118	6.7	4
2,232	3110218284	Nguyễn Thị Non	02ĐH18ĐD	138	7.6	4
2,233	3110218285	Đào Thị Kiều Oanh	02ĐH18ĐD	138	7.4	4
2,234	3110218286	Nguyễn Kiều Oanh	02ĐH18ĐD	138	7.4	4
2,235	3110218287	Nguyễn Thị Tú Uyên	02ĐH18ĐD	138	7	4
2,236	3110218288	Đặng Thế Phong	02ĐH18ĐD	134	7	4
2,237	3110218289	Hoàng Thị Phương	02ĐH18ĐD	134	7.3	4
2,238	3110218291	Nguyễn Minh Phương	02ĐH18ĐD	134	6.8	4
2,239	3110218292	Nguyễn Thị Phương	02ĐH18ĐD	138	7.1	4
2,240	3110218293	Nguyễn Thu Phương	02ĐH18ĐD	126	6.7	4
2,241	3110218294	Nịnh Thị Phượng	02ĐH18ĐD	123	6.6	4
2,242	3110218299	Đỗ Thị Phương Thảo	02ĐH18ĐD	134	7	4
2,243	3110218301	Đỗ Thị Thạo	02ĐH18ĐD	134	7.2	4
2,244	3110218302	Nguyễn Thị Thêu	02ĐH18ĐD	134	7	4
2,245	3110218303	Bùi Thị Thu	02ĐH18ĐD	134	7	4
2,246	3110218306	Phạm Thị Thuỷ	02ĐH18ĐD	134	7.1	4
2,247	3110218307	Phạm Thị Thuý	02ĐH18ĐD	138	7	4
2,248	3110218308	Hoàng Thu Thuỳ	02ĐH18ĐD	138	7.4	4
2,249	3110218310	Nguyễn Thị Thủy	02ĐH18ĐD	138	7.2	4
2,250	3110218311	Nguyễn Xuân Thủy	02ĐH18ĐD	119	6.6	4
2,251	3110218313	Phùng Thị Thân Thương	02ĐH18ĐD	103	6.6	4
2,252	3110218314	Trịnh Thị Thuỷ Tiên	02ĐH18ĐD	130	7.1	4

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
2,253	3110218315	Tạ Thị Tin	02ĐH18ĐD	138	7.4	4
2,254	3110218316	Nguyễn Thị Tuyền	02ĐH18ĐD	134	7.1	4
2,255	3110218320	Đỗ Hoàng Trang	02ĐH18ĐD	136	7.3	4
2,256	3110218321	Lưu Thị Trang	02ĐH18ĐD	134	7	4
2,257	3110218323	Nguyễn Thị Thu Trang	02ĐH18ĐD	138	7.9	4
2,258	3110218325	Vũ Thị Huyền Trang	02ĐH18ĐD	138	7.3	4
2,259	3110218327	Nguyễn Ngọc Trâm	02ĐH18ĐD	131	6.6	4
2,260	3110218329	Tạ Xuân Trường	02ĐH18ĐD	130	6.8	4
2,261	3110218330	Phạm Thị Vân	02ĐH18ĐD	134	6.7	4
2,262	3110218331	Nguyễn Thị Yên	02ĐH18ĐD	134	6.8	4
2,263	3110218333	Lục Thị Hải Yến	02ĐH18ĐD	134	6.9	4
2,264	3110218002	Bùi Thị Phương Anh	01ĐH18GM	139	7.3	4
2,265	3110218004	Kiều Thị Kim Anh	01ĐH18GM	131	6.8	4
2,266	3110218006	Nguyễn Thị Lan Anh	01ĐH18GM	139	6.8	4
2,267	3110218011	Mai Ngọc Ánh	01ĐH18GM	135	6.9	4
2,268	3110218014	Vũ Thị Diệu Chi	01ĐH18GM	139	7.1	4
2,269	3110218015	Đào Thị Thủy Chung	01ĐH18GM	137	7.1	4
2,270	3110218021	Nguyễn Thị Giang	01ĐH18GM	139	7.3	4
2,271	3110218023	Nguyễn Thị Hương Giang	01ĐH18GM	125	7.1	4
2,272	3110218024	Dương Nguyệt Hà	01ĐH18GM	135	7.1	4
2,273	3110218046	Lê Thị Huyền	01ĐH18GM	139	6.8	4
2,274	3110218047	Nguyễn Thanh Huyền	01ĐH18GM	139	7.2	4
2,275	3110218056	Bùi Ngọc Khánh	01ĐH18GM	139	7.4	4
2,276	3110218061	Phan Khánh Linh	01ĐH18GM	139	7	4
2,277	3110218081	Ngô Vũ Hạnh Nhi	01ĐH18GM	139	7.5	4
2,278	3110218084	Dương Thị Nhường	01ĐH18GM	131	7.6	4
2,279	3110218085	Ngô Thị Nụ	01ĐH18GM	139	6.8	4
2,280	3110218090	Lăng Thị Như Phương	01ĐH18GM	139	6.7	4
2,281	3110218105	Nguyễn Hồ Phương Thúy	01ĐH18GM	139	6.8	4
2,282	3110218111	Nguyễn Thị Thu Thủy	01ĐH18GM	139	6.9	4
2,283	3110218124	Nguyễn Thị Thùy Trang	01ĐH18GM	139	6.6	4
2,284	3110218129	Lê Bá Trường	01ĐH18GM	131	7.2	4
2,285	3110218201	Nguyễn Thị Thu An	01ĐH18GM	139	7.2	4
2,286	3110218204	Nguyễn Thị Anh	01ĐH18GM	139	6.8	4
2,287	3110218216	Bùi Thị Kim Dung	01ĐH18GM	139	7.1	4
2,288	3110218222	Nguyễn Thị Hương Giang	01ĐH18GM	135	7.2	4
2,289	3110218227	Đặng Minh Hào	01ĐH18GM	127	7	4
2,290	3110218240	Nguyễn Việt Hoàng	01ĐH18GM	124	7	4
2,291	3110218250	Lê Mạnh Hùng	01ĐH18GM	127	6.8	4
2,292	3110218252	Lê Thị Thu Hương	01ĐH18GM	124	6.4	4
2,293	3110218269	Nguyễn Thị Năm	01ĐH18GM	139	7.3	4
2,294	3110218270	Triệu Hằng Nga	01ĐH18GM	135	6.8	4
2,295	3110218271	Trần Thị Hồng Ngát	01ĐH18GM	139	7.2	4
2,296	3110218278	Phạm Thị Như Nguyệt	01ĐH18GM	139	8.1	4
2,297	3110218279	Hoàng Thị Thanh Nhàn	01ĐH18GM	139	7	4
2,298	3110218290	Lê Thị Phương	01ĐH18GM	139	7	4
2,299	3110218296	Nguyễn Thị Lệ Quyên	01ĐH18GM	118	6.4	4

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
2,300	3110218297	Nguyễn Tú Quỳnh	01ĐH18GM	139	7.1	4
2,301	3110218298	Lê Thị Thanh	01ĐH18GM	137	7.3	4
2,302	3110218304	Nguyễn Thị Thu	01ĐH18GM	139	6.9	4
2,303	3110218332	Nguyễn Thị Yến	01ĐH18GM	131	6.8	4
2,304	3110718001	Cao Thị Ngọc Anh	01ĐH18KTHA	137	7.7	4
2,305	3110718002	Đỗ Vũ Nhất Anh	01ĐH18KTHA	137	7.1	4
2,306	3110718003	Lê Thị Vân Anh	01ĐH18KTHA	134	6.9	4
2,307	3110718004	Nguyễn Duy Anh	01ĐH18KTHA	137	7.7	4
2,308	3110718006	Nguyễn Ngọc Anh	01ĐH18KTHA	137	7.4	4
2,309	3110718010	Nguyễn Việt Anh	01ĐH18KTHA	137	7.5	4
2,310	3110718011	Trần Vũ Hồng Anh	01ĐH18KTHA	137	6.9	4
2,311	3110718012	Sầm Văn Ba	01ĐH18KTHA	125	7.2	4
2,312	3110718013	Nguyễn Quang Bình	01ĐH18KTHA	133	7.1	4
2,313	3110718014	Giàng A Chá	01ĐH18KTHA	129	7.1	4
2,314	3110718015	Trần Thị Chung	01ĐH18KTHA	133	7.4	4
2,315	3110718016	La Văn Công	01ĐH18KTHA	133	7.2	4
2,316	3110718017	Dương Thị Thùy Dung	01ĐH18KTHA	137	7.5	4
2,317	3110718018	Nguyễn Hà Duy	01ĐH18KTHA	137	8	4
2,318	3110718019	Đặng Anh Dương	01ĐH18KTHA	137	7.9	4
2,319	3110718020	Đặng Thành Dương	01ĐH18KTHA	127	7	4
2,320	3110718022	Nguyễn Văn Dương	01ĐH18KTHA	108	6.8	4
2,321	3110718023	Đinh Tiến Đạt	01ĐH18KTHA	125	7	4
2,322	3110718024	Đỗ Tiến Đạt	01ĐH18KTHA	129	7.1	4
2,323	3110718026	Trịnh Quang Đông	01ĐH18KTHA	133	6.7	4
2,324	3110718027	Nguyễn Trung Đức	01ĐH18KTHA	137	7.3	4
2,325	3110718028	Đinh Hoàng Giang	01ĐH18KTHA	122	6.8	4
2,326	3110718029	Nguyễn Thị Thu Giang	01ĐH18KTHA	133	7.5	4
2,327	3110718033	Lý Thu Hằng	01ĐH18KTHA	137	7.4	4
2,328	3110718034	Nguyễn Thị Hậu	01ĐH18KTHA	137	7.4	4
2,329	3110718035	Đường Minh Hiếu	01ĐH18KTHA	137	7.4	4
2,330	3110718038	Nguyễn Minh Hiếu	01ĐH18KTHA	137	7.3	4
2,331	3110718039	Nguyễn Minh Hiếu	01ĐH18KTHA	121	6.8	4
2,332	3110718041	Phạm Văn Hiếu	01ĐH18KTHA	114	6.6	4
2,333	3110718043	Đồng Mạnh Hiệp	01ĐH18KTHA	60	5.8	4
2,334	3110718044	Đỗ Tuấn Hiệp	01ĐH18KTHA	121	7.3	4
2,335	3110718045	Phùng Văn Hiệp	01ĐH18KTHA	125	6.9	4
2,336	3110718049	Đỗ Văn Hoàng	01ĐH18KTHA	133	7.1	4
2,337	3110718050	Lê Đình Hoàng	01ĐH18KTHA	133	6.9	4
2,338	3110718051	Nguyễn Đắc Hòa	01ĐH18KTHA	118	6.8	4
2,339	3110718052	Hoàng Việt Hoàng	01ĐH18KTHA	120	6.9	4
2,340	3110718053	Cà Văn Học	01ĐH18KTHA	137	7.2	4
2,341	3110718055	Nguyễn Văn Huân	01ĐH18KTHA	133	7.2	4
2,342	3110718056	Nguyễn Văn Huy	01ĐH18KTHA	137	7.1	4
2,343	3110718057	Nguyễn Quang Huy	01ĐH18KTHA	137	7	4
2,344	3110718058	Nguyễn Quốc Huy	01ĐH18KTHA	132	6.9	4
2,345	3110718059	Phan Văn Huy	01ĐH18KTHA	137	7.2	4
2,346	3110718060	Phạm Hồng Huy	01ĐH18KTHA	129	6.9	4

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
2,347	3110718061	Nguyễn Văn Huynh	01ĐH18KTHA	126	6.6	4
2,348	3110718062	Nguyễn Ngọc Hùng	01ĐH18KTHA	137	6.9	4
2,349	3110718063	Nguyễn Văn Hùng	01ĐH18KTHA	137	7.1	4
2,350	3110718064	Hoàng Việt Hưng	01ĐH18KTHA	137	7.3	4
2,351	3110718066	Hà Trọng Khánh	01ĐH18KTHA	129	7.1	4
2,352	3110718069	Nguyễn Hồng Kiên	01ĐH18KTHA	125	7.1	4
2,353	3110718070	Hoàng Văn Kỳ	01ĐH18KTHA	125	7.1	4
2,354	3110718071	Phạm Thị Linh	01ĐH18KTHA	137	7.6	4
2,355	3110718072	Phạm Thị Mỹ Linh	01ĐH18KTHA	137	7.3	4
2,356	3110718075	Nguyễn Phi Long	01ĐH18KTHA	133	7.2	4
2,357	3110718076	Nguyễn Thành Long	01ĐH18KTHA	123	7	4
2,358	3110718077	Nguyễn Thành Long	01ĐH18KTHA	123	7	4
2,359	3110718078	Phạm Đức Long	01ĐH18KTHA	135	6.8	4
2,360	3110718079	Vũ Hoàng Long	01ĐH18KTHA	137	6.9	4
2,361	3110718080	Nguyễn Minh Lý	01ĐH18KTHA	74	6.1	4
2,362	3110718081	Mai Danh Minh	01ĐH18KTHA	106	6.1	4
2,363	3110718082	Vũ Thị Minh	01ĐH18KTHA	137	7	4
2,364	3110718083	Lê Văn Nam	01ĐH18KTHA	115	6.8	4
2,365	3110718084	Nguyễn Kinh Nam	01ĐH18KTHA	126	6.6	4
2,366	3110718086	Bùi Thị Nga	01ĐH18KTHA	120	7.1	4
2,367	3110718087	Hồ Đại Nghĩa	01ĐH18KTHA	133	7.1	4
2,368	3110718088	Đỗ Bích Ngọc	01ĐH18KTHA	137	7.4	4
2,369	3110718089	Phạm Đắc Ngôn	01ĐH18KTHA	120	6.8	4
2,370	3110718090	Vương Nông Ngọc	01ĐH18KTHA	109	6.6	4
2,371	3110718092	Đồng Thị Như	01ĐH18KTHA	137	7.8	4
2,372	3110718093	Chu Thị Thu Phương	01ĐH18KTHA	137	7.5	4
2,373	3110718094	Đoàn Minh Phương	01ĐH18KTHA	137	7.6	4
2,374	3110718095	Đỗ Nguyên Phương	01ĐH18KTHA	125	6.6	4
2,375	3110718097	Nguyễn Văn Quảng	01ĐH18KTHA	137	7	4
2,376	3110718099	Nguyễn Văn Quỳnh	01ĐH18KTHA	125	6.9	4
2,377	3110718100	Ngô Quang Sang	01ĐH18KTHA	100	6.5	4
2,378	3110718101	Lương Văn Sáng	01ĐH18KTHA	130	6.8	4
2,379	3110718102	Đỗ Văn Sơn	01ĐH18KTHA	137	7.2	4
2,380	3110718103	Nguyễn Hữu Sơn	01ĐH18KTHA	134	7.1	4
2,381	3110718105	Trương Minh Tâm	01ĐH18KTHA	129	7	4
2,382	3110718106	Nguyễn Văn Tân	01ĐH18KTHA	115	6.6	4
2,383	3110718107	Nguyễn Trọng Tấn	01ĐH18KTHA	137	7	4
2,384	3110718109	Tô Văn Thành	01ĐH18KTHA	125	6.5	4
2,385	3110718112	Triệu Thạch Thảo	01ĐH18KTHA	137	6.9	4
2,386	3110718114	Đỗ Văn Thắng	01ĐH18KTHA	137	7.5	4
2,387	3110718115	Vũ Đức Thắng	01ĐH18KTHA	131	6.9	4
2,388	3110718116	Trần Hữu Thìn	01ĐH18KTHA	133	7	4
2,389	3110718117	Nguyễn Chí Thông	01ĐH18KTHA	137	7.2	4
2,390	3110718118	Nguyễn Văn Thuấn	01ĐH18KTHA	137	7.4	4
2,391	3110718119	Nông Thị Hoài Thu	01ĐH18KTHA	129	6.5	4
2,392	3110718120	Nguyễn Văn Tiệp	01ĐH18KTHA	120	6.8	4
2,393	3110718121	Nguyễn Văn Toản	01ĐH18KTHA	125	7.1	4

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
2,394	3110718122	Vũ Đình Tuân	01ĐH18KTHA	119	7.1	4
2,395	3110718123	Nguyễn Việt Tuấn	01ĐH18KTHA	93	6.5	4
2,396	3110718125	Trịnh Minh Tuấn	01ĐH18KTHA	137	7	4
2,397	3110718126	Tống Thị Thanh Tuyền	01ĐH18KTHA	137	7.3	4
2,398	3110718127	Nguyễn Đức Tú	01ĐH18KTHA	133	6.8	4
2,399	3110718129	Hoàng Anh Tú	01ĐH18KTHA	82	6.4	4
2,400	3110718131	Nguyễn Thị Tươi	01ĐH18KTHA	132	7	4
2,401	3110718132	Đoàn Huyền Trang	01ĐH18KTHA	137	7.4	4
2,402	3110718133	Lê Thị Thu Trang	01ĐH18KTHA	137	7.3	4
2,403	3110718134	Tạ Văn Trình	01ĐH18KTHA	136	7.1	4
2,404	3110718135	Vũ Duy Trường	01ĐH18KTHA	122	6.7	4
2,405	3110718136	Nguyễn Thị Hải Vân	01ĐH18KTHA	133	7.3	4
2,406	3110718137	Trịnh Quang Việt	01ĐH18KTHA	137	7.4	4
2,407	3110718139	Nguyễn Khắc Vũ	01ĐH18KTHA	137	8	4
2,408	3110718140	Nguyễn Thị Hải Yến	01ĐH18KTHA	137	7.8	4
2,409	3110718141	Hoàng Thị Bảo Yến	01ĐH18KTHA	137	7.8	4
2,410	3110818080	Thào Tiến Tùng	01ĐH18KTHA	137	7.1	4
2,411	3110217249	Hoàng Văn Mến	01ĐH18NHA	139	6.6	4
2,412	3110218005	Nguyễn Thị Lan Anh	01ĐH18NHA	139	7.1	4
2,413	3110218009	Phạm Thị Phương Anh	01ĐH18NHA	135	7.1	4
2,414	3110218031	Đoàn Thị Thúy Hằng	01ĐH18NHA	127	6.5	4
2,415	3110218034	Phạm Thị Hiếu	01ĐH18NHA	139	6.9	4
2,416	3110218039	Trần Thị Hoa	01ĐH18NHA	139	6.9	4
2,417	3110218048	Nguyễn Thị Thanh Huyền	01ĐH18NHA	139	6.9	4
2,418	3110218070	Nguyễn Thúy Nga	01ĐH18NHA	137	6.8	4
2,419	3110218078	Trịnh Thảo Nguyên	01ĐH18NHA	139	7.1	4
2,420	3110218106	Nguyễn Thị Hồng Thúy	01ĐH18NHA	143	7.2	4
2,421	3110218107	Phạm Thị Thúy	01ĐH18NHA	137	7.2	4
2,422	3110218119	Bùi Thị Thu Trang	01ĐH18NHA	121	6.3	4
2,423	3110218125	Trần Thị Thu Trang	01ĐH18NHA	139	6.8	4
2,424	3110218128	Đặng Thị Huyền Trân	01ĐH18NHA	134	6.9	4
2,425	3110218246	Nguyễn Ngọc Huyền	01ĐH18NHA	135	6.9	4
2,426	3110218264	Nguyễn Thị Mai Loan	01ĐH18NHA	143	7.3	4
2,427	3110218265	Dương Thị Long	01ĐH18NHA	139	7.2	4
2,428	3110218318	Bùi Thị Thu Trang	01ĐH18NHA	139	6.9	4
2,429	3110218326	Bùi Thị Thu Trà	01ĐH18NHA	131	7	4
2,430	3110218328	Lê Viễn Trinh	01ĐH18NHA	139	7	4
2,431	3110218013	Nguyễn Thị Chi	01ĐH18SPK	127	7.4	4
2,432	3110218030	Dương Thị Thu Hằng	01ĐH18SPK	121	7.3	4
2,433	3110218041	Bùi Thị Hòa	01ĐH18SPK	131	7.3	4
2,434	3110218043	Dương Thị Hợp	01ĐH18SPK	116	6.9	4
2,435	3110218058	Lý Thị Thùy Linh	01ĐH18SPK	129	7.2	4
2,436	3110218060	Nguyễn Thùy Linh	01ĐH18SPK	125	7.3	4
2,437	3110218063	Vũ Thị Mỹ Linh	01ĐH18SPK	124	7.2	4
2,438	3110218064	Ngô Thị Kiều Loan	01ĐH18SPK	137	7.1	4
2,439	3110218077	Vũ Thị Ánh Ngọc	01ĐH18SPK	126	7	4
2,440	3110218080	Nguyễn Thị Nhạn	01ĐH18SPK	122	7.2	4

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
2,441	3110218083	Trần Thị Hồng Nhung	01ĐH18SPK	135	7.2	4
2,442	3110218086	Hà Kiều Oanh	01ĐH18SPK	131	7	4
2,443	3110218104	Nguyễn Minh Thu	01ĐH18SPK	128	7	4
2,444	3110218123	Nguyễn Thị Thu Trang	01ĐH18SPK	114	7.2	4
2,445	3110218212	Nguyễn Thị Ngọc Châm	01ĐH18SPK	126	7.1	4
2,446	3110218213	Quang Thị Kim Chi	01ĐH18SPK	124	6.8	4
2,447	3110218231	Lương Thị Yến Hằng	01ĐH18SPK	132	7.2	4
2,448	3110218300	Trần Thị Thảo	01ĐH18SPK	123	7	4
2,449	3110218324	Trần Huyền Trang	01ĐH18SPK	119	7.1	4
2,450	3110517021	Vũ Huy Hoàng	01ĐH18XN	132	7	4
2,451	3110517159	Nguyễn Như Quỳnh	01ĐH18XN	132	6.8	4
2,452	3110518001	Đồng Hải An	01ĐH18XN	121	6.4	4
2,453	3110518003	Dương Thị Anh	01ĐH18XN	132	7.6	4
2,454	3110518004	Dương Thị Lan Anh	01ĐH18XN	132	7.4	4
2,455	3110518005	Đinh Hoàng Anh	01ĐH18XN	113	6.5	4
2,456	3110518006	Lê Đức Anh	01ĐH18XN	132	7	4
2,457	3110518007	Phạm Vân Anh	01ĐH18XN	132	7.5	4
2,458	3110518008	Phùng Phương Anh	01ĐH18XN	132	6.8	4
2,459	3110518009	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	01ĐH18XN	132	7.7	4
2,460	3110518010	Phạm Ngọc Ánh	01ĐH18XN	132	6.8	4
2,461	3110518011	Nông Thị Ánh	01ĐH18XN	132	7.1	4
2,462	3110518012	Ngô Thị Ngọc Biển	01ĐH18XN	132	7.4	4
2,463	3110518013	Nguyễn Thị Ngọc Bích	01ĐH18XN	132	7.3	4
2,464	3110518015	Phạm Hữu Bộ	01ĐH18XN	132	7	4
2,465	3110518016	Lưu Khánh Chi	01ĐH18XN	132	7.2	4
2,466	3110518017	Lê Đình Chiến	01ĐH18XN	132	7.8	4
2,467	3110518019	Lương Thị Huyền Chinh	01ĐH18XN	121	6.6	4
2,468	3110518020	Phan Thị Chúc	01ĐH18XN	132	7.6	4
2,469	3110518021	Đinh Thị Kim Cúc	01ĐH18XN	132	7.2	4
2,470	3110518022	Bùi Thị Diễm	01ĐH18XN	132	8	4
2,471	3110518023	Trần Thị Diệp	01ĐH18XN	132	7.7	4
2,472	3110518025	Ngô Thị Dung	01ĐH18XN	124	6.9	4
2,473	3110518028	Nguyễn Tiến Dũng	01ĐH18XN	117	7.1	4
2,474	3110518030	Vũ Hải Đăng	01ĐH18XN	132	7.8	4
2,475	3110518032	Nguyễn Thị Thu Giang	01ĐH18XN	128	7	4
2,476	3110518033	Phạm Thị Kiều Giang	01ĐH18XN	132	7.5	4
2,477	3110518034	Phùng Thị Linh Giang	01ĐH18XN	132	6.8	4
2,478	3110518036	Đào Thu Hà	01ĐH18XN	132	7.6	4
2,479	3110518038	Đặng Hồng Hạnh	01ĐH18XN	132	6.8	4
2,480	3110518039	Ngọ Thị Hạnh	01ĐH18XN	132	6.9	4
2,481	3110518040	Đào Thị Thanh Hằng	01ĐH18XN	132	7.8	4
2,482	3110518041	Lương Thị Hằng	01ĐH18XN	132	7	4
2,483	3110518042	Phan Thị Hằng	01ĐH18XN	132	7.3	4
2,484	3110518043	Vũ Minh Hằng	01ĐH18XN	124	7	4
2,485	3110518044	Nguyễn Thu Hiền	01ĐH18XN	132	7.7	4
2,486	3110518045	Phạm Thị Hoa	01ĐH18XN	132	7.4	4
2,487	3110518046	Phạm Thị Mai Hoa	01ĐH18XN	132	7.5	4

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
2,488	3110518047	Phạm Thị Thu Hoài	01ĐH18XN	132	7.1	4
2,489	3110518048	Phạm Thu Hoài	01ĐH18XN	132	6.9	4
2,490	3110518049	Hoàng Thị Hoàn	01ĐH18XN	124	6.9	4
2,491	3110518050	Lê Thị Hồng	01ĐH18XN	131	7	4
2,492	3110518051	Ngô Thị Hồng	01ĐH18XN	128	7	4
2,493	3110518052	Vũ Thị Huê	01ĐH18XN	132	7.3	4
2,494	3110518053	Đinh Thị Huế	01ĐH18XN	132	8	4
2,495	3110518054	Nguyễn Thị Huế	01ĐH18XN	132	7.3	4
2,496	3110518055	Trần Quang Huy	01ĐH18XN	130	7	4
2,497	3110518056	Trịnh Đình Huy	01ĐH18XN	132	7.2	4
2,498	3110518057	Phạm Thị Huyền	01ĐH18XN	132	7.2	4
2,499	3110518058	Hoàng Thị Hường	01ĐH18XN	107	6.5	4
2,500	3110518059	Nguyễn Thị Hường	01ĐH18XN	132	7.6	4
2,501	3110518060	Tạ Thị Kiều	01ĐH18XN	132	7.4	4
2,502	3110518061	Hoàng Hiểu Lan	01ĐH18XN	132	7.2	4
2,503	3110518063	Vũ Thị Liên	01ĐH18XN	132	7.4	4
2,504	3110518064	Đào Thùy Linh	01ĐH18XN	132	7.6	4
2,505	3110518065	Ngô Thị Thùy Linh	01ĐH18XN	132	6.9	4
2,506	3110518066	Nguyễn Mỹ Linh	01ĐH18XN	132	7.1	4
2,507	3110518067	Nguyễn Thị Thùy Linh	01ĐH18XN	128	6.8	4
2,508	3110518068	Nguyễn Thùy Linh	01ĐH18XN	115	6.7	4
2,509	3110518071	Nguyễn Thị Lương	01ĐH18XN	132	7	4
2,510	3110518072	Đoàn Thị Quỳnh Mai	01ĐH18XN	119	6.5	4
2,511	3110518073	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	01ĐH18XN	132	7.1	4
2,512	3110518074	Trần Thị Quỳnh Mai	01ĐH18XN	132	7.3	4
2,513	3110518076	Nguyễn Thị Nga	01ĐH18XN	132	7.6	4
2,514	3110518077	Nguyễn Thị Nga	01ĐH18XN	124	6.5	4
2,515	3110518078	Vũ Thị Thùy Ngân	01ĐH18XN	132	7	4
2,516	3110518079	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	01ĐH18XN	132	7.5	4
2,517	3110518080	Trương Thu Nhi	01ĐH18XN	132	7.3	4
2,518	3110518081	Vũ Thảo Nhi	01ĐH18XN	132	7.5	4
2,519	3110518082	Doãn Thị Nhung	01ĐH18XN	132	7.4	4
2,520	3110518083	Hà Thị Nhung	01ĐH18XN	132	7.4	4
2,521	3110518084	Lê Hồng Nhung	01ĐH18XN	124	6.9	4
2,522	3110518086	Hoàng Thị Oanh	01ĐH18XN	132	7.1	4
2,523	3110518087	Nguyễn Thị Oanh	01ĐH18XN	132	7.5	4
2,524	3110518088	Lê Thị Hồng Uyên	01ĐH18XN	123	6.9	4
2,525	3110518089	Nguyễn Thu Uyên	01ĐH18XN	132	7.2	4
2,526	3110518091	Nguyễn Thị Phú	01ĐH18XN	132	6.9	4
2,527	3110518094	Vương Đức Quảng	01ĐH18XN	132	7	4
2,528	3110518096	Lê Thị Như Quỳnh	01ĐH18XN	124	6.5	4
2,529	3110518097	Lê Thị Thanh Tâm	01ĐH18XN	132	6.9	4
2,530	3110518098	Mai Thị Tân	01ĐH18XN	128	6.7	4
2,531	3110518099	Đào Lương Thị Thảo	01ĐH18XN	126	6.8	4
2,532	3110518101	Bùi Thị Thắm	01ĐH18XN	132	7.3	4
2,533	3110518105	Nguyễn Thị Anh Thơ	01ĐH18XN	132	7	4
2,534	3110518106	Nguyễn Thị Thu	01ĐH18XN	132	7.3	4

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
2,535	3110518107	Nguyễn Thị Hoài Thu	01ĐH18XN	132	6.9	4
2,536	3110518108	Đoàn Phương Thúy	01ĐH18XN	132	6.9	4
2,537	3110518109	Nguyễn Thị Phương Thúy	01ĐH18XN	119	6.5	4
2,538	3110518112	Hoàng Thị Anh Thư	01ĐH18XN	132	7.2	4
2,539	3110518114	Trần Quang Toàn	01ĐH18XN	113	6.4	4
2,540	3110518115	Nguyễn Thị Toản	01ĐH18XN	128	6.6	4
2,541	3110518116	Đặng Quỳnh Trang	01ĐH18XN	132	6.8	4
2,542	3110518117	Đỗ Huyền Trang	01ĐH18XN	132	7.4	4
2,543	3110518118	Hoàng Thanh Trang	01ĐH18XN	132	6.9	4
2,544	3110518119	Hoàng Thu Trang	01ĐH18XN	132	7.4	4
2,545	3110518120	Lê Thị Huyền Trang	01ĐH18XN	132	7.6	4
2,546	3110518121	Chu Quỳnh Trâm	01ĐH18XN	128	7	4
2,547	3110518122	Hồ Thị Huyền Trâm	01ĐH18XN	132	7.1	4
2,548	3110518123	Lê Minh Triết	01ĐH18XN	132	7.4	4
2,549	3110518124	Nguyễn Thế Trọng	01ĐH18XN	132	7.6	4
2,550	3110518125	Nguyễn Thị Ngọc Trúc	01ĐH18XN	128	7.8	4
2,551	3110518126	Nguyễn Thị Thảo Vân	01ĐH18XN	132	7.2	4
2,552	3110518127	Đặng Hải Yến	01ĐH18XN	131	7.1	4
2,553	3110518128	Nguyễn Thị Yến	01ĐH18XN	132	7.4	4
2,554	3110518129	Phạm Hải Yến	01ĐH18XN	132	7.3	4
2,555	3111117003	Nguyễn Phương Anh	01ĐH18YK	131	6.7	4
2,556	3111117090	Triệu Anh Tiến	01ĐH18YK	92	5.5	4
2,557	3111118001	Dương Thị Vân Anh	01ĐH18YK	123	6.7	4
2,558	3111118002	Phạm Thị Ngọc Anh	01ĐH18YK	123	6.8	4
2,559	3111118003	Thạch Thị Huyền Anh	01ĐH18YK	135	7.8	4
2,560	3111118004	Vi Hải Anh	01ĐH18YK	135	7.7	4
2,561	3111118005	Vũ Thị Lan Anh	01ĐH18YK	121	7.2	4
2,562	3111118006	Mạc Tú Chi	01ĐH18YK	118	6.4	4
2,563	3111118007	Nguyễn Khắc Chiến	01ĐH18YK	127	7.1	4
2,564	3111118008	Đỗ Thị Chinh	01ĐH18YK	135	7.8	4
2,565	3111118009	Phạm Việt Cường	01ĐH18YK	93	5.6	4
2,566	3111118010	Vũ Hải Diệu	01ĐH18YK	123	6.5	4
2,567	3111118011	Nguyễn Thị Dung	01ĐH18YK	129	6.9	4
2,568	3111118012	Vũ Đình Duy	01ĐH18YK	135	6.6	4
2,569	3111118013	Trần Văn Dũng	01ĐH18YK	127	6.6	4
2,570	3111118014	Hoàng Trà Dương	01ĐH18YK	120	6.3	4
2,571	3111118015	Nguyễn Hoàng Đạt	01ĐH18YK	131	6.6	4
2,572	3111118016	Nguyễn Tuấn Đạt	01ĐH18YK	131	6.7	4
2,573	3111118017	Vi Hải Đăng	01ĐH18YK	131	7.3	4
2,574	3111118018	Đinh Văn Điệp	01ĐH18YK	127	6.4	4
2,575	3111118019	Nguyễn Thị Đông	01ĐH18YK	135	7.1	4
2,576	3111118020	Đặng Minh Đức	01ĐH18YK	131	6.8	4
2,577	3111118021	Khúc Thị Hải Hà	01ĐH18YK	119	6.6	4
2,578	3111118022	Hoàng Minh Hào	01ĐH18YK	123	6.8	4
2,579	3111118023	Bùi Thị Thanh Hảo	01ĐH18YK	131	7.5	4
2,580	3111118024	Bùi Thị Thu Hằng	01ĐH18YK	131	7.6	4
2,581	3111118025	Lê Thị Hiền	01ĐH18YK	131	6.7	4

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
2,582	3111118026	Nguyễn Thị Thu Hiền	01ĐH18YK	108	5.9	4
2,583	3111118027	Nguyễn Thị Thuý Hiền	01ĐH18YK	109	6.4	4
2,584	3111118028	Đỗ Văn Hiển	01ĐH18YK	135	6.8	4
2,585	3111118030	Đỗ Việt Hoàng	01ĐH18YK	131	6.4	4
2,586	3111118031	Phạm Thị Hồng Huê	01ĐH18YK	121	6.5	4
2,587	3111118032	Nguyễn Ngọc Huyền	01ĐH18YK	123	6.8	4
2,588	3111118033	Đoàn Thị Hương	01ĐH18YK	131	7.5	4
2,589	3111118034	Nhữ Thị Quỳnh Hương	01ĐH18YK	131	7.6	4
2,590	3111118035	Tạ Thị Lan Hương	01ĐH18YK	123	6.7	4
2,591	3111118036	Lê Thị Phương Lan	01ĐH18YK	127	6.8	4
2,592	3111118037	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	01ĐH18YK	135	7	4
2,593	3111118038	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	01ĐH18YK	135	8	4
2,594	3111118039	La Thanh Loan	01ĐH18YK	127	7.1	4
2,595	3111118040	Chu Việt Long	01ĐH18YK	123	6.3	4
2,596	3111118041	Hoàng Phi Long	01ĐH18YK	127	7.1	4
2,597	3111118042	Ngô Đức Long	01ĐH18YK	127	6.7	4
2,598	3111118043	Nguyễn Quỳnh Mai	01ĐH18YK	135	7.7	4
2,599	3111118044	Đoàn Quang Minh	01ĐH18YK	135	7.7	4
2,600	3111118045	Nguyễn Thị Minh	01ĐH18YK	131	7.8	4
2,601	3111118046	Nguyễn Văn Nam	01ĐH18YK	109	6.5	4
2,602	3111118047	Vũ Minh Ngà	01ĐH18YK	135	7.7	4
2,603	3111118048	Ma Thị Ngắm	01ĐH18YK	118	6.5	4
2,604	3111118049	Vũ Văn Ngọc	01ĐH18YK	115	6.2	4
2,605	3111118050	Hoàng Thị Ngọc Oanh	01ĐH18YK	123	6.6	4
2,606	3111118051	Quyết Minh Phượng	01ĐH18YK	124	6.8	4
2,607	3111118052	Nguyễn Tú Quyên	01ĐH18YK	135	7.9	4
2,608	3111118053	Trần Thị Quyên	01ĐH18YK	123	6.6	4
2,609	3111118055	Trần Thị Sim	01ĐH18YK	135	7.9	4
2,610	3111118057	Phí Trường Thanh	01ĐH18YK	135	7.5	4
2,611	3111118058	Bùi Thị Thu	01ĐH18YK	127	6.3	4
2,612	3111118059	Nguyễn Thị Kim Thu	01ĐH18YK	131	7.1	4
2,613	3111118060	Trịnh Hoài Thu	01ĐH18YK	131	7.1	4
2,614	3111118061	Phạm Thị Trang	01ĐH18YK	119	6.7	4
2,615	3111118062	Nguyễn Hồng Trâm	01ĐH18YK	135	7.7	4
2,616	3111118063	Nguyễn Thành Trung	01ĐH18YK	127	6.8	4
2,617	3111118064	Nguyễn Khắc Trường	01ĐH18YK	127	6.8	4
2,618	3111118066	Phạm Văn Vĩnh	01ĐH18YK	117	6.1	4
2,619	3111118067	Phạm Quốc Võ	01ĐH18YK	128	7	4
2,620	3111116016	Phạm Thị Diễm Hương	01ĐH17YK	169	6.4	5
2,621	3111116040	Trần Anh Tuấn	01ĐH17YK	184	6.9	5
2,622	3111117001	Bùi Thị An	01ĐH17YK	174	7.5	5
2,623	3111117002	Lê Thị Lan Anh	01ĐH17YK	180	7.4	5
2,624	3111117004	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	01ĐH17YK	180	7	5
2,625	3111117005	Đào Ngọc Bắc	01ĐH17YK	174	7.1	5
2,626	3111117006	Phạm Thị Bích	01ĐH17YK	174	7.1	5
2,627	3111117007	Nguyễn Thị Thu Chang	01ĐH17YK	173	6.6	5
2,628	3111117008	Nguyễn Thị Diện	01ĐH17YK	180	7.1	5

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
2,629	3111117009	Ngô Đắc Duẩn	01ĐH17YK	173	7.3	5
2,630	3111117010	Dương Thùy Dung	01ĐH17YK	180	7.1	5
2,631	3111117011	Bùi Thị Thúy Duyên	01ĐH17YK	178	7.8	5
2,632	3111117012	Bùi Xuân Dũng	01ĐH17YK	180	7.2	5
2,633	3111117013	Nguyễn Văn Đạt	01ĐH17YK	174	7	5
2,634	3111117015	Nguyễn Hương Giang	01ĐH17YK	178	7.6	5
2,635	3111117016	Nguyễn Thanh Hà	01ĐH17YK	180	7.1	5
2,636	3111117017	Trần Thị Ngọc Hà	01ĐH17YK	180	7	5
2,637	3111117018	Đặng Thị Hải	01ĐH17YK	174	7.2	5
2,638	3111117019	Phạm Văn Hải	01ĐH17YK	180	7.2	5
2,639	3111117020	Phùng Tiến Hải	01ĐH17YK	180	7.5	5
2,640	3111117021	Trần Mỹ Hảo	01ĐH17YK	174	7	5
2,641	3111117022	Bùi Thúy Hằng	01ĐH17YK	174	6.9	5
2,642	3111117023	Nguyễn Thị Minh Hằng	01ĐH17YK	174	7.3	5
2,643	3111117024	Nguyễn Thị Thu Hằng	01ĐH17YK	180	7	5
2,644	3111117025	Nguyễn Thị Thúy Hằng	01ĐH17YK	180	6.9	5
2,645	3111117026	Nguyễn Thu Hằng	01ĐH17YK	169	6.9	5
2,646	3111117027	Nguyễn Thu Hằng	01ĐH17YK	165	6.7	5
2,647	3111117028	Phạm Thị Hiên	01ĐH17YK	174	7.9	5
2,648	3111117030	Hoàng Công Hiếu	01ĐH17YK	174	6.9	5
2,649	3111117031	Phạm Xuân Hiếu	01ĐH17YK	171	6.6	5
2,650	3111117032	Lê Thị Thanh Hiền	01ĐH17YK	180	7.2	5
2,651	3111117033	Nguyễn Thị Huỳnh Hoa	01ĐH17YK	174	7.2	5
2,652	3111117034	Vũ Thị Thu Hoài	01ĐH17YK	180	7.3	5
2,653	3111117035	Nguyễn Thị Thanh Hòa	01ĐH17YK	180	7.4	5
2,654	3111117037	Vũ Thị Huyền	01ĐH17YK	176	7.1	5
2,655	3111117038	Vũ Thị Thanh Huyền	01ĐH17YK	174	7.1	5
2,656	3111117040	Phạm Minh Hùng	01ĐH17YK	180	7.1	5
2,657	3111117041	Tăng Thị Hương	01ĐH17YK	171	6.8	5
2,658	3111117042	Trịnh Thu Hương	01ĐH17YK	180	7.8	5
2,659	3111117043	Vũ Lan Hương	01ĐH17YK	178	7.9	5
2,660	3111117044	Đặng Thị Ngọc Lan	01ĐH17YK	180	7.2	5
2,661	3111117045	Nguyễn Thị Lan	01ĐH17YK	178	7.6	5
2,662	3111117046	Nguyễn Thị Hạnh Linh	01ĐH17YK	174	7.2	5
2,663	3111117047	Vũ Thị Linh	01ĐH17YK	180	7.4	5
2,664	3111117048	Chu Thành Long	01ĐH17YK	180	7	5
2,665	3111117049	Đàm Thị Luyến	01ĐH17YK	178	7.5	5
2,666	3111117051	Bùi Thị Mận	01ĐH17YK	184	7.4	5
2,667	3111117052	Nguyễn Thị Trà My	01ĐH17YK	174	7.2	5
2,668	3111117053	Nguyễn Thị Na	01ĐH17YK	178	7.1	5
2,669	3111117054	Lương Phương Nam	01ĐH17YK	155	6.4	5
2,670	3111117055	Phạm Thị Hồng Nga	01ĐH17YK	180	7.3	5
2,671	3111117056	Phạm Thị Phương Nga	01ĐH17YK	180	7.2	5
2,672	3111117057	Nguyễn Thị Ngát	01ĐH17YK	180	6.9	5
2,673	3111117058	Đặng Thị Thế Ngân	01ĐH17YK	170	6.8	5
2,674	3111117059	Lê Thị Hồng Ngọc	01ĐH17YK	180	7.2	5
2,675	3111117060	Trần Thị Bích Ngọc	01ĐH17YK	176	7	5

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
2,676	3111117061	Phạm Tân Nguyên	01ĐH17YK	180	7.4	5
2,677	3111117062	Lê Thị Nguyệt	01ĐH17YK	155	6.9	5
2,678	3111117063	Vũ Thị Nguyệt	01ĐH17YK	180	7	5
2,679	3111117064	Chu Thị Nhàn	01ĐH17YK	174	6.7	5
2,680	3111117065	Đoàn Thị Nhung	01ĐH17YK	168	6.6	5
2,681	3111117066	Mai Thị Nhung	01ĐH17YK	180	7.6	5
2,682	3111117067	Nguyễn Thị Hồng Nhung	01ĐH17YK	174	7.5	5
2,683	3111117068	Vi Thị Hồng Nhung	01ĐH17YK	180	7.1	5
2,684	3111117069	Nguyễn Đăng Ninh	01ĐH17YK	170	7	5
2,685	3111117070	Ngải Chá Phìn	01ĐH17YK	180	7.1	5
2,686	3111117071	Nguyễn Hải Phong	01ĐH17YK	166	7.1	5
2,687	3111117072	Dương Thị Phương	01ĐH17YK	180	7.5	5
2,688	3111117073	Nguyễn Thị Cúc Phương	01ĐH17YK	180	7.1	5
2,689	3111117074	Nguyễn Thu Phương	01ĐH17YK	176	6.9	5
2,690	3111117075	Nguyễn Tiến Phương	01ĐH17YK	180	7.6	5
2,691	3111117076	Phan Thị Phương	01ĐH17YK	180	7.4	5
2,692	3111117077	Dương Lệ Quyên	01ĐH17YK	178	7.5	5
2,693	3111117078	Nguyễn Danh Quyền	01ĐH17YK	174	7.4	5
2,694	3111117079	Phạm Trọng Sỹ	01ĐH17YK	180	7.2	5
2,695	3111117080	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	01ĐH17YK	180	7.1	5
2,696	3111117081	Ngô Thị Phương Thảo	01ĐH17YK	180	7.5	5
2,697	3111117082	Nguyễn Phương Thảo	01ĐH17YK	170	6.6	5
2,698	3111117083	Nguyễn Thị Thảo	01ĐH17YK	178	7.2	5
2,699	3111117085	Bùi Thị Thịnh	01ĐH17YK	180	7.6	5
2,700	3111117086	Nguyễn Thị Thu	01ĐH17YK	180	7.6	5
2,701	3111117087	Trần Hoài Thu	01ĐH17YK	180	7.2	5
2,702	3111117088	Đào Thị Phương Thúy	01ĐH17YK	180	6.9	5
2,703	3111117089	Nguyễn Thị Thùy	01ĐH17YK	177	6.8	5
2,704	3111117091	Nguyễn Thị Tình	01ĐH17YK	178	7.5	5
2,705	3111117092	Trần Anh Tuấn	01ĐH17YK	178	8	5
2,706	3111117093	Trịnh Văn Tuấn	01ĐH17YK	180	7.1	5
2,707	3111117094	Đào Thị Tuyết	01ĐH17YK	180	7.4	5
2,708	3111117095	Trần Thị Huyền Trang	01ĐH17YK	180	7.7	5
2,709	3111117096	Trần Thị Thu Trang	01ĐH17YK	180	7.1	5
2,710	3111117099	Vũ Tiến Trung	01ĐH17YK	177	7.2	5
2,711	3111117100	Trần Huy Trường	01ĐH17YK	174	6.8	5
2,712	3111117101	Nguyễn Thị Thanh Xuân	01ĐH17YK	180	7.4	5
2,713	3111117102	Nguyễn Thị Xuyên	01ĐH17YK	180	7.7	5
2,714	3111117103	Vũ Thị Yến	01ĐH17YK	174	7.1	5
2,715	3111113065	Hà Duy Vương	01ĐH16YK	158	5.9	6
2,716	3111116001	Dư Thị Anh	01ĐH16YK	208	7.9	6
2,717	3111116003	Hoàng Thị Bằng	01ĐH16YK	206	7.3	6
2,718	3111116004	Đồng Thị Dung	01ĐH16YK	207	6.9	6
2,719	3111116005	Tạ Thị Duyên	01ĐH16YK	211	7.4	6
2,720	3111116006	Hà Tuấn Dũng	01ĐH16YK	172	6.3	6
2,721	3111116007	Nguyễn Anh Dương	01ĐH16YK	191	6.8	6
2,722	3111116008	Nguyễn Đức Giang	01ĐH16YK	211	6.9	6

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
2,723	3111116009	Phạm Ngân Hà	01ĐH16YK	201	6.9	6
2,724	3111116010	Nguyễn Thị Hạnh	01ĐH16YK	208	7.2	6
2,725	3111116011	Phạm Thị Ngọc Hiền	01ĐH16YK	211	7.5	6
2,726	3111116012	Văn Thị Hoa	01ĐH16YK	211	7.4	6
2,727	3111116013	Đặng Thị Hồng	01ĐH16YK	211	7.7	6
2,728	3111116014	Đoàn Văn Huấn	01ĐH16YK	200	6.5	6
2,729	3111116015	Nguyễn Thị Huệ	01ĐH16YK	211	7.6	6
2,730	3111116017	Nguyễn Thị Lam	01ĐH16YK	211	7.3	6
2,731	3111116018	Bùi Thị Thùy Linh	01ĐH16YK	211	7.7	6
2,732	3111116019	Nguyễn Diệu Linh	01ĐH16YK	208	7.5	6
2,733	3111116020	Phùng Thị Linh	01ĐH16YK	211	7.5	6
2,734	3111116021	Trần Thị Chi Linh	01ĐH16YK	204	6.9	6
2,735	3111116022	Nguyễn Hải Long	01ĐH16YK	207	7	6
2,736	3111116023	Hoàng Thị Mai	01ĐH16YK	211	7.1	6
2,737	3111116024	Trần Hữu Mạnh	01ĐH16YK	204	7	6
2,738	3111116025	Nguyễn Thị Mến	01ĐH16YK	211	7.7	6
2,739	3111116026	Ngô Thúy Nga	01ĐH16YK	211	7.6	6
2,740	3111116027	Nguyễn Thị Hồng Nhung	01ĐH16YK	208	7.8	6
2,741	3111116028	Nguyễn Kiều Oanh	01ĐH16YK	211	7.6	6
2,742	3111116029	Vũ Kim Quý	01ĐH16YK	211	7.3	6
2,743	3111116030	Nguyễn Thị Quỳnh	01ĐH16YK	211	7.1	6
2,744	3111116031	Lại Thị Sâm	01ĐH16YK	206	7.3	6
2,745	3111116032	Nguyễn Thế Thái	01ĐH16YK	211	7	6
2,746	3111116033	Nguyễn Thị Kim Thu	01ĐH16YK	211	7.7	6
2,747	3111116034	Vũ Văn Thúy	01ĐH16YK	209	6.8	6
2,748	3111116035	Vũ Thị Thủy	01ĐH16YK	211	7.2	6
2,749	3111116036	Vũ Minh Thức	01ĐH16YK	188	6.8	6
2,750	3111116037	Vũ Văn Tiến	01ĐH16YK	211	7.8	6
2,751	3111116038	Nguyễn Thị Toàn	01ĐH16YK	208	7.1	6
2,752	3111116039	Nguyễn Trọng Tuấn	01ĐH16YK	211	7.9	6
2,753	3111116041	Vũ Thị Tú	01ĐH16YK	211	7.2	6
2,754	3111116042	Lương Thị Vân	01ĐH16YK	211	7.3	6
2,755	3111116043	Trần Xuân Vũ	01ĐH16YK	209	7.2	6
2,756	3111116044	Đỗ Thị Kim Cương	01ĐH16YK	211	7.4	6
2,757	3111116045	Hoàng Thị Linh Chi	01ĐH16YK	211	7	6
2,758	3111116046	Nguyễn Tiến Dũng	01ĐH16YK	208	7.2	6
2,759	3111116047	Lâm Hữu Đức	01ĐH16YK	209	7	6
2,760	3111116048	Lê Thị Hương	01ĐH16YK	211	7.2	6
2,761	3111116049	Trần Khánh Linh	01ĐH16YK	208	7.2	6
2,762	3111116050	Trần Văn Lộc	01ĐH16YK	206	6.7	6
2,763	3111116051	Lê Thị Ngà	01ĐH16YK	211	7.7	6
2,764	3111116052	Nguyễn Thị Như Ngọc	01ĐH16YK	208	7.2	6
2,765	3111116053	Phạm Thị Nhung	01ĐH16YK	211	7.5	6
2,766	3111116054	Trần Hà Phương	01ĐH16YK	211	7.1	6
2,767	3111116055	Vũ Thị Quỳnh	01ĐH16YK	211	7.6	6
2,768	3111116056	Man Phú Sơn	01ĐH16YK	204	6.8	6
2,769	3111116057	Lê Thị Phương Thanh	01ĐH16YK	211	7.6	6

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Số TC tích lũy	TBC HT	Năm đào tạo
2,770	3111116058	Phạm Hùng Thắng	01ĐH16YK	202	6.8	6
2,771	3111116059	Trương Minh Tiến	01ĐH16YK	200	6.6	6
2,772	3111116060	Đặng Thị Thục Trinh	01ĐH16YK	211	7.6	6
2,773	3111116061	Nguyễn Thị Khuyên	01ĐH16YK	211	7.7	6

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

PGS.TS. Đinh Thị Diệu Hằng